BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU LINH

CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN DIỆU LINH

CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số : 60900101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN TRUNG HẢI

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Trung Hải.

Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này hoàn toàn trung thực.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

HỌC VIÊN

Nguyễn Diệu Linh

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp "Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội" tôi đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình, sự quan tâm, giúp đỡ của thầy cô, bạn bè, gia đình.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến TS. Nguyễn Trung Hải đã tận tình hướng dẫn, luôn quan tâm, lắng nghe ý kiến cũng như truyền đạt cho tôi những kiến thức, kinh nghiệm để tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban giám hiệu, Khoa Sau đại học và tất cả các thầy giáo, cô giáo trong Khoa Công tác xã hội – Đại học Lao động xã hội đã trang bị kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong thời gian học tập và thực hiện luận văn tại trường.

Tôi trân trọng cảm ơn Lãnh đạo và cán bộ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Đống Đa, cán bộ chính sách phường thuộc quận Đống Đa đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành việc thu thập số liệu phục vụ cho luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

HỌC VIÊN

Nguyễn Diệu Linh

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG I
DANH MỤC BIỂU ĐỒ II
PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 3
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 8
4. Đối tượng, khách thể nghiên cứu 9
5. Phạm vi nghiên cứu 9
6. Ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn của đề tài 10
7. Phương pháp nghiên cứu 11
8. Nội dung chi tiết 13
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO 14
1.1. Khái niệm, vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 14
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 14
1.1.2. Vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 19
1.2. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo 20
1.2.1. Chủ trương, chính sách về giảm nghèo 20
1.2.2. Một số chương trình giảm nghèo 24
1.2.3. Một số hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo 27
1.3. Vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 38
1.3.1. Vai trò kết nối 38
1.3.2. Vai trò vận động nguồn lực 40
1.3.3. Vai trò biện hộ 42

1.3.4. Vai trò giáo dục 44

1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 45

1.4.1. Yếu tố chính sách và pháp luật ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 45

1.4.2. Yếu tố cán bộ chính sách tại địa phương ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 47

1.4.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 48

1.4.4. Yếu tố nhận thức của cộng đồng ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 48

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI 51

2.1. Mô tả địa bàn và khách thể nghiên cứu 51

2.1.1. Mô tả địa bàn nghiên cứu 51

2.1.2. Mô tả khách thể nghiên cứu 55

2.2. Thực trạng vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 61

2.2.1. Thực trạng vai trò kết nối trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 61

2.2.2. Thực trạng vai trò vận động nguồn lực trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 74

2.2.3. Thực trạng vai trò biện hộ trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 85

2.2.4. Thực trạng vai trò giáo dục trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 88

2.3. Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 92

2.3.1. Thực trạng yếu tố chính sách và pháp luật ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 92

2.3.2. Thực trạng năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 94

2.3.3. Thực trạng nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội..... 96

2.3.4. Thực trạng nhận thức của cộng đồng ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội..... 97

3.1. Quan điểm về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 101

3.1.1. Quan điểm chung về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo 101

3.1.2. Quan điểm của Quận Đống Đa về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo..... 103

3.2. Nhóm Giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 105

3.2.1. Một số giải pháp chung nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 105

3.2.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội 110

KẾT LUẬN..... 117

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 120

PHỤ LỤC……...……

DANH MỤC BẢNG

		TRANG
Bảng 2.1:	Số liệu hộ nghèo 13 phường trong nghiên cứu	54
Bảng 2.2:	Số liệu hộ nghèo 21 phường thuộc quận Đống Đa	55
Bảng 2.3:	Thông tin cán bộ chính sách phường được phỏng vấn sâu	60

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

	TÊN BIỂU ĐỒ	TRANG
Biểu đồ 2.1:	Số lượng hộ nghèo được truyền thông về chính sách giảm nghèo	62
Biểu đồ 2.2:	Đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo	64
Biểu đồ 2.3:	Đánh giá vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông	66
Biểu đồ 2.4:	Số lượng người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm	68
Biểu đồ 2.5:	Đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm	71
Biểu đồ 2.6:	Những khó khăn, vướng mắc của người nghèo trong quá trình học nghề và kết nối việc làm	77
Biểu đồ 2.7:	Đánh giá của người nghèo về hiệu quả hoạt động hỗ trợ tài chính	81
Biểu đồ 2.8:	Đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính	84

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đói nghèo là một hiện tượng xã hội bức xúc có tính lịch sử trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, không những có thể gây ra thảm hoạ về nhân đạo, mà còn có nguy cơ gây bất ổn xã hội. Nghèo đói thể hiện ở tình trạng kiệt quệ của một bộ phận dân cư bao gồm nhiều khía cạnh, từ thu nhập kém tới tình trạng dễ bị tổn thương khi phải đối mặt với những tai ương bất ngờ, hoặc ít có khả năng tham gia vào quá trình ra quyết định của cộng đồng. Đói nghèo có nguyên nhân trước hết và chủ yếu là do khi xã hội loài người đạt đến một trình độ phát triển nhất định, lực lượng sản xuất tạo ra những sản phẩm thặng dư. Sự bất bình đẳng trong chiếm hữu tư liệu sản xuất nảy sinh ra sự phân hóa thành những tầng lớp khác nhau. Chính vì vậy, xóa đói giảm nghèo là một công cuộc đấu tranh đầy cam go mà để đạt được thành công cần thực hiện công bằng các chính sách tăng trưởng kinh tế song hành cùng an sinh xã hội.

Trong suốt những thập kỉ qua, theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, thế giới đã có những tiến bộ rõ rệt về giảm nghèo. Thế giới đã đạt được Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đầu tiên - giảm tỷ lệ đói nghèo năm 1990 xuống một nửa vào năm 2015 - năm năm so với kế hoạch, vào năm 2010. Mặc dù tiến bộ trong giảm nghèo, số người sống trong cảnh đói nghèo cùng cực trên toàn cầu vẫn cao. Và với dự báo tăng trưởng toàn cầu thì giảm nghèo có thể không đủ nhanh để đạt được mục tiêu chấm dứt nạn đói nghèo vào năm 2030.

Do đó, công việc chấm dứt tình trạng nghèo cùng cực vẫn chưa thể sớm kết thúc, với nhiều thách thức còn tồn tại. Việc tiếp cận những người còn lại trong cảnh đói nghèo cùng cực càng trở nên khó khăn hơn. Việc tiếp cận được các dịch vụ cơ bản như giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, điện, nước sạch và các

dịch vụ quan trọng khác thường bị phụ thuộc vào tình trạng kinh tế xã hội, giới tính, dân tộc và địa lý. Hơn nữa, đối với những người có thể thoát nghèo, tiến bộ thường là tạm thời: những cú sốc kinh tế, mất an ninh lương thực và biến đổi khí hậu đe dọa cướp đi lợi ích của họ và đẩy họ trở lại nghèo đói.

Hà Nội là đô thị loại đặc biệt, song tỉ lệ hộ nghèo vẫn còn cao, chiếm 1,29% tổng số hộ nghèo theo chuẩn Trung Ương. Là một trong 12 quận nội thành ở trung tâm Thủ đô, có kinh tế - xã hội phát triển song trên toàn quận Đống Đa vẫn còn 493 hộ thuộc diện nghèo, chiếm 0,48% số hộ toàn thành phố. Chính quyền quận Đống Đa đã đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo do thành phố Hà Nội ban hành, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cũng góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống của người dân. Trong kế hoạch có đề cập đến việc năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, thông qua tập huấn nghiệp vụ nhằm truyền đạt các văn bản của Trung Ương và Thành phố, điển hình như đào tạo kiến thức công tác xã hội cho cán bộ bộ cơ sở theo đề án 32 (QĐ số 32/2010/QĐ-TTg). Thực trạng lồng ghép công tác xã hội vào giảm nghèo nói chung và thực hiện vai trò của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo tại quận Đống Đa là một vấn đề mới, chưa có nghiên cứu nào đề cập tới, vì vậy tôi chọn đề tài: ***"Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội"*** nhằm chỉ ra thực trạng vai trò của công tác xã hội đối với thực hiện chính sách giảm nghèo. Trên cơ sở đó, đưa ra các giải pháp khắc phục các hạn chế, rào cản và phát huy những mặt thuận lợi để nâng cao hiệu quả áp dụng công tác xã hội trong hoạt động giảm nghèo tại địa phương.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Từ những năm đầu của thập niên 90, vấn đề nghèo đói và giảm nghèo đã được quan tâm cả trên phương diện nghiên cứu lý luận, nhận thức và triển khai hành động trong thực tiễn.

Tác phẩm*"Vấn đề nghèo ở Việt Nam"* của tác giả Bùi Thế Giang đã đưa ra những vấn đề chung nhất về tình hình nghèo đói ở Việt Nam những năm của thế kỷ 19, những tác động của nghèo đói lên đời sống dân cư và an sinh của xã hội. Những khía cạnh, những vấn đề của nghèo đói.[9]

Trong cuốn sách*"Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường"* tác giả Đỗ Thị Bình đã nêu lên các quan niệm về phân hóa giàu nghèo và tình trạng đói nghèo ở nước ta và trên thế giới; đánh giá thực trạng đời sống, các khó khăn và yêu cầu của phụ nữ nghèo nông thôn; đưa ra các khuyến nghị khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách xóa đói giảm nghèo, giúp phụ nữ nghèo nông thôn vươn lên.[2]

"Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay" Tác phẩm của tác giả Nguyễn Thị Hằng đã đánh giá được tình hình nghèo đói của nông thôn Việt Nam sau 3 năm dỡ bỏ cấm vận, nền kinh tế có bước chuyển động đầu tiên nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn Việt Nam vẫn còn cao. Qua đi sâu nghiên cứu tình hình nghèo đói ở nông thôn, tác giả đã chỉ ra những khó khăn cũng như những biện pháp thực hiện xóa đói giảm nghèo trong điều kiện hiện tại.[5]

Trong tác phẩm *"Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam"* tác giả Lê Xuân Bá đã phản ánh tổng quan về nghèo đói trên thế giới; đưa ra các phương pháp đánh giá về nghèo đói hiện nay, nghèo đói ở Việt Nam và nghiên cứu thực tiễn về nghèo đói ở tỉnh Quảng Bình; qua đó đưa ra một số quan điểm, giải pháp chung về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam.[1]

"Xoá đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; phương pháp tiếp cận" Tác phẩm của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đánh giá hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo tại một số vùng dân tộc thiểu số cũng như một số cách tiếp cận trước đó. Dựa trên tình hình thực tế và hiệu quả cũng như mô hình đã áp dụng trong thời gian trước đó tác giả đã đưa ra một số phương pháp tiếp cận mới để công tác xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả.[10]

Tác phẩm*"Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả Trần Thị Hằng đã đánh giá tình hình thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Đồng thời cũng chỉ ra được tầm quan trọng của công tác xóa đói giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường.[6]

Về mặt văn hoá của nhóm người nghèo thì có cuốn sách *"Văn hóa của nhóm người nghèo Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*" Tác giả Lương Hồng Quang đã cho rằng nghèo khổ và văn hoá của nhóm nghèo có liên quan tới các vấn đề thuộc phạm trù văn hoá của nhóm nghèo đóng khung trong một khu vực, nó phụ thuộc vào bối cảnh lịch sử. Nghiên cứu về văn hoá của nhóm nghèo tác giả chủ yếu phải dựa vào tiêu chí thu nhập bình quân, nhưng tác giả tập trung nghiên cứu tâm lý, lối sống, cách tiếp cận của họ đối với xã hội. Tác giả thấy rằng những người nghèo có trình độ văn hoá thấp hoặc mù chữ, họ thường cảm thấy cô lập, tự ti, bị tước đoạt những cái mà người khác có được, khi được trợ cấp xã hội thì dường như họ lại trông chờ ỉ lại. Tác giả cũng đưa ra được những giải pháp khoa học có tính khả thi, tuy nhiên các giải pháp đó chủ yếu là dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước chứ chưa tập trung phát huy được tổng lực của toàn xã hội, sự tự lực của người nghèo bởi nâng cao trình độ văn hoá cho người nghèo cần phải có một thời gian dài. Tác giả cho rằng, muốn xoá được tận gốc của cái nghèo và có tính bền vững thì phải nâng cao văn hoá cho người nghèo vì khi con người có tri thức thì họ tiếp cận được với

thế giới bên ngoài và tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh đặc biệt là trong việc sản xuất kinh doanh.[15]

"Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam" Bài viết này của World Bank đánh giá dựa trên các yếu tố về khí hậu, nông nghiệp và không gian để đánh giá tình hình nghèo đói và sự bất bình đẳng ở Việt Nam.[18]

"Cuộc chiến chống nghèo đói thực trạng và giải pháp" tác giả Nguyễn Hải Hữu cho rằng tín dụng ưu đãi là biện pháp tỏ ra có tác dụng mạnh trong việc trợ giúp hộ nghèo đặc biệt là nhóm nghèo nhất. Tuy nhiên, lưu tâm về vấn đề bền vững của cáchoạt động tín dụng ưu đãi này, theo tác giả, cần phải thay đổi cơ chế, từng bước chuyển dần từ cơ chế ưu đãi, bao cấp (lãi suất thấp, không phải thế chấp) sang cơ chế thương mại, gắn tín dụng với tiết kiệm, hạn chế rủi ro cho người nghèo và nhất là cung cấp tín dụng kịp thời. Tác giả cũng đề xuất lộ trình nâng dần lãi suất theo cơ chế thị trường. Đối với các xã quá khó khăn có thể áp dụng lãi suất ưu đãi thêm một thời gian, đối với vùng có điều kiện phát triển hơn thì chuyển sang cho vay hộ nghèo với lãi suất thương mại, khuyến khích hộ nghèo kết hợp vay vốn với tiết kiệm, trợ giúp đào tạo, chuyển giao công nghệ.[7]

Một tác phẩm khác của tác giả Nguyễn Hải Hữu là *"Định hướng tiếp cận giải quyết vấn đề về nghèo đói ở nước ta"* đã một lần nữa tác giả khẳng định nghèo đói là vấn đề toàn cầu không một quốc gia nào giải quyết triệt để được. Tác giả khẳng định những thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo là một thành công không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội làm cho bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất; đời sống của đại đa số người dân được nâng cao, đặc biệt là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc ở miền núi, phụ nữ (thu nhậptăng 21%, đời sống được cải thiện không chỉ trên

khía cạnh ăn, mặc mà còn khía cạnh sức khỏe, đi lại, học hành,...); tạo được sự đồng thuận cao hơn giữa các tầng lớp dân cư, các nhóm xã hội.[8]

Trong sách chuyên khảo "*Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*" của tác giả Lê Quốc Lý chủ biên: Đã nêu một số lý luận về xóa đói, giảm nghèo; những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo; thực trạng đói nghèo ở Việt Nam; chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010; một số chương trình xóa đói giảm nghèo điển hình của Việt Nam thời gian qua; đánh giá tổng quát thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-2010; định hướng và mục tiêu xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới; một số cơ chế nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam; giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam thời gian tới. Đây là cuốn sách bổ sung luận cứ cho công tác hoạch định chính sách xóa đói, giảm nghèo, bổ sung tư liệu cho công tác đào tạo, nghiên cứu về chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam.[11]

"Báo cáo giảm nghèo ở Việt Nam- Thành tựu và thách thức" do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS) thực hiện đã trình bày tóm tắt các kết quả chính, đúc kết từ các nghiên cứu khác nhau được thực hiện trong giai đoạn 2008-2010 theo nhiều chủ đề như: Động thái nghèo, nghèo ở nhóm đồng bào DTTS, nghèo ở nông thôn, bất bình đẳng, an sinh xã hội…[19]

"Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam" được thực hiện do nhóm chuyên gia Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD) do Bộ Lao động thương binh và xã hội chủ trì đã nghiên cứu tổng quan khoảng 70 nghiên cứu khác nhau về giảm nghèo, đánh giá những thành tựu đạt được cũng những như những hạn chế, bất cập kể từ khi xây dựng chính

sách cho đến khi tổ chức thực hiện; trên cơ sở đó nêu ra khuyến nghị mang tầm vĩ mô phục vụ cho hoạt động giám sát của Quốc hội, từ đó có biện pháp điều chỉnh chính sách giảm nghèo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.[20]

Đề tài luận án Tiến sĩ kinh tế *"Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam"* của Nguyễn Thị Nhung đã phân tích thực tiễn về xóa đói giảm nghèo ở nước ta trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam và các tỉnh Tây Bắc, đánh giá những thành tựu, hạn chế về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam và Tây Bắc; đưa ra quan điểm, phương hướng và một số giải pháp cơ bản để thực hiện xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc.[13]

Đề tài luận văn Thạc sĩ kinh tế *"Giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam"* của Đỗ Thị Dung: Đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nghiên cứu kết quả đạt được của từng chính sách, đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; đưa ra phương hướng và giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn.[3]

Đề tài luận văn Thạc sĩ Chính sách công *"Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng"* của Mai Tấn Tuân: Đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận về chính sách giảm nghèo bền vững; thực trạng thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng; nghiên cứu kết quả đạt được của từng chính sách, đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; đồng thời đưa ra được những giải pháp và hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.[17]

Đề tài luận văn Thạc sĩ quản lý kinh tế *"Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang"* của Phạm Ngọc Dũng đã nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giảm nghèo bền vững; phân tích, đánh giá hoạt động giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang từ năm 2005 đến năm 2013; trên cơ sở đó Luận văn đã đề xuất một số giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2020.[4]

Tóm lại, các công trình nghiên cứu và bài viết trong nước được nêu ở trên đã đề cập đến xoá đói giảm nghèo dưới nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu ít đề cập đến đến vai trò của công tác xã hội trong xóa đói giảm nghèo, đây là một vấn đề mới, một khía cạnh mới cần nghiền cứu để đáp ứng yêu cầu của chương trình xóa đói giảm nghèo hiện nay. Luận văn này sẽ nhận diện rõ công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo và đưa ra các giải pháp nhằm thúc nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống những vấn đề lý luận về công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo; đánh giá thực trạng vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa; từ đó đề tài sẽ đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Khái quát những vấn đề về mặt lý luận của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo.

Đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách giảm nghèo và vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa.

Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa.

4. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

4.2. Khách thể nghiên cứu

- Người nghèo sống trên địa bàn quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Cán bộ chính sách phường
- Cán bộ chính sách quận

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1 Phạm vi về nội dung

Một số vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

5.2. Phạm vi về không gian

13 phường của quận Đống Đa. Tổng số hộ nghèo của 13 phường này là 302 hộ.

5.3. Phạm vi về thời gian

Năm 2016 - 2017

6. Ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Đề tài góp phần làm rõ hơn những lý luận của công tác xã hội khi ứng dụng vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể. Đề tài vận dụng những kiến thức chuyên ngành về công tác xã hội cũng như hệ thống các lý thuyết để tìm hiểu, nghiên cứu một nhóm đối tượng cụ thể. Từ đó góp phần làm sáng tỏ vai trò, vị trí của ngành công tác xã hội trong các lĩnh vực của đời sống.

Nghiên cứu tìm hiểu và phân tích phương thức hoạt động của các hoạt động trợ giúp; đồng thời cũng vận dụng các phương pháp và kỹ năng can thiệp trong công tác xã hội được ứng dụng trong quá trình nghiên cứu, hiểu biết sâu sắc hơn về các phương pháp, kỹ năng, vai trò công tác xã hội đã được học và thực hành.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Tác giả hy vọng qua nghiên cứu này sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn nữa về vai trò của công tác xã hội trong giảm nghèo thông qua hoạt động tại địa phương. Cung cấp thêm một số cách thức làm việc để giúp những người đang thực hiện vai trò của người nhân viên xã hội tại địa phương trong lĩnh vực giảm nghèo phát huy được vai trò của mình.

Đề tài sẽ góp phần giúp các nhà chuyên môn xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, chương trình hoạt động giảm nghèo một cách sâu rộng, có hiệu quả. Tác giả cũng hy vọng đề tài sẽ trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Sưu tầm, tổng hợp, phân tích những tài liệu liên quan đến đề tài trên cơ sở đó xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

Nghiên cứu tài liệu thứ cấp, sử dụng nguồn từ các báo cáo liên quan đến tình hình thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp phân tích tài liệu giúp đề tài nghiên cứu có một hệ thống cơ sở lý luận vững chắc, làm nền tảng để đi sâu vào nghiên cứu thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu.

7.2. Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát được tiến hành theo một số tuyến và điểm trên địa bàn quận Đống Đa nhằm đánh giá thực trạng đời sống của người nghèo và tình hình thực hiện giảm nghèo của quận.

Đối với người nghèo, tác giả thực hiện quan sát nơi ở, hoàn cảnh sống, cách họ giao tiếp, tiếp nhận những chương trình hỗ trợ giảm nghèo của chính quyền địa phương.

Đối với cán bộ chính sách địa phương, tác giả thực hiện quan sát việc họ tiếp xúc với người nghèo, từ thái độ, cử chỉ cho đến cách họ tuyên truyền các chính sách, chương trình hỗ trợ của chính quyền tới các hộ gia đình nghèo. Qua đó đánh giá xem họ đã thực hiện được những vai trò của công tác xã hội chưa, nếu có thì đã thực hiện ở mức độ nào.

7.3. Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi giúp thu thập thông tin của các nhóm đối tượng trong một khu vực nhất định ở một khoảng không gian và thời gian nhất định.

Đối với nghiên cứu này, phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi giúp nghiên cứu có được đánh giá cụ thể nhất về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo.

Số lượng mẫu nghiên cứu là 60 người nghèo (Chủ hộ)

Nội dung bảng hỏi: Các câu hỏi nhằm thu thập thông tin chung và đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu và đánh giá vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo.

7.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp này thông qua quá trình giao tiếp bằng lời nói trực tiếp để thu thập được những thông tin theo mục đích đặt ra.

Số lượng người phỏng vấn: 05 người. (Cán bộ chính sách phường, cán bộ chính sách quận)

Nội dung phỏng vấn sâu:

- Cán bộ chính sách quận (01): phỏng vấn nhằm tìm hiểu quan điểm của Quận trong việc triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về áp dụng công tác xã hội trong việc thực hiện triển khai chính sách giảm nghèo.

- Cán bộ chính sách phường (04): phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu vai trò của cán bộ chính sách là gì trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo, ai là người thực hiện hiện vai trò của một nhân viên công tác xã hội trong khi tại các phường chưa có nhân viên công tác xã hội chính thức, các vai trò của công tác xã hội được thực hiện như thế nào, có những hiệu quả và hạn chế gì.

8. Nội dung chi tiết

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Chương 2: Thực trạng vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Chương 3: Quan điểm và nhóm giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1.1. Khái niệm, vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Khái niệm công tác xã hội

Ngành công tác xã hội đã bắt đầu từ rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, được thế giới biết đến từ đầu thế kỷ XX để giải quyết những vấn đề của xã hội trong quá trình công nghiệp hóa của các nước phương Tây. Đến giai đoạn cách mạng công nghiệp, hoạt động công tác xã hội trở nên rất cần thiết và đã có sự tổ chức chặt chẽ. Tới nay, các hoạt động công tác xã hội đã có sự tham gia chặt chẽ của các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ. Tổ chức Lao động thế giới (ILO) đã đưa công tác xã hội vào nội dung của bảo đảm xã hội. Sau khoảng 100 năm phát triển, ngành công tác xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội của các nước phát triển. Vị thế của nghề công tác xã hội cũng như của các nhân viên xã hội trong các xã hội phát triển là hết sức quan trọng đối với xã hội, gia đình và cá nhân. Nhân viên xã hội có mặt trong hầu hết các lĩnh vực trong đời sống của người dân từ giáo dục, y tế, cho đến các lĩnh vực như tư pháp, hành pháp nhằm đảm bảo quyền lợi cho công dân.

Ở Việt Nam, sự hình thành và phát triển công tác xã hội cũng không nằm ngoài quy luật hình thành và phát triển công tác xã hội trên thế giới. Công tác xã hội ở Việt Nam được hình thành trên cơ sở tình người. Trải qua các giai đoạn lịch sử, tinh thần nhân đạo và lòng yêu thương đồng loại luôn

gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của các chính sách xã hội, các luật lệ xã hội.

Công tác xã hội ở Việt Nam thường được nghĩ như là một việc làm từ thiện. Vì thế, cần có cái nhìn đầy đủ hơn về công tác xã hội. Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về công tác xã hội, dưới đây là một số định nghĩa về công tác xã hội.

Hội đồng Đào tạo công tác xã hội Mỹ định nghĩa: *Công tác xã hội là một nghề nhằm tăng cường các chức năng xã hội của cá nhân, hay nhóm người bằng những hoạt động tập trung vào can thiệp mối quan hệ xã hội để thiết lập sự tương tác giữa con người và môi trường có hiệu quả.* Hoạt động này bao gồm ba nhóm: phục hồi năng lực đã bị hạn chế, cung cấp nguồn lực cá nhân và xã hội và phòng ngừa sự suy giảm chức năng xã hội. (Wener W. Boehm, Objective of the Social Work Curriculum of the Future, Curriculum Study I – New York: Council on Social Work Education 1959). [12,14]

Theo Hiệp hội Quốc gia nhân viên công tác xã hội (NASW): *"Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm giúp đỡ các cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng phục hồi hay tăng cường năng lực và chức năng xã hội để tạo ra những điều kiện xã hội cần thiết, giúp họ đạt được mục tiêu"*. [14,4]

Công tác xã hội tồn tại để cung cấp các dịch vụ xã hội mang tính hiệu quả và nhân đạo cho cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng và xã hội giúp họ tăng năng lực và cải thiện cuộc sống.

Theo Liên đoàn Chuyên nghiệp Xã hội Quốc tế (IFSW) tại Hội nghị Quốc tế Montreal, Canada, vào tháng 7 năm 2000: Công tác xã hội chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề trong mối quan hệ con người, sự tăng quyền lực và giải phóng cho con người, nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái và dễ chịu. Vận dụng các lý

thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội. Công tác xã hội can thiệp ở những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ.

Theo Đề án 32 của Thủ tướng Chính phủ: Công tác xã hội góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người với con người, hạn chế phát sinh các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của thân chủ xã hội, hướng tới một xã hội lành mạnh, công bằng, hạnh phúc cho người dân và hệ thống an sinh xã hội tiên tiến.

Trong luận văn này, tôi sử dụng khái niệm của Hiệp hội Quốc gia nhân viên công tác xã hội (NASW) bởi quan niệm này đã bao trùm toàn bộ các khía cạnh và phù hợp nhất với đề tài mà tôi nghiên cứu.

Khái niệm nhân viên xã hội

Nhân viên xã hội được Hiệp hội các nhà công tác xã hội chuyên nghiệp Quốc tế - IASW định nghĩa: *"Nhân viên xã hội là người được đào tạo và trang bị các kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội, họ có nhiệm vụ: Trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó với vấn đề trong cuộc sống; tạo cơ hội để các đối tượng tiếp cận được nguồn lực cần thiết; thúc đẩy sự tương tác giữa các cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn"*.[12,141]

Ngày 25/3/2010, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020. Công tác xã hội đã được biết đến như một ngành khoa học, một nghề chuyên môn với việc ban hành mã ngành đào tạo và mã số ngạch viên chức. Tính đến nay số cán bộ, nhân viên trực tiếp làm việc ở các cơ sở bảo trợ xã hội, số lao động tự do trực tiếp chăm sóc người già ở các gia đình, bệnh viện cũng lên tới gần chục nghìn người; số cộng tác viên làm công tác dân số và bảo vệ chăm

sóc trẻ em ở các thôn, bản lên tới 162.000 người. Trừ số cán bộ được đào tạo ở trình độ đại học và cao đẳng, còn lại hầu hết chưa qua đào tạo cơ bản. Họ chỉ được tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn nâng cao kỹ năng và hiểu biết về công tác xã hội. Đối tượng được tham gia các lớp tập huấn bao gồm: cán bộ chính sách địa phương, hội viên Hội chữ thập đỏ, hội viên hội phụ nữ, đoàn viên thanh niên cơ sở, tổ trưởng tổ dân phố v.v… nhưng họ là những nhân viên công tác xã hội bán chuyên nghiệp, chưa có hiểu biết và kỹ năng đầy đủ về công tác xã hội.

Trong luận văn này, nhân viên xã hội mà tác giả nhắc đến là cán bộ chính sách của UBND phường (hay còn gọi là cán bộ lao động thương binh xã hội) – những người đóng vai trò nòng cốt trong bộ máy thực hiện chính sách giảm nghèo, là những người am hiểu tường tận nhất về đối tượng người nghèo tại cơ sở và cũng là thành phần quan trọng được nhắm tới trong các lớp tập huấn về chuyên môn công tác xã hội.

Khái niệm nghèo

Theo Tổ chức Liên hợp quốc (UN) tháng 6/2008: *"Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh".*

Vấn đề nghèo đa chiều có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập. Sự thiếu hụt cơ hội, đi kèm với tình trạng suy dinh dưỡng, thất học, bệnh tật, bất hạnh và tuyệt vọng là những nội dung được quan tâm trong khái niệm nghèo đa chiều. Thiếu đi sự tham gia và tiếng nói về kinh tế, xã hội

hay chính trị sẽ đẩy các cá nhân đến tình trạng bị loại trừ, không được thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội và do vậy bị tước đi các quyền con người cơ bản (UN, 2012: 5).

Tuy nhiên, chuẩn nghèo đa chiều có thể là một chỉ số không liên quan đến mức thu nhập mà bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (Oxfam và ActionAid, 2010: 11). Chỉ số nghèo đa chiều (Multidimensional Poverty Index) của quốc tế, với ba chiều cạnh chính là: y-tế, giáo dục và điều kiện sống, hiện là một thước đo quan trọng nhằm bổ sung cho phương pháp đo lường nghèo truyền thống dựa trên thu nhập.

Các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các quốc gia, các nhà chính trị và các học giả với quan điểm nghèo là một hiện tượng đa chiều, cần được chú ý nhìn nhận là *sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con ngư*ời. *Nghèo đa chiều là tình trạng con ngườ*i *không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống.*

Theo Quyết định Số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 quy định như sau:

Điều 1. Các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Các tiêu chí về thu nhập

a) Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin;

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Điều 2. Chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

1.1.2. Vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Tác giả đưa ra nhận định vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo là một hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, chức năng xã hội của người nghèo, nhằm giúp cá nhân người

nghèo, gia đình, cộng đồng giải quyết vấn đề nghèo đói, hướng tới đảm bảo an sinh xã hội.

Khác với các chính sách giảm nghèo thông thường, việc lồng ghép công tác xã hội nói chung và thực hiện các vai trò của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo nói riêng không chỉ giúp người nghèo được tiếp cận với các nguồn lực bền vững, học được các kỹ năng sử dụng nguồn lực, mở mang về đời sống xã hội, nâng cao đời sống tinh thần.

1.2. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo

1.2.1. Chủ trương, chính sách về giảm nghèo

Xóa đói, giảm nghèo trong suốt thời gian qua đã được Đảng và Chính phủ luôn quan tâm.Vấn đề này đã được thể hiện trong các văn bản chính thức của Đảng và Chính phủ như trong các Nghị quyết của trung ương Đảng trong những khóa gần đây. Từ năm 1998 đến nay, Chính phủ đã đưa chương trình xóa đói, giảm nghèo thành chương trình mục tiêu quốc gia và được đưa vào kế hoạch định kỳ 5 năm của Chính phủ và các địa phương, đến nay đã qua 3 giai đoạn: 1998 - 2000; 2001 - 2005; 2006 - 2010.

Các chính sách, dự án hỗ trợ người nghèo hiện nay ở Việt Nam được phân theo các nhóm sau:

Nhóm các chính sách, dự án tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh: chính sách tín dụng, ưu đãi, chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; các dự án khuyến nông – lâm - ngư nghiệp và hỗ trợ sản xuất, phát triển nghành nghề; dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã đặc biệt khó khăn; dự án dạy nghề cho người nghèo và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Nhóm các chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cập các dịch vụ xã hội: chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, hỗ trợ nhà ở và nước sinh hoạt và chính sách trợ giúp pháp lý.

Nhóm các dự án nâng cao năng lực và nhận thức như hoạt động đào tạo cán bộ giảm nghèo và truyền thông, các hoạt động giám sát và đánh giá các chương trình, dự án giảm nghèo.

Sau đây là một số văn bản do Chính phủ và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các Bộ, Ngành liên quan ban hành hỗ trợ giải quyết nghèo đói.

Quyết định số 754/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia giảm nghèo.

Quyết định số 13/QĐ-BCĐGN ngày 06/12/2007 quy định về quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo quốc gia giảm nghèo.

Thông tư 04/2007/TT-BLĐTBXH ngày 28/2/2007 hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm.

Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Quyết định 1053/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/7/2007 quy định khung theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010.

Quyết định 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 5/10/2007 quy định hề thống chỉ tiêu, theo dõi, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010.

Quyết định 134/2004/ QĐ-TTg ngày 20/7/2004 quy định chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, đối sống khó khăn.

Quyết định 167/2008/ QĐ-TTg ngày 12/12/2008 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và an sinh xã hội.

Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020. Đây là văn bản nêu rõ định hướng công tác giảm nghèo trong thời gian 10 năm tới. Trong văn bản này đã quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung bao gồm: hỗ trợ sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập; hỗ trợ về giáo dục và đào tạo; hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng; hỗ trợ về nhà ở; hỗ trợ tiếp cận dịch vụ pháp lý và hỗ trợ hưởng thụ văn hóa, thông tin. Bên cạnh đó Nghị quyết cũng đưa ra các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù cho các hộ nghèo, người nghèo thuộc dân tộc thiểu số, hay hộ nghèo, người nghèo sinh sống tại các huyện nghèo, xã nghèo và thôn bản đặc biệt khó khăn; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ vốn ODA và các chương trình khác phải tập trung các hoạt động và nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các huyện nghèo, xã nghèo.

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Trong đó, các em học sinh là con trong gia đình có bố, mẹ thuộc diện hộ nghèo sẽ được hỗ trợ chi phí học tập, Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các em với mức 100.000đ/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác (Cụ thể tại Điều 4 củaThông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày

30/03/2016 đã hướng dẫn cụ thể: Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo được miễn học phí.

Định hướng giảm nghèo đến năm 2020, Đảng Nhà nước ta nhận định rằng: Trong những năm tới: Nghèo đói vẫn là vấn đề bức xúc. Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2011-2020 xác định : *"Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực giảm nghèo, vươn lên no ấm, đặc biệt là ở các vùng nông thôn miền núi, vùng dân tộc, vùng căn cứ cách mạng trước đây"*

Tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người nghèo giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao, bền vững là điều kiện tiên quyết đối với vấn đề giảm nghèo. Chú trọng việc quy hoạch và quản lý có hiệu quả việc khai thác và sử dụng tài nguyên, đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các loại hình dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá... Xã hội hoá các hoạt động giảm nghèo, đặc biệt là về nguồn lực, nhân lực, vật lực. Nguồn lực của Nhà nước vừa có vai trò chủ đạo vừa mang tính xúc tác, nguồn lực của cộng đồng, của quốc tế có vai trò quan trọng. Ngoài nguồn lực từ cộng đồng trong nước, cộng đồng quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng cả về hỗ trợ tài chính cũng như kỹ thuật.Trong tương lai công tác xã hội hoá cần tiếp tục quan tâm và thúc đẩy nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của xã hội và của mọi người dân trong việc giải quyết vấn đề nghèo đói ở các địa phương.

Đổi mới công tác tổ chức, lập kế hoạch, đảm bảo tính công khai, minh bạch là trách nhiệm, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương chủ động, người dân được bàn bạc, thảo luận nhằm tạo ra sự đồng thuận và hợp tác trong quá trình triển khai chương trình giảm nghèo.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về giảm nghèo. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận thuận lợi và chi phí thấp các dịch vụ xã hội cơ bản, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; hỗ trợ người nghèo từng bước tiếp cận dịch vụ xã hội chất lượng cao (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, văn hoá...).

Giảm nguy cơ rủi ro cho người nghèo, nhất là rủi ro do thiên tai, do cơ chế thị trường, sự tác động của các cú sốc từ bên ngoài (khủng hoảng, suy thoái kinh tế thế giới, lạm phát...) cũng như những bất trắc trong cuộc sống (ốm đau, bệnh tật, tai nạn...).

Tập trung nguồn lực cho các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng núi phía Bắc, Tây nguyên, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số...thông qua chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững ở các vùng này.

Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 09 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 đã đặt ra mục tiêu: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2020 theo Nghị quyết Quốc hội đề ra.

1.2.2. Một số chương trình giảm nghèo

Bên cạnh những chính sách giảm nghèo, Đảng và Chính phủ đã xây dựng nhiều chương trình hướng vào nhóm người nghèo trên phạm vi toàn quốc cũng như hỗ trợ để họ có thể tiếp cận với các dịch vụ xã hội.

Một số chương trình giảm nghèo:

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đăc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (CT 135-II) (Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006). Chương trình 135, bao gồm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015, là dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền và giai đoạn 2016 – 2020. Chương trình đã làm thay đổi cuộc sống của bà con rất nhiều, Chương trình 135 đã thực sự phát huy vài trò là "bà đỡ" trong công tác xóa đói giảm nghèo đối với người dân nghèo; tạo thêm niềm tin và giúp bà con có thêm ý chí vươn lên xóa đói giảm nghèo căn cơ và bền vững…

Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều địa phương, vẫn còn nhiều vướng mắc khiến cho việc thực hiện Chương trình chưa đạt hiệu quả mong muốn, việc thực hiện của địa phương gặp nhiều khó khăn.

Vướng mắc đầu tiên phải kể đến là khó khăn về chính sách. Các văn bản hướng dẫn chậm được ban hành, hướng dẫn tiêu chí phân bổ vốn chậm ảnh hưởng đến việc triển khai Chương trình. Bên cạnh đó, việc đầu tư còn dàn trải, suất đầu tư quá thấp. Ngoài những khó khăn về chính sách, những khó khăn trong việc thực thi Chương trình cũng khiến các địa phương gặp khó khăn trong Công tác quản lý, duy tu, bảo quản các công trình ở cơ sở, nhất là các thôn làng có những hạn chế, nhất là công trình nước sinh hoạt. Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất chưa xây dựng được các mô hình điển hình mang lại thu nhập cho người dân để nhân rộng. Về địa bàn, hầu hết các xã vùng sâu, vùng xa, thời tiết không thuận lợi, đã ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công trình 135. Dù còn nhiều vướng mắc trong khâu thực hiện chương trình, nhưng cũng không thể phủ nhậnkết quả mà chương trình đạt được đã làm "thay da đổi thịt" những địa phương vùng sâu, vùng xa thuộc những vùng đất vốn rất nghèo khó.

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 (CTMTQG-GN) (Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007).Với đối tượng là người nghèo, hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là phụ nữ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội (người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt), chương trìnhnày mục tiêu nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện một bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008) đặt ra mục tiêu tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, bảo đảm đến năm 2020 ngang bằng các huyện khác trong khu vực. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm của từng huyện; chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng. Chương trình cũng đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng cột mốc, trong đó mục tiêu cụ thể đến năm 2020: Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống mức ngang bằng mức trung bình của khu vực. Giải quyết cơ bản vấn đề sản xuất, việc làm, thu nhập để nâng cao đời sống của dân cư ở các huyện nghèo gấp 5 - 6 lần so với hiện nay. Lao động nông nghiệp còn

khoảng 50% lao động xã hội, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo, tập huấn, huấn luyện đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thuỷ lợi bảo đảm tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích đất lúa có thể trồng 2 vụ, mở rộng diện tích tưới cho rau màu, cây công nghiệp; bảo đảm giao thông thông suốt 4 mùa tới hầu hết các xã và cơ bản có đường ô tô tới các thôn, bản đã được quy hoạch; cung cấp điện sinh hoạt cho hầu hết dân cư; bảo đảm cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.[16,14]

Các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo của Việt Nam nhìn chung rất toàn diện, bao trùm tất cả các lĩnh vực và yếu tố cần thiết. Đồng thời cách tiếp cận và can thiệp cũng khác nhau. Một số dự án được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của một số nhóm đối tượng ở một vùng khác nhau hoặc hoặc hỗ trợ các nhóm khác chưa được hưởng lợi từ chương trình/dự án nào. Trên thực tế tất nhiên còn phức tạp hơn bởi các hoạt động hỗ trợ ở từng tỉnh, huyện, xã lại có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương và nhu cầu của các đối tượng hưởng lợi.

1.2.3. Một số hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo

1.2.3.1. Truyền thông

Truyền thông là một hoạt động mà người gửi và người nhận truyền tải thông tin thông qua kênh giao tiếp.

Kênh giao tiếp là cách mà họ giao tiếp. Có rất nhiều kênh truyền thông đa phương tiện hiện hành như là: Các cuộc đối thoại trực tiếp, trò chuyện qua điện thoại, nhắn tin, thư điện tử, internet (bao gồm: mạng xã hội như Facebook và Twitter), radio và tv, thư từ viết tay, tờ rơi hay các loại báo cáo. Cần chọn kênh truyền thông phù hợp vì mỗi dạng thức truyền thông đều có

điểm mạnh và điểm yếu riêng. Ví dụ: ta có thể so sánh như là một bảng tin trên đài hay một lá thư viết tay đều có thể truyền đạt thông tin rõ ràng tới một hay hai cá nhân, xong thư viết tay thì ít tốn kém hơn nhưng lại không thể truyền tải thông tin tới một số lượng lớn người theo dõi. Mặt khác, nếu muốn truyền tải những thông tin kỹ thuật phức tạp như công nghệ, cách sử dụng máy móc thì sẽ dễ dàng cho người tiếp nhận hơn khi nhận được hướng dẫn bằng lời nói và hình ảnh thực tế hơn là truyền đạt bằng văn bản.

Thế nên để đạt hiệu quả cao hơn trong việc đưa người dân tiếp cận với các văn bản chính sách pháp luật liên quan đến giảm nghèo hay các chương trình hỗ trợ giảm nghèo, nhân viên xã hội cần đóng vai trò như một kênh truyền thông cho các thân chủ của mình, đồng thời lựa chọn các dạng thức truyền tải thông tin phù hợp. Ví dụ: Thay vì phát trên loa phường hay tờ rơi, nhân viên xã hội có thể đóng vai trò là kênh truyền thông qua việc trực tiếp phổ biến nội dung về phương pháp sinh kế mới cho người dân, hình thức truyền thông có thể các cuộc trò chuyện, cung cấp thông tin 1:1 hoặc các cuộc họp nhóm nhỏ giữa cán bộ phường, cán bộ tổ dân phố và nhóm người dân trong đối tượng giảm nghèo.

Nhân viên xã hội không chỉ đóng vai trò là kênh truyền thông truyền tải thông tin chính sách pháp luật từ chính quyền tới người dân mà còn đóng vai trò truyền tải những phản hồi ý kiến đóng góp, thắc mắc về tình hình thực hiện, tiếp cận chính sách từ người dân tới cơ quan có thẩm quyền.

Nhìn chung, một trong nguyên nhân dẫn tới sự hạn chế tiếp cận nguồn lực của người nghèo là do sự hạn chế, thiếu hụt trong việc tiếp cận với thông tin. Do đó, truyền thông đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong việc thông tham gia vào định hướng, truyền tải cơ chế, chính sách luật pháp trong công tác giảm nghèo tới người dân, góp phần làm tốt công tác an sinh xã hội.

Truyền thông không bao giờ cũ, luôn có điểm mới đặt ra. Việc truyền thông về giảm nghèo đã được thực hiện một cách đồng bộ, có trọng tâm, đa dạng về phương thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo ở các vùng khó khăn.

1.2.3.2. Hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

Đào tạo nghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp. Hay nói theo cách khác, đào tạo nghề là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức đến người học nghề để hình thành và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, trong đó có nhu cầu quốc gia, nhu cầu doanh nghiệp và nhu cầu bản thân người học nghề. (Điều 3 trong Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014).

Đào tạo nghề luôn được ưu tiên xem trọng như một phương pháp phát triển sinh kế bền vững được nhà nước chú trọng và ban hành trong nhiều chính sách, đặc biệt là cho đối tượng nghèo.

Hiện nay vẫn còn khá phổ biến quan niệm chỉ học nghề khi không đậu cao đẳng/đại học, xem trọng nghề được đào tạo rất ít mà hầu hết cho rằng học nghề cho có bởi vì chỉ có bằng cao đẳng/đại học mới có thể kiếm được việc làm. Song thực tế là việc người lao động tham gia học nghề phổ thông có thời gian đào tạo ngắn hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí, cơ hội tìm kiếm việc làm cao hơn so với những ngành yêu cầu trình độ cao đẳng/đại học. Hơn nữa, người lao động tham gia đăng ký học nghề thuộc diện hộ nghèo thường được hỗ trợ học phí và được hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại trong thời gian đào tạo. Xét

thấy đây là hướng giảm nghèo bền vững thông qua việc phát triển sinh kế, mà ở đó nhân viên xã hội có vai trò góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc hưởng ứng chính sách đào tạo nghề của nhà nước.

Để người lao động thuộc diện hộ nghèo có thu nhập ngay và có việc làm ổn định thì đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm. Có như vậy thì họ mới thêm tin tưởng vào chính sách của Đảng và nhà nước, yên tâm lao động để mau chóng thoát nghèo.

Ở đây, nhân viên xã hội đóng vai trò là người kết nối giữa nhà tuyển dụng và người lao động thuộc diện hộ nghèo, thường xuyên giám sát nhu cầu lao động của nhà tuyển dụng lao động và thông tin rộng rãi đến các cấp và trực tiếp đến đối tượng nghèo, đặc biệt là đối tượng nghèo chưa có việc làm hoặc mới nghỉ việc.

Không chỉ giải quyết nhất thời vấn đề việc làm cho người nghèo mà Đảng và nhà nước ta còn hướng đến chuyển từ đào tạo nghề một lần sang đào tạo, bồi dưỡng liên tục, suốt đời. Chuyển từ đào tạo kỹ năng sang đào tạo và hình thành năng lực, đặc biệt là các năng lực mềm (tư duy, thích nghi, biến đổi…). Ví dụ: ngoài việc cung cấp khóa đạo nghề, còn cung cấp cho họ cách phát triển sản phẩm và quản trị bền vững, giúp họ tăng cường khả năng tự trợ giúp và ứng phó với những vấn đề phát sinh trong tương lai.

Ở đây nhân viên xã hội cần thực hiện vai trò biện hộ giúp cho người dân tin tưởng vào những chính sách của Đảng và nhà nước, về tính tích cực và lợi ích của những chính sách đào tạo lâu dài, để họ thay đổi từ trong suy nghĩ đến việc hình thành năng lực tư duy lâu dài, từ việc được ý thức cho đến tự ý thức. Song song với đó, nhân viên xã hội cũng cần tham gia vào công tác đề xuất, tham mưu với chính quyền địa phương mở rộng các hình thức đào

tạo nghề và hỗ trợ sau đào tạo nghề, đào tạo lâu dài, đào tạo suốt đời cho người dân.

Hỗ trợ vào quá trình này, nhân viên xã hội cần chủ động phát huy vai trò truyền thông đa chiều của mình: thường xuyên cập nhật các tin tức, chính sách của Nhà nước và của địa phương, hỗ trợ phổ biến tới người dân cũng như các doanh nghiệp và ngược lại, thu thập ý kiến, nhu cầu nguyện vọng của nhân dân về nhu cầu được đào tạo tới các doanh nghiệp và chính quyền địa phương, giúp cho việc giao tiếp đa chiều được trở nên hiệu quả hơn, góp phần đẩy nhanh, đẩy mạnh và kết nối đạt được hiệu quả.

Tương tự, nhân viên xã hội cũng có vai trò kết nối người dân, đối tượng lao động nghèo với các nguồn lực cần thiết để đảm bảo việc thực hiện chính sách đào tạo liên tục, đào tạo suốt đời. Các nguồn lực cần kết nối có thể là chính những nguồn lực nội tại tại chính địa phương hoặc những nguồn lực mới cần huy động thêm.

Đào tạo nghề và kết nối việc làm không những giúp đối tượng nghèo giảm nghèo, thoát nghèo bền vững mà còn góp phần đảm bào nền an sinh xã hội, thúc đẩy nền kinh tế của đất nước phát triển.

1.2.3.3. Hỗ trợ tài chính

Một trong những hoạt động quan trọng của chính sách giảm nghèo là hoạt động hỗ trợ tài chính, là việc trợ giúp người nghèo bằng các khoản hỗ trợ tài chính như vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, tổ chức tài chính vi mô...

1.2.3.4. Hỗ trợ vay vốn

Vốn vay ưu đãi hay còn gọi là tín dụng chính sách là hoạt động quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của Việt Nam. Việc triển khai tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo thông

qua công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức, các chương trình tín dụng được triển khai, phổ biến đến cấp ủy, chính quyền, cộng đồng dân cư và các đối tượng được thụ hưởng. Đây được xem là một trong những giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo căn cơ và bền vững, đảm bảo an sinh xã hội có hiệu quả. Nhờ có nguồn vốn vay này mà hàng trăm, hàng nghìn hộ dân nghèo đã vươn lên thoát nghèo, vươn lên trong cuộc sống.

Chính phủ cũng đã có nhiều điều chỉnh về lãi suất cũng như nguồn vốn để người nghèo dễ tiếp cận hơn. Ví dụ: Mức cho vay tối đa với hộ nghèo từ ngày 6/4/2007 đến ngày 30/4/2014 là 30 triệu đồng/hộ; từ ngày 1/5/2014 đến nay là 50 triệu đồng/hộ. Lãi suất cho vay hộ nghèo 0,6%/tháng. Thời hạn cho vay ngắn hạn tối đa 12 tháng, trung hạn tối đa 60 tháng. Gần một năm sau đó Chính phủ cũng có Quyết định số 750/QĐ-TTg về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, từ ngày 5/6/2015, lãi suất cho vay hộ nghèo giảm từ 7,2%/năm (0,6%/tháng) xuống còn 6,6%/năm (0,55%/tháng).

Chính sách cho vay vốn thực sự đã đem lại hiệu quả khá cao trong công tác xóa đói giảm nghèo bền vững. Thực tế này không thể phủ nhận, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những bất cập. Việc thiếu nguồn lực trong thực hiện tín dụng ưu đãi cho người nghèo nên mức độ bao phủ vẫn chưa thật sự toàn diện. Cần nuôi dưỡng và tiếp tục ưu đãi tín dụng cho các hộ mới thoát nghèo. Khi các hộ thoát nghèo đã có động lực ban đầu mà không tiếp tục duy trì và đẩy mạnh động lực đó thì các hộ rất dễ rơi vào tình cảnh tái nghèo.

Bên cạnh đó nguồn vốn vay hỗ trợ sản xuất từ Ngân hàng Chính sách xã hội dành cho hộ cận nghèo mới đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu vay, hạn chế khả năng thoát nghèo bền vững. Một khó khăn nữa cho nhân viên xã hội trong việc tuyên truyền, vận động người nghèo vay vốn là nỗi lo trả lãi suất,

mặc dù rất có nhu cầu vay nhưng nhiều hộ nghèo không dám vay vốn do lo sợ không thể trả được lãi suất cho ngân hàng.

Ở hoạt động này vai trò của nhân viên xã hội được thể hiện rất rõ nét trong việc tuyên truyền cho người thuộc hộ nghèo hiểu về hoạt động vay vốn ưu đãi, vận động nguồn lực cho vay và thuyết phục, kết nối người dân với những nguồn lực đó, làm sao để cho họ tin tưởng rằng họ có thể vay vốn để sản xuất, đầu tư kinh doanh và có khả năng trả khoản vay này.

1.2.3.5. Tặng sổ tiết kiệm

Một trong những hoạt động hỗ trợ tài chính hữu ích cho người nghèo là hoạt động tặng sổ tiết kiệm với giá trị tùy thuộc vào từng địa phương, trung bình từ 1 đến 3 triệu đồng. Dù khoản tiền tiết kiệm không nhiều, nhưng cũng đủ để làm vốn làm ăn nhỏ cho người nghèo. Nếu ở vùng nông thôn người ta có thể mua cây giống, con giống để nuôi trồng, ở thành thị có thể mở một quán nước nhỏ…. Để tránh tình trạng người nghèo sử dụng số tiền này không đúng mục đích, lãng phí thì người nhân viên xã hội có vai trò cung cấp thêm cho họ kiến thức về quản lý tài chính, cách sử dụng, phân phối nguồn vốn, làm sao để họ sử dụng số tiền đó một cách có ích nhất, tạo ra lợi nhuận để gia đình có thêm khoản thu nhập, giúp cuộc sống thêm đầy đủ, ấm no.

1.2.3.6. Tài chính vi mô

Tài chính vi mô là việc cấp cho các hộ gia đình có thu nhập thấp các khoản vay nhỏ (gọi là tín dụng vi mô), nhằm mục đích giúp họ tham gia vào các hoạt động sản xuất hoặc khởi tạo các hoạt động kinh doanh nhỏ. Tài chính vi mô thường kéo theo hàng loạt các dịch vụ khác như tín dụng, tiết kiệm, bảo hiểm, vì những người nghèo, người có thu nhập thấp có nhu cầu rất lớn đối với các sản phẩm tài chính, nhưng khó tiếp cận được các thể chế tài chính chính thức.

Trong những năm qua, với đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích ấn tượng trong công tác giảm nghèo, trong đó có phần đóng góp đáng khích lệ của hoạt động tài chính vi mô. Hoạt động tài chính vi mô đã và đang khẳng định vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người nghèo, người có thu nhập thấp tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng một cách thuận tiện và phù hợp.

Theo Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng liên quan đến hoạt động tài chính vi mô.

+ Tham mưu cho Chính phủ về giải pháp quản lý đối với hoạt động tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

+ Hỗ trợ các tổ chức tài chính vi mô trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia; hình thành cơ sở đào tạo về tài chính vi mô; xây dựng cơ sở dữ liệu chung về tài chính vi mô và thành lập Hiệp hội tài chính vi mô.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2016 đến năm 2020):

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp lý cho phép đa dạng hóa loại hình tổ chức hoạt động và mở rộng sản phẩm dịch vụ tài chính vi mô.

+ Nghiên cứu, ban hành các quy định để tạo điều kiện liên kết hoạt động của các loại hình tổ chức tín dụng với hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.

Ngày 30/3/2012, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Quyết định số 572/QĐ-NHNN phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020.

Mục tiêu của kế hoạch nhằm quán triệt việc xây dựng phát triển tổ chức tài chính vi mô là một trong những giải pháp góp phần hỗ trợ vốn cho người nghèo, người có thu nhập thấp, các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện chiến lược quốc gia về xóa đói giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, có những giải pháp giám sát chặt chẽ hoạt động của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật, định hướng cho các tổ chức tài chính vi mô phát triển an toàn, bền vững.

Bên cạnh vai trò của nhà nước trong việc cung cấp quỹ tài chính vi mô, các tổ chức xã hội cũng đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong hoạt động này. Một số tổ chức xã hội có tốc độ giải ngân ổn định và đạt hiệu quả cao trong việc hỗ trợ tài chính vi mô ở Việt Nam hiện nay là Trung tâm VietED, Trung tâm Hỗ trợ phát triển Nguồn lực tài chính cộng đồng, mạng lưới M7+,… Các tổ chức này được người vay vốn nhận xét là có tốc độ giải ngân nhanh hơn, việc hoàn trả linh hoạt hơn và dễ dàng tiếp cận hơn so với các mô hình có vốn nhà nước.

Song hành cùng các quỹ tài chính vi mô, vai trò truyền thông, biện hộ, kết nối nguồn lực của nhân viên xã hội lại càng thể hiện rõ ràng hơn bao giờ hết trong việc đánh giá nhu cầu của người dân, kết nối người cần vay vốn (hộ thuộc diện nghèo) với bên cung cấp vốn, đại diện thẩm định mục đích vay vốn, đại diện cho thân chủ của mình trong các thủ tục hành chính để tiếp cận vốn vay. Không dừng lại ở đó, nhân viên xã hội có thể tham gia vào việc giám

sát việc thực hiện giải ngân, thu hồi vốn, góp phần đưa đề xuất cải thiện, nâng cao chất lượng, phạm vi hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, giúp người dân sử dụng vốn vay hiệu quả.

Nhìn chung, hoạt động tài chính vi mô là vốn tín dụng được cho là "thân thiện" trong các giải pháp giúp phát triển sinh kế bền vững. Quỹ tài chính vi mô không chỉ hoạt động mạnh ở các vùng có kinh tế khó khăn như vùng sâu vùng xa, miền núi hải đảo mà các hộ nghèo trong khu vực thành thi cũng thuộc đối tượng phạm vi bao phủ của quỹ. Xét thấy tầm quan trọng và ảnh hưởng của hoạt động này, nhân viên xã hội cần chú ý các thông tin liên quan để tăng thêm công cụ trợ giúp nhóm thân chủ của mình.

1.2.3.7. Các hoạt động hỗ trợ khác

Ngoài các hoạt động hỗ trợ về đào tạo nghề nghiệp, tài chính… thì đối tượng nghèo còn được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm trong việc chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giá điện, thăm hỏi, động viên tinh thần và ươm mầm tài năng.

Đầu tư cho y tế cũng là một trong những mục tiêu của Chính phủ nhằm giảm nghèo. Với ý nghĩa đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng, quan tâm đầu tư cho lĩnh vực y tế theo hướng ngày một tăng. Để đạt tới mục tiêu tạo cơ hội thuận lợi cho người nghèo được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, ngân hàng nhà nước hàng năm chi cho y tế luôn chú trọng đầu tư nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế. Hàng năm các thành viên trong hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí với giá trị thẻ được hoàn toàn 100% chi phí khám chữa bệnh (Có giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, vật tư y tế và dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Bộ trưởng Bộ y tế). Trong hoạt động này, nhân viên xã hội cần cung cấp cho

đối tượng nghèo những kiến thức cần thiết về chăm sóc sức khỏe, những điều cần biết khi đi khám chữa bệnh. Đặc biệt trong các trường hợp cần chuyển tuyến để chữa bệnh, nhân viên xã hội cần hỗ trợ họ hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ để cấp cứu, chữa bệnh kịp thời. Bên cạnh đó, nhân viên xã hội cũng đóng vai trò kết nối đối tượng nghèo với các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các chương trình khám chữa bệnh miễn phí để họ vừa được biết thêm những kỹ năng cần thiết về chăm sóc bản thân và gia đình, vừa được thăm, khám bệnh bởi những chương trình, tổ chức uy tín. Đồng thời nhân viên xã hội cũng tìm hiểu, thuyết phục các tổ chức y tế kết hợp với chính quyền để đưa được nhiều những chương trình y tế hữu ích về với những đối tượng nghèo tại địa phương.

Hỗ trợ bù giá điện cũng là một trong những chính sách hỗ trợ hộ nghèo của Đảng và nhà nước. Cụ thể, từ ngày 16/3/2015, mức hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện là 49.000 đồng/hộ/tháng. Tuy mức hỗ trợ còn thấp nhưng cũng đủ để các hộ chi trả tiền điện phục vụ cho sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Tương tự nhưn các hoạt động khác, nhân viên xã hội cần cung cấp các kiến thức về sử dụng điện một cách tiết kiệm, hiệu quả để các hộ nghèo giảm tải được những khoản chi tiêu lãng phí không đáng có.

Bên cạnh việc miễn, giảm học phí cho con các gia đình hộ nghèo, để động viên các em, hàng năm chính quyền địa phương phối hợp cùng với các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã trao tặng rất nhiều những phần quà khen thưởng thành tích học tập của các em, cá nhân các em là tấm gương học tập xuất sắc còn được trao tặng những suất học bổng. Các hoạt động trên nhằm động viên, khích lệ tinh thần ham học, trí tiến thủ của các em, giúp các em

trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để học tập, sống và làm việc, sau này trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

Thông qua những hoạt động hỗ trợ đối tượng nghèo nêu trên thì những vai trò của nhân viên xã hội được thể hiện đầy đủ là:

Vai trò kết nối; vai trò vận động nguồn lực; vai trò biện hộ; vai trò giáo dục. Phần tiếp theo của luận văn sẽ phân tích cụ thể hơn về từng vai trò.

1.3. Vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Trong giáo trình *Nhập môn công tác xã hội* của nhà xuất bản Lao động xã hội, xuất bản năm 2012, Tr 145-146 đã nêu rất cụ thể các vai trò của công tác xã hội, từ đó tác giả đã đưa ra phân tích và áp dụng một số vai trò của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo.

1.3.1. Vai trò kết nối

Nhân viên xã hội thực hiện vai trò này bằng việc là người kết nối đối tượng với các dịch vụ và nguồn lực phù hợp. Nhân viên xã hội sẽ thực hiện 3 chức năng cụ thể sau:

Đánh giá tình hình đối tượng: Đây là hoạt động nhân viên xã hội sẽ phải đánh giá chính xác các nhu cầu và khả năng của đối tượng.

Đánh giá nguồn lực: Nhân viên xã hội tìm kiếm và đánh giá các nguồn lực sẵn có liên quan đến những nhu cầu của đối tượng như tài chính, việc làm, y tế…

Kết nối: nhân viên xã hội liên lạc, chắp nối nguồn lực tìm kiếm được với nhu cầu của đối tượng. Đôi khi nhân viên xã hội phải điều chỉnh cả hai bên có nhu cầu và bên đáp ứng nhu cầu đảm bảo phù hợp và hài hòa với lợi ích cả hai bên.

Đối với đối tượng là người nghèo thì vai trò này rất quan trọng, bởi người nghèo thường bị hạn chế cơ hội trong việc tiếp cận các nguồn lực. Để có thể thoát nghèo họ cần có những nguồn lực, thậm chí là rất nhiều các nguồn lực như tài chính, nghề nghiệp, y tế, giáo dục… Nhưng ở vị thế của họ, việc tiếp cận được với các nguồn lực cần thiết là rất khó khăn. Vì vậy nhân viên xã hội cần đánh giá chính xác tình hình thực tế của người nghèo, xác định các nhu cầu và nhu cầu ưu tiên của họ, tìm kiếm những nguồn lực cần thiết và thích hợp với họ. Từ đó kết nối người nghèo với những nguồn lực có thể giúp họ phát huy năng lực của mình, giúp cuộc sống đầy đủ hơn và thoát khỏi cái nghèo.

Người nghèo thường bị thiếu hụt các kiến thức, khó tiếp cận với các thông tin đại chúng, vì thế mà vai trò kết nối của nhân viên xã hội được thể hiện rất quan trọng trong hoạt động này, vừa đóng vai trò là kênh thông tin truyền đạt những thông tin về chính sách của chính quyền địa phương, vừa là người đại diện phát ngôn cho người nghèo phản hồi những ý kiến, nhu cầu mong muốn của người nghèo tới chính quyền địa phương, để có những thay đổi kịp thời, phù hợp, đem lại lợi ích cao nhất cho người nghèo.

Không chỉ kết nối về mặt thông tin, nhân viên xã hội còn kết nối người nghèo với những tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, với các doanh nghiệp, đoàn thể cho vay vốn ưu đãi hay là kết nối những chương trình chăm sóc sức khỏe, chương trình hỗ trợ giáo dục đến với người nghèo, nhằm cung cấp cho họ những điều kiện cần thiết đảm bảo những nhu cầu thiết yếu nhất của một con người để duy trì cuộc sống, tạo được thu nhập ổn định, vươn lên thoát nghèo.

Nhân viên xã hội còn là cây cầu để kết nối các nhà Mạnh Thường Quân, các nhà đầu tư tài chính sẵn sàng cho vay quỹ tài chính vi mô tới người

nghèo. Đồng thời, nhân viên xã hội cũng là cây cầu để kết nối, mang tiếng nói, nguyện vọng và chuyển tải nhu cầu hỗ trợ của người nghèo đến cộng đồng. Nhìn chung vai trò kết nối của nhân viên xã hội là vai trò trung gian, không chỉ mang tính hai chiều mà mang tính đa chiều: thể hiện mối liên hệ của cá nhân – các cá nhân trong gia đình – cộng đồng – xã hội. (Ví dụ: Để hỗ trợ con em của gia đình nghèo, sự kết nối của nhân viên xã hội không chỉ dừng lại ở thân chủ - mà còn có sự tham gia của con em họ, của nhà trường, của chính quyền địa phương, của các tổ chức tôn giáo (nếu có) hoặc nhiều bên tham gia khác. Ngoài ra, sự tham gia của nhân viên xã hội không chỉ dừng ở kết nối ở tầng lớp vi mô mà còn tham gia vào cả tầng lớp trung mô và vĩ mô: giữa người dân – cán bộ triển khai chính sách – chính quyền và người hoạch định chính sách.

1.3.2. Vai trò vận động nguồn lực

Vận động nguồn lực là việc nhân viên xã hội trợ giúp đối tượng tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) để giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm con người, về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm, v.v…

Xã hội hóa công tác giảm nghèo đã và đang là phương hướng thực hiện của các chính sách giảm nghèo. Để tăng cường ảnh hưởng sâu rộng cho việc giảm nghèo, cần có sự chung tay góp sức nhiều hơn của cộng đồng, xã hội và cả năng lực của chính người nghèo. Nhân viên xã hội cần có khả năng đánh giá các nhu cầu của người nghèo, trên cơ sở đó phát hiện và tìm kiếm các nguồn lực cần thiết, cung cấp, kết nối các nguồn lực đó tới người nghèo để họ bù đắp được những thiếu hụt của mình.

Các nguồn lực mà nhân viên xã hội hướng đến có thể là nguồn ngoại lực hoặc nội lực. Một số ví dụ cụ thể thường thấy về vai trò vận động các

nguồn ngoại lực mà nhân viên xã hội áp dụng cho thân chủ là người nghèo như:

Chính sách vay vốn: nhân viên xã hội tham gia vào việc thẩm định, đánh giá nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi, các biện pháp sinh kế mới, hoặc thậm chí tham gia vào gây quỹ tài chính vi mô và giới thiệu lại với người nghèo, hỗ trợ họ thực hiện các thủ tục cần thiết để tiếp cận được với nguồn vốn vay.

Chính sách đào tạo nghề và giới thiệu việc làm: Tương tự, trong trường hợp chưa thể tìm kiếm được khóa đào tạo phù hợp cho thân chủ, nhân viên xã hội có thể trực tiếp liên hệ và mời những tập thể, cá nhân có khả năng truyền dạy, chia sẻ kiến thức, tập huấn đào tạo cho người nghèo về kĩ năng hay nghề nghiệp nào đó.

Chính sách về giáo dục, hỗ trợ giá điện: Chính sách giáo dục hỗ trợ con của gia đình nghèo có thể nhận miễn giảm học phí, hoặc vay vốn trong quá trình học nghề và khởi nghiệp sau khi được đào tạo. Vì vậy, việc vận động nguồn lực ở đây có thể hiểu là vận động tài chính như vận động người dân đóng góp, xây dựng quỹ học bổng hoặc tặng đồ dụng học tập cho các em tới trường. Điều này cũng đã có nhiều ví dụ trong các công trình dân sinh khác hỗ trợ người nghèo như xây cầu, lắp máy nước, hay xây trường, trạm y tế. Nguồn lực được huy động ở đây không chỉ dừng ở tài chính đóng góp, ở các vật phẩm mà còn được quy về ngày công lao động được đóng góp – một nguồn lực quý giá nhất và không thể thay thế bằng các nguồn lực khác.

Bên cạnh việc vận động những nguồn lực bên ngoài, nhân viên xã hội còn vận động nguồn lực nội tại. Nguồn lực nội tại có thể hiểu là những nguồn lực có sẵn ngay tại địa phương (VD: tài nguyên đất đai chưa được khai phá, một loại giống tốt có sẵn ở địa phương) hay từ chính bên trong của người

nghèo bằng việc tìm hiểu, phân tích những khả năng tiềm tàng của đối tượng, khơi gợi và khuyến khích họ bộc lộ, phát huy tối đa vốn tự có của bản thân, thuyết phục và vận động họ sử dụng chính những nguồn lực đó. Việc vận dụng được các nguồn lực nội tại luôn được đánh giá cao, nhằm rút ngắn thời gian, chi phí, tăng thêm tính hiệu quả của việc tự trợ giúp. Việc thể hiện được năng lực bản thân cộng thêm sự trợ giúp từ cộng đồng, xã hội sẽ giúp người nghèo tự tin hơn, nỗ lực hơn trong cuộc sống, giúp họ có một cuộc sống no đủ hơn và vươn lên mức sống mới.

1.3.3. Vai trò biện hộ

Biện hộ là việc nhân viên xã hội đứng trên quan điểm của thân chủ, đại diện cho tiếng nói của thân chủ (có thể là cá nhân, một gia đình hay một nhóm nào đó) nhằm tiếp cận với những nguồn lực và dịch vụ cần thiết, hoặc để tác động tới việc thay đổi chính sách.

Biện hộ bao gồm hỗ trợ, chứng minh, cổ vũ, vận động, tài trợ và đại diện cho tiếng nói của thân chủ. Công tác này thường liên quan tới những hành động hỗ trợ mạnh mẽ và công khai những cá nhân hoặc chính sách nào đó.

Biện hộ không phải là tạo ra sự đồng tình hay có ai đó đồng ý giống với những thứ tương tự. Biện hộ bao gồm tham gia vào việc lắng nghe và tôn trọng các quan điểm khác biệt. Biện hộ là sự thấu hiểu một vấn đề với chiều sâu và suy nghĩ tinh tế.

Đối với người nghèo thì vai trò biện hộ là việc nhân viên xã hội đứng trên quan điểm của người nghèo, đảm bảo quyền lợi của họ tiếp cận với nguồn lực và dịch vụ do chính sách xã hội quy định. Song nhân viên xã hội cũng cần duy trì vị trí trung lập của biện hộ, để có thể hiểu đúng và truyền đạt quan điểm của các bên liên quan tới thân chủ (Ví dụ, đơn vị cho vay vốn, đại

diện doanh nghiệp, đại diện trường đào tạo nghề, chính quyền địa phương, v.v…)

Bên cạnh đó, nhân viên xã hội cũng đóng vai trò biện hộ với chính thân chủ của mình, để chứng minh cho họ nhận ra rằng bản thân họ có khả năng để thực hiện được điều đó, giúp họ tự tin đón nhận những nguồn lực được kết nối và sử dụng một cách có hiệu quả nhất.

Ở các cấp hệ thống, các nhân viên xã hội luôn luôn để tâm chú ý tới sự tác động của chính sách và sự thay đổi chính sách tới các cá nhân, gia đình, nhóm, các tổ chức và cộng đồng. Tham gia vào những diễn đàn là chiến lược cho việc thực hành công tác xã hội tạo ra ảnh hưởng tới khung các vấn đề và cách tiếp cận. Chúng ta tham gia vào quá trình đó, nhưng luôn có khoảng trống để có thể đại diện trực tiếp cho thân chủ của mình và những nhiệm vụ bắt buộc, những dự án đánh giá nhu cầu, hay tham gia vào lượng giá chính sách. Mặc dù những nhân viên xã hội đang gia tăng đại diện trong các nhiệm vụ quan trọng, nhưng chúng ta không được chấp nhận là chúng ta chính là tiếng nói của người thụ hưởng. Chúng ta không phải như vậy, chúng ta chỉ là đại diện trực tiếp cho họ trong chốc lát mà thôi. Vì vậy, nhân viên xã hội phải rất rạch ròi trong vai trò là người biện hộ, chú ý cẩn trọng giữa ý kiến của thân chủ - các bên liên quan hay ý kiến của cá nhân. Điều này khi áp dụng vào thực hiện công tác giảm nghèo, sẽ giữ được tính dân chủ, tính tự quyết cho các bên tham gia, đảm bảo công bằng cho các bên tham gia.

Người nghèo là đối tượng yếu thế của xã hội. Vì vậy, nhân viên xã hội cần phải là người bảo vệ quyền lợi cho họ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của mình. Đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối những dịch vụ, chính sách mà đáng lẽ ra họ được hưởng.

1.3.4. Vai trò giáo dục

Nhân viên xã hội không chỉ làm việc trực tiếp với thân chủ mà còn làm việc với các cán bộ khác trong cùng tổ chức hay các tình nguyện viên. Vì thế, để điều phối được các hoạt động tại cơ sở, họ còn đóng vai trò là tập huấn viên, là nhà đào tạo, là người giám sát hay cán bộ tư vấn.

Cụ thể, khi làm việc trực tiếp với thân chủ là nhóm người nghèo, nhân viên xã hội thông qua các biện pháp giáo dục giúp thân chủ của mình nâng cao nhận thức về bản thân và bồi dưỡng các kĩ năng cần thiết để phục vụ cho quá trình tự vươn lên giảm nghèo.

Ba chức năng thường thấy trong vai trò nhà giáo dục của nhân viên xã hội là:

Chức năng hỗ trợ nâng cao nhận thức bản thân, truyền giải những kiến thức và kỹ năng cần thiết, hướng tới mục tiêu học tập suốt đời, ví dụ như hướng dẫn một số cách canh tác và làm sinh kế mới, dạy đối tượng kỹ năng giải quyết xung đột, quản lý tài chính, điều chỉnh với môi trường cuộc sống mới, kỹ năng phòng vệ bản thân…

Chức năng thúc đẩy sự thay đổi hành vi của đối tượng: nhân viên xã hội thúc đẩy sự thay đổi hành vi của đối tượng thông qua việc huấn luyện đối tượng qua sắm vai, mô phỏng hành vi tốt và thực hiện hành vi tốt. Ví dụ nhận thức về kế hoạch hóa gia đình, tập huấn về bình đẳng giới

Chức năng ngăn ngừa: Nhân viên xã hội thực hiện chức năng này thông qua việc cung cấp, trao đổi kiến thức, hiểu rõ vấn đề và nguyên nhân của vấn đề, từ đó đối tượng có thể ngăn ngừa được vấn đề nảy sinh.

Đa số người nghèo thiếu kiến thức về nhiều mặt do bị hạn chế tiếp cận với giáo dục, sẽ có rất nhiều vấn đề mà người nghèo phải đối diện, đòi hỏi

nhân viên xã hội cần có cái nhìn đa chiều và khả năng đánh giá chính xác nhu cầu của họ để có sự hỗ trợ phù hợp với vai trò của mình. Nhân viên xã hội với vai trò là người giáo dục cần cung cấp đầy đủ hoặc ít nhất là một lượng kiến thức đủ để người nghèo tự tin hơn trong cuộc sống, nhận định được mình phải sử dụng một cách hiệu quả nhất những nguồn lực đang có, đồng thời có các kiến thức cơ bản để bảo vệ bản thân và gia đình mình khỏi những bệnh tật, những hiểm họa luôn tồn tại và có thể xảy ra với họ.

Bên cạnh vai trò tập huấn viên, người chia sẻ kiến thức trực tiếp với thân chủ, các cán bộ xã hội còn có vai trò là người kiểm huấn, giám sát, tư vấn – hướng dẫn cho đội ngũ kế cận hoặc các bộ tại cơ sở trong việc thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp. Vai trò này thường thấy thông qua các tập huấn nâng cao nghiệp vụ, các hội thảo chia sẻ phương pháp can thiệp mới, tập huấn về triển khai chính sách mới, hoặc trong vai trò là kiểm huấn viên cho các sinh viên, thực tập sinh, các cán bộ cấp thấp hơn.

1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

1.4.1. Yếu tố chính sách và pháp luật ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế cao là tiền đề để Việt Nam thoát khỏi nước nghèo và trở thành nước có thu nhập trung bình. Sự thành công này có phần đóng góp rất quan trọng trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo. Bằng rất nhiều những chính sách, các giải pháp, bằng sự phấn đấu nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, từ cộng đồng trong nước, cộng đồng quốc tế, từ bản thân đối tượng, chương trình xóa đói

giảm nghèo đã được thực hiện rất hiệu quả, đã cải thiện được đáng kể diện mạo nghèo đói ở các vùng của đất nước.

Các chính sách giảm nghèo ở Việt Nam nhìn chung khá đầy đủ và bao trùm mọi mặt của đời sống xã hội. Với rất nhiều các cách tiếp cận khác nhau, từ những chính sách, dự án tác động trực tiếp vào nhóm đối tượng cụ thể, cho đến những chính sách, dự án có tác động gián tiếp đều có tác động tích cực đến đời sống của người nghèo. Ví dụ như Chương trình mục tiêu quốc gia về Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NSVSMTNT) của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia về Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình NSVSMTNT đã giúp người nghèo có nước sạch để sử dụng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, nước sạch để sản xuất… đời sống cũng thay đổi rất tích cực.

Có rất nhiều những dự án giảm nghèo hỗ trợ cho giáo dục nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cơ bản cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa thông qua cung cấp nguồn lực và ban hành các chính sách về giáo dục để tăng cường cơ hội học tập.

Một số dự án giảm nghèo chú trọng hoạt động dạy nghề và tạo việc làm, chủ yếu thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo và Nghị quyết 30a. Các hoạt động hỗ trợ dạy nghề này nằm ngoài kênh dạy nghề thông thường mà các trường dạy nghề đang tiến hành trong nhiều lĩnh lực và còn rất nhiều những chính sách, chương trình giảm nghèo khác nữa.

Hệ thống chính sách và các chương trình giảm nghèo dày đặc như vậy là một điều kiện thuận lợi để nhân viên xã hội thực hiện các vai trò của mình đối với người nghèo. Từ chính sách về y tế, giáo dục, dạy nghề hay các chương trình về hỗ trợ nhà ở, vay vốn… đều có, nhân viên xã hội sẽ dễ dàng

trong việc tìm hiểu và kết nối các chính sách, chương trình đó với người nghèo.

Tuy nhiên, những chính sách, chương trình giảm nghèo vẫn còn tồn tại những điểm hạn chế như các chính sách còn chồng chéo, số lượng văn bản chính sách quá nhiều khiến việc thực hiện còn gặp khó khăn. Ngoài ra hiện nay vẫn chưa có văn bản chính sách nào cụ thể quy định về chức năng nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo, nhân viên xã hội hội không thể thực hiện vai trò của mình một cách rõ ràng, chính thức. Đây là yếu tố khó khăn tác động lớn nhất trong việc thực hiện vai trò của công tác xã hội với đối tượng là người nghèo.

1.4.2. Yếu tố cán bộ chính sách tại địa phương ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Khi chưa có nhân viên xã hội ở các địa phương để thực hiện các vai trò của công tác xã hội thì những người đang thực hiện những vai trò của công tác xã hội một cách ngầm hiểu là các cán bộ chính sách tại địa phương, mỗi xã/ phường sẽ có từ 1 đến 2 cán bộ chính sách.

Ưu điểm của việc này là cán bộ chính sách địa phương nắm rất chắc các chính sách giảm nghèo, họ cũng đã rất thân thuộc với người nghèo tại địa phương, điều này giúp việc tiếp cận và làm việc với đối tượng được dễ dàng hơn.

Nhược điểm là do không được đào tạo bài bản ngay từ đầu về công tác xã hội nên cách tiếp cận và trợ giúp đối tượng của cán bộ chính sách địa phương sẽ không được trình tự bài bản và chuyên nghiệp như nhân viên xã hội, sẽ thiên về thực hiện chính sách đơn thuần mà sẽ không có các vai trò của công tác xã hội trong đó. Bên cạnh đó, việc cán bộ chính sách địa phương thường phải kiêm nhiệm rất nhiều vai trò, công việc khác nên thời gian để học hỏi, nghiên cứu thực hiện vai trò công tác xã hội chuyên nghiệp là gần như

không có. Đây là yếu tố ảnh hưởng rất nhiều tới việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong việc giảm nghèo.

1.4.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Người nghèo thường có tư duy khép kín, ngại giao tiếp, đánh giá thấp bản thân và không dám nói lên suy nghĩ của mình. Họ tự cho mình là không có khả năng gì, không làm được việc dùng đầu óc mà chỉ lao động chân tay để mưu sinh. Với những chính sách, chương trình được nhà nước hỗ trợ, họ nhận lấy với lòng biết ơn và không bao giờ tìm hiểu hay thắc mắc rằng mình được hưởng những quyền lợi gì, được nhận như vậy đã đủ chưa. Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương với người nghèo chỉ là quan hệ cho – nhận, chưa thực sự có sự tương tác giữa hai bên để đi tới một thành tựu tốt hơn.

Chính những suy nghĩ đó của người nghèo khiến khoảng cách giữa họ và công tác xã hội còn rất xa. Với suy nghĩ bản thân kém cỏi, họ không dám thử tiếp cận với các dịch vụ xã hội, với các chương trình hỗ trợ việc làm của chính quyền địa phương.

Mặt khác, một số ít bộ phận người nghèo còn có tư tưởng bảo thủ "nghèo là cái số", hay ỉ lại vào sự giúp đỡ của chính quyền, khiến cho việc trợ giúp họ ở một cấp độ cao hơn là tạo việc làm, cho vay vốn làm ăn trở nên khó khăn, không thành công.

1.4.4. Yếu tố nhận thức của cộng đồng ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Chủ trương xã hội hóa công tác giảm nghèo của Đảng và Chính phủ đã thực hiện và đang có những thành tựu rất đáng mừng. Cộng đồng dần có ý thức về việc giảm nghèo không còn là vấn đề của riêng chính quyền nhà nước, mà cũng dần có trách nhiệm với vấn đề chung của toàn xã hội. Sự đóng

góp của người dân vào quỹ “Vì người nghèo” đang tăng dần và với suy nghĩ, hành động rất tích cực. Thêm vào đó, có rất nhiều những doanh nghiệp trên địa bàn cũng có những đóng góp rất to lớn và ý nghĩa cho công tác giảm nghèo.

Với sự chung tay góp sức của cộng đồng, công tác giảm nghèo tuy chưa trở nên quá dễ dàng, nhưng nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đã thay đổi là một dấu hiệu rất đáng mừng. Đây là một mắt xích quan trọng trong việc thực hiệnvai trò của công tác xã hội, việc vận động động nguồn lực, kết nối với người nghèo sẽ thuận lợi và có tính gắn kết hơn trong cộng đồng.

Tiểu kết Chương 1

Qua những phân tích về khái niệm, về các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo chúng ta hiểu được những vai trò của công tác xã hội được vận dụng như thế nào trong các hoạt động đó và lợi ích mà nó đem lại trong công tác giảm nghèo. Những lý luận đó cho chúng ta cái nhìn tổng quát nhất về công tác xã hội nói chung và những vai trò cụ thể được thực hiện trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo.

Công tác xã hội không chỉ giúp cán bộ thực hiện chính sách tiếp cận, tạo lập mối quan hệ với đối tượng người nghèo mà còn giúp cán bộ chính sách kết nối được người nghèo với các nguồn lực hỗ trợ về thông tin, tài chính, nghề nghiệp, tư vấn tâm lý…; qua quá trình thực hiện lồng ghép vai trò công tác xã hội vào công tác giảm nghèo giúp người cán bộ chính sách trau dồi thêm kiến thức, kinh nghiệm trong thực hiện các vai trò chuyên môn như kết nối, vận động nguồn lực, biện hộ, giáo dục.

Từ những lý luận về công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo, tác giả sẽ đi sâu tìm hiểu, đánh giá thực trạng một số vai trò của công tác xã hội được vận dụng trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo và những yếu tố tác động đến việc thực hiện đó.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VAI TRÒ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Mô tả địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Mô tả địa bàn nghiên cứu

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Quận Đống Đa nằm ở trung tâm thủ đô Hà Nội, thuận tiện cho giao thông, thương mại và phát triển dịch vụ.

Phía Bắc giáp quận Ba Đình.

Phía Đông Bắc giáp quận Hoàn Kiếm (ranh giới là phố Lê Duẩn).

Phía Đông giáp quận Hai Bà Trưng (ranh giới là phố Lê Duẩn và đường Giải Phóng).

Phía Nam giáp quận Thanh Xuân (ranh giới là đường Trường Chinh và đường Láng).

Phía Tây giáp quận Cầu Giấy (ranh giới là sông Tô Lịch).

Địa hình quận Đống Đa tương đối bằng phẳng. Có một số hồ lớn như Ba Mẫu, Kim Liên, Xã Đàn, Đống Đa, Văn Chương. Trước có nhiều ao, đầm nhưng cùng với quá trình đô thị hóa đã bị lấp. Quận có hai sông nhỏ chảy qua là sông Tô Lịch và sông Lừ. Phía đông có một vài gò nhỏ, trong đó có gò Đống Đa.

Quận Đống Đa rộng 9.96 km^2, có dân số thường trú là 390 nghìn người (năm 2011) nhiều nhất trong các quận, huyện của Hà Nội.

Từ tháng 1 năm 1997 theo nghị định 28/CP của Chính phủ, quận đã được

điều chỉnh về mặt hành chính, quận đã tách 5 phường cho quận Thanh Xuân.

Hiện nay, quận có 21 phường: Cát Linh, Hàng Bột, Khâm Thiên, Khương Thượng, Kim Liên, Láng Hạ, Láng Thượng, Nam Đồng, Ngã Tư Sở, Ô Chợ Dừa, Phương Liên, Phương Mai, Quang Trung, Quốc Tử Giám, Thịnh Quang, Thổ Quan, Trung Liệt, Trung Phụng, Trung Tự, Văn Chương, Văn Miếu.

Do có vị trí thuận lợi nên trong quận có sự phát triển khá mạnh về văn hóa cũng như kinh tế và nhiều lĩnh vực khác. Trong quận thường xuyên diễn ra các cuộc giao lưu trao đổi về văn hóa, khoa học kỹ thuật. Quận nắm bắt được nhanh chóng và triển khai kịp thời một cách có hiệu quả các chủ trương chính sách an sinh xã hội cũng như những chương trình, dự án mà thành phố đề ra.

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - văn hóa – xã hội

Về kinh tế: Những năm qua, kinh tế quận Đống Đa luôn giữ vững ổn định, mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Năm 2016, tổng thu ngân sách toàn quận Đống Đa được hơn 3.210 tỷ đồng, đạt 76% dự toán pháp lệnh, bằng 113,2% cùng kỳ năm 2013. Trong đó có số thuế ngoài quốc doanh do các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh nộp ngân sách nhà nước được 756 tỷ 090 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 62,4% tổng số thu ngân sách nhà nước. Đây là nguồn thu chủ yếu trên địa bàn quận Đống Đa. Quận Đống Đa là địa bàn có số doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhiều nhất thành phố Hà Nội. Năm 2016, có 11.052 doanh nghiệp (trong đó 8.738 doanh nghiệp hoạt động).

Hoạt động thương mại – dịch vụ trên địa bàn được đẩy mạnh, hình thành một số trung tâm buôn bán sôi động: Khâm Thiên, Nam Đồng, Giảng Võ…

Về giáo dục và đào tạo: Công tác giáo dục và đào tạo của quận có bước phát triển mạnh, chất lượng dạy và học được nâng cao. Hiện nay, quận Đống Đa có 100% các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, Đại học kết nối mạng Internet.

Về lao động việc làm: Mỗi năm quận tạo việc làm cho khoảng 8000-8500 lao động. Năm 2016, quận đã cho vay vốn giải quyết việc làm 869 hộ, tổng vốn cho vay đạt 12,6 tỷ đồng; cho vay hộ nghèo, cận nghèo và gia đình khó khăn 3012 hộ; tạo điều kiện giải quyết việc làm 9.331 người đạt 100% kế hoạch trong đó 6.384 người có việc ổn định.

Về văn hóa xã hội: Năm 2016, quận Đống Đa đã trợ cấp thường xuyên 1800 người cao tuổi, 91 hộ nghèo không có khả năng lao động, sửa chữa 10 nhà dột nát hộ nghèo, cấp 2231 thẻ BHYT cho người nghèo, hỗ trợ phát triển đời sống giúp 1012 hộ thoát nghèo.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật với nhiều loại hình phong phú, gắn với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn của đất nước, của Thủ đô. Duy trì vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, năm 2016, 92% gia đình được công nhận là gia đình văn hoá, 35% số tổ dân phố được công nhận là tổ dân phố văn hoá.

Điều kiện kinh tế - xã hội rất thuận lợi cho việc thực hiện các chính sách đối với người nghèo trên địa bàn quận. Nhiều doanh nghiệp tư nhân có hoạt động kinh tế tốt, có lòng hảo tâm đã trao tặng những khoản tiền từ thiện, hỗ trợ cho quận trong công tác trợ giúp người nghèo. Hàng năm vào các dịp lễ, Tết, ngày vì người nghèo 17/10… các doanh nghiệp cũng có quà hiện vật

và tiền mặt tặng đối tượng của phòng Lao động TBXH quận nói chung và người nghèo nói riêng, để tỏ lòng biết ơn với những người đã hy sinh bản thân cho đất nước có được ngày hôm nay. Công tác giáo dục ổn định và phát triển cũng hỗ trợ rất nhiều cho hoạt động trợ giúp những đối tượng là con thương binh, liệt sỹ, giúp đối tượng được hưởng những chế độ ưu đãi giáo dục, có điều kiện tốt nhất để học tập. Các phong trào văn hóa xã hội sôi nổi cũng góp phần làm cho đời sống tinh thần của đối tượng được nâng cao, hòa nhập với cộng đồng.

Sau khi nghiên cứu khái quát đặc điểm dân cư, mức sống trên đia bàn quận Đống Đa, tác giả lựa chọn phân tích chi tiết về đối tượng người nghèo cua 13 phường sau:

Bảng 2.1: Số liệu hộ nghèo 13 phường trong nghiên cứu

STT	Tên phường	Số hộ nghèo	STT	Tên phường	Số hộ nghèo
1	Văn Chương	58	8	Trung Phụng	33
2	Trung Liệt	22	9	Ngã Tư Sở	17
3	Quang Trung	38	10	Láng Hạ	21
4	Phương Liên	14	11	Khương Thượng	18
5	Kim Liên	19	12	Hàng Bột	30
6	Trung Tự	6	13	Cát Linh	13
7	Phương Mai	13			
Tổng cộng				**302 hộ**	

(Nguồn: Báo cáo số liệu hộ nghèo đầu năm 2017 của quận Đống Đa)

Đây là các phường có đặc điểm dân cư tập trung đầy đủ các thành phần từ tri thức, công nhân viên chức, người lao động v.v.. và mang đặc điểm địa lý đặc trưng của quận Đống Đa. Có thể nói 13 phường trên là đại diện cho bức tranh khái quát nhất về đặc điểm chung về tình hình kinh tế - văn hóa – xã hội trên địa bàn quận Đống Đa.

2.1.2. Mô tả khách thể nghiên cứu

Người nghèo sinh sống trong phạm vi không gian nghiên cứu

Bảng 2.2: Số liệu hộ nghèo 21 phường thuộc quận Đống Đa

STT	Tên phường	Số hộ nghèo
1	Văn Miếu	31
2	Thịnh Quang	19
3	Khâm Thiên	39
4	Quốc Tử Giám	16
5	Văn Chương	58
6	Láng Thượng	14
7	Trung Liệt	22
8	Quang Trung	38
9	Phương Liên	14
10	Kim Liên	19
11	Trung Tự	6
12	Ô Chợ Dừa	43
13	Phương Mai	13

14	Trung Phụng	33
15	Ngã Tư Sở	17
16	Láng Hạ	21
17	Khương Thượng	18
18	Nam Đồng	20
19	Hàng Bột	30
20	Cát Linh	13
21	Thổ Quan	9
	Tổng cộng	**493 hộ**

(Nguồn: Báo cáo số liệu hộ nghèo đầu năm 2017 của quận Đống Đa)

Quận Đống Đa có tổng số 493 hộ nghèo, đứng thứ 3 về số lượng hộ nghèo trong nội đô thành phố Hà Nội sau quận Nam Từ Liêm và quận Bắc Từ Liêm. Theo phân tích địa bàn dân cư, tác giả đánh giá số hộ nghèo của quận Đống Đa tập trung đông ở những phường có nhiều dân thổ cư sinh sống và là khu có đông người dân làm lao động tự do, buôn bán hàng hóa nhỏ lẻ (Ví dụ: Phường Văn Chương nằm trên con ngõ thông giữa hai phố Khâm Thiên và Tôn Đức Thắng, có rất nhiều chợ cóc và dân cư ở đây chủ yếu làm nghề buôn bán và lao động tự do, số hộ nghèo của phường Văn Chương là 58 hộ - nhiều nhất quận Đống Đa). Ở những khu vực khác trong quận có phần lớn dân cư là công nhân viên chức thì số lượng hộ nghèo là rất ít (Ví dụ: Phường Trung Tự có người dân chủ yếu làm công nhân viên chức và hưu trí thì chỉ có 6 hộ nghèo – ít nhất trong quận Đống Đa).

Tổng số hộ nghèo trong 13 phường mà tác giả lựa chọn để nghiên cứu là 302 hộ với đầy đủ các thành phần dân cư và địa lý đặc trưng của quận Đống Đa.

Đặc điểm địa lý quận Đống Đa nằm ở khu trung tâm, mật độ dân cư dày đặc, bao gồm cả dân bản xứ, dân nhập cư và đủ mọi thành phần xã hội, trong đó số dân lao động, làm nghề tự do là rất nhiều, những công việc này thường thu nhập không cao và không ổn định, không đủ để trang trải chi tiêu trong gia đình, bên cạnh đó những biến cố gia đình cũng là các nguyên nhân dẫn đến nghèo. Báo cáo kết quả thực hiện công tác Trợ giúp người nghèo và Bảo trợ xã hội năm 2016 của Phòng lao động thương binh xã hội quận Đống Đa đã chỉ ra rằng nguyên nhân cao nhất dẫn đến tình trạng nghèo là *"không có người trong độ tuổi lao động"*, ở vị trí thứ hai là nguyên nhân *"thiếu vốn sản xuất"*, có thể thấy vấn đề kinh tế là nguyên nhân quyết định dẫn đến tình trạng nghèo của các hộ gia đình trên địa bàn quận Đống Đa.

Cuộc sống thiếu thốn về kinh tế khiến người nghèo không thể có điều kiện sống tốt cũng như không được tiếp cận với những dịch vụ chăm sóc sức khỏe thường xuyên để đảm bảo tình trạng sức khỏe, vì thế mà chất lượng sức khỏe của người nghèo quận quận Đống Đa phần đông là thấp hơn so với những người có cuộc sống ở mức bình thường trở lên.

Đặc điểm tâm lý người nghèo ở 13 phường này cũng giống như đặc điểm tâm lý người nghèo nói chung, họ thường có xu hướng sống khép kín điều đó vô tình làm cho khoảng cách giữa họ với những người xung quanh ngày càng xa dần. Không dám nói lên suy nghĩ của mình, không dám đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi cũng như suy nghĩ "mình nghèo, thấp cổ bé họng" đã khiến họ để tuột mất những cơ hội để thay đổi cuộc sống, thoát khỏi cái nghèo, khiến họ đã nghèo lại càng chịu nhiều thiệt thòi. Với suy nghĩ "mình là

kẻ ăn bám xã hội, là gánh nặng của xã hội" họ luôn cảm thấy có lỗi với mọi người xung quanh, nghĩ mình kém cỏi, không phát hiện ra và đôi khi không dám thể hiện những tố chất bên trong mà có thể giúp họ sống tốt hơn. Bên cạnh đó, cũng có một bộ phận trong số họ không chịu phấn đấu kiếm tiền mưu sinh mà trái lại luôn đổ lỗi cho người khác, đổ lỗi cho cuộc sống khắc nghiệt mà hận đời, sống tiêu cực và ỉ lại vào những sự giúp đỡ của cộng đồng và cơ quan chính quyền.

Tuy nhiên, không phải tất cả họ đều có những đặc điểm như trên, có những người đang ngày đêm nỗ lực mưu sinh, lao động chân chính để giúp cho cuộc sống gia đình no đủ hơn, mong một ngày có thể thoát nghèo. Dù họ là những người sống thu mình, có suy nghĩ coi thường bản thân, những người sống ỉ lại hay là những người đang luôn luôn cố gắng sống tốt lên đều cần tới sự giúp sức của chính quyền địa phương cũng như nhân viên xã hội để gạt bỏ đi mặc cảm bản thân, sống tích cực hơn và thoát khỏi cái nghèo.

Để thực hiện được điều đó, người nghèo cần được trợ giúp để phân tích tìm ra nguyên nhân vấn đề của mình, để thực sự hiểu nhu cầu của bản thân là gì, xác định được nhu cầu mới có thể định hướng về cách giải quyết và thực hiện nó. Báo cáo kết quả thực hiện công tác Trợ giúp người nghèo và Bảo trợ xã hội năm 2016 của Phòng lao động thương binh xã hội quận Đống Đa đã đánh giá nhu cầu của người nghèo trong quận, trong đó nhu cầu được lựa chọn nhiều nhất là được nhận tiền trợ cấp hàng tháng cho thấy họ cần một khoản tiền ổn định hàng tháng để chi trả cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Nhu cầu cao thứ hai được người nghèo lựa chọn là được hỗ trợ vay ưu đãi, với các mục tiêu sử dụng vốn vay khác nhau nhưng mục đích cuối cùng của họ là sinh lời. Tuy nhiên, để sử dụng một khoản tiền lớn để kinh doanh làm ăn hay sản xuất... với người nghèo không phải là điều dễ dàng, họ cần

nhận được lời tư vấn để sử dụng số vốn đó một cách hiệu quả, có thể trả được khoản vay và điều quan trọng là sinh lời, có nguồn thu ổn định, giúp gia đình có thể nâng cao mức sống.

Một nhu cầu nữa cũng được người nghèo lựa chọn rất nhiều đó là được giới thiệu việc làm, đây là nhu cầu được đánh giá rất cao bởi người nghèo đã nhận thức được thứ mình cần là "cần câu" chứ không phải "con cá". Khi nhận thức đã thay đổi thì hành vi cũng sẽ được điều chỉnh, họ dần nhận ra những khả năng của bản thân và phát huy nó.

Quá trình từ khi tìm hiểu, phân tích nguyên nhân nghèo, xác định mục tiêu và hướng giải quyết cho tới khi thực hiện nó, cần có sự tham gia của của chính quyền địa phương và nhân viên xã hội. Bằng nghiệp vụ chuyên môn nhân viên xã hội sẽ vận động nguồn lực từ bên ngoài cho đến nguồn lực bên trong đối tượng nghèo, kết nối với những cá nhân, đơn vị, tổ chức có điều kiện trợ giúp cũng như biện hộ cho họ trước những nghi hoặc của người khác về khả năng thành công của họ, bên cạnh đó cũng không quên cung cấp cho họ những kiến thức cần thiết về chăm sóc sức khỏe, kinh nghiệm học tập và làm việc, cách quản lý tài chính, kiến thức xã hội... để họ hoàn thiện bản thân, có đầy đủ hiểu biết để vươn lên thoát nghèo và chống tái nghèo. Vì vậy mà trong luận văn này, tác giả sẽ đi sâu nghiên cứu, phân tích vai trò của nhân viên xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thông qua việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động giảm nghèo cũng như phân tích câu trả lời của các cán bộ chính sách phường, quận về việc thực hiện những vai trò công tác xã hội đó. Trong phần tiếp theo của luận văn, tác giả sẽ sử dụng khái niệm nhân viên xã hội dưới cách gọi "Cán bộ chính sách".

Cán bộ chính sách phường được phỏng vấn sâu (04 người)

Bảng 2.3: Thông tin cán bộ chính sách phường được phỏng vấn sâu

TT	Tên	Đơn vị công tác	Thâm niên công tác	Chuyên ngành đào tạo
1	N.T.N	UBND Phường B	6 năm	Luật
2	N.T.H.T	UBND Phường Y	8 năm	Quản lý nhân lực
3	C.T.H.Y	UBND Phường C	3 năm	Quản lý văn hóa
4	N.H.O	UBND Phường P	11 năm	Luật

Nhìn vào bảng trên có thể thấy, cả bốn cán bộ chính sách phường được phỏng vấn đều không được đào tạo chuyên sâu về Công tác xã hội, ngoài một người tốt nghiệp chuyên ngành quản lý nhân lực – loại bằng được ứng tuyển vào ngành Lao động Thương binh và Xã hội thì ba người còn lại đều đang làm việc trái với ngành học chuyên môn. Điều này dẫn đến việc họ không có các kiến thức căn bản về Công tác xã hội, không được đào tạo bài bản và chuyên sâu về ngành đang làm việc. Trên thực tế, họ chỉ được bồi dưỡng thêm kiến thức về Công tác xã hội thông qua các buổi tập huấn, chính vì thế mà dường như họ không coi trọng việc tiếp thu kiến thức về Công tác xã hội mà chỉ coi đó là kiến thức phụ để bổ trợ thêm cho công việc đang làm.

Phần lớn cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội làm việc dựa vào kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình làm việc chứ không theo một quy trình bài bản. Bên cạnh đó, họ phải gánh một khối lượng công việc rất lớn nên thời gian để họ tự tìm hiểu và trau dồi thêm những kiến thức là rất ít.

Tác giả lựa chọn bốn cán bộ chính sách phường trên để phỏng vấn sâu bởi họ đại diện cho sự đa dạng về thâm niên công tác cũng như loại bằng cấp và đa dạng về địa bàn phụ trách. Đây cũng là số ít những cán bộ chính sách đã

nhận thấy được tầm quan trọng của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo và đã phần nào vận dụng được những kỹ năng của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo.

Cán bộ chính sách Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Đống Đa được phỏng vấn sâu

Chị T.T.Q là cán bộ phụ trách lĩnh vực người nghèo của Phòng Lao động Thương binh và Xã hôi quận Đống Đa. Là một cán bộ trẻ nhưng chị Q có cách làm việc rất bài bản và hiệu quả. Dù chuyên ngành được đào tạo chính quy không liên quan trực tiếp đến công tác xã hội, song chị Q lại là người ham học hỏi và rất mong muốn được đưa công tác xã hội vào gần hơn với các chương trình giảm nghèo nhằm thực hiện thành công chính sách giảm nghèo theo những hướng mới và bền vững hơn.

2.2. Thực trạng vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.2.1. Thực trạng vai trò kết nối trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.2.1.1. Vai trò kết nối trong hoạt động truyền thông về chính sách giảm nghèo

Ở chương một tác giả đã đề cập đến vai trò kết nối của công tác xã hội có tầm quan trọng chiến lược trong công tác giảm nghèo. Quả thực vậy, trong quá trình khảo sát đối tượng người nghèo thông qua phiếu hỏi và phỏng vấn sâu các cán bộ thực hiện chính sách giảm nghèo đã cho thấy công tác giảm nghèo thêm phần hiệu quả nhờ vai trò kết nối của công tác xã hội. Vai trò kết nối được sử dụng ở tất cả các hoạt động giảm nghèo, từ kết nối thông tin, giáo dục, dạy nghề, việc làm, y tế….cho thấy hiệu quả mà nó đem lại, những số liệu thống kê sau sẽ chứng minh điều đó.

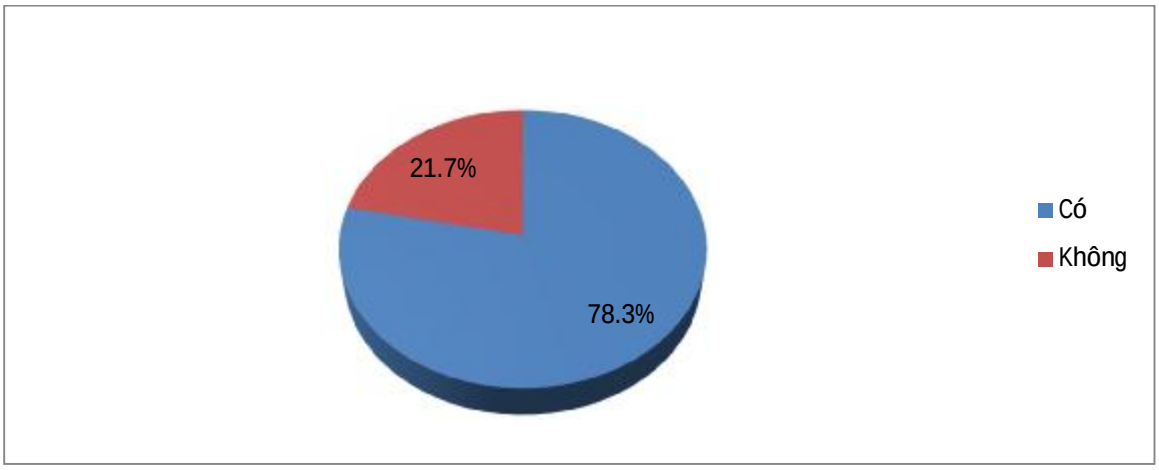

Biểu đồ 2.1: Số lượng hộ nghèo được truyền thông về chính sách giảm nghèo

Nhìn vào biểu đồ trên có thể thấy phần lớn người nghèo ở quận Đống Đa đều được truyền thông về chính sách giảm nghèo, có tới 47 trên 60 người được cán bộ chính sách cung cấp các thông tin về chính sách giảm nghèo tương đương với 78,3% số phiếu hỏi được phát ra. Điều này cho thấy cán bộ chính sách đã làm rất tốt vai trò của mình trong việc kết nối người nghèo với những nguồn thông tin về các chính sách giảm nghèo, từ các chính sách hỗ trợ về tài chính như hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm cho đến chính sách về cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, chính sách miễn giảm học phí và các chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm.

Nhờ việc được kết nối với đầy đủ các thông tin liên quan đến chính sách giảm nghèo mà người nghèo có thêm hiểu biết về quyền lợi của họ, về những nguồn lực có thể giúp họ học tập, làm việc để ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo. Công cụ để kết nối người nghèo với các nguồn thông tin của chính quyền chủ yếu vẫn là loa phát thanh phường, trong 47 người nhận được các thông tin truyền thông thì 100% họ được nghe qua loa phát thanh phường, bên cạnh đó cũng có những phương tiện khác như báo đài (25,5%), được truyền thông qua các cuộc họp (72,3%), một phương thức truyền thông được đánh giá rất cao đó là truyền thông tại nhà chiếm tới 48,9%. Phương thức

truyền thông tại nhà là việc cán bộ chính sách phường kết hợp với tổ trưởng tổ dân phố và các ban ngành đoàn thể đến nhà cung cấp cho đối tượng các thông tin cần thiết để trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về chính sách, vận động họ mở lòng tham gia để cùng chính quyền cải thiện tình trạng nghèo trên địa bàn, phương thức này thể hiện sự tận tâm và nỗ lực của cán bộ chính sách cũng như chính quyền trong việc kết nối người nghèo với các nguồn lực và trợ giúp họ có cuộc sống ngày một tốt hơn.

Chia sẻ về việc vận dụng vai trò kết nối của công tác xã hội vào chính sách giảm nghèo, chị N.T.N – cán bộ chính sách phường B nói: *"Quả thực nhờ có các lớp tập huấn về kỹ năng công tác xã hội mà tôi làm việc với đối tượng suôn sẻ hơn rất nhiều. Trước kia chỉ đơn giản là cung cấp cho người nghèo các chính sách như miễn giảm học phí, hỗ trợ bù giá tiền điện, tặng quà dịp Tết… nhưng từ khi được tập huấn và hiểu rõ hơn về công tác xã hội thì tôi vận dụng được rất nhiều thứ và cũng nhờ đó mà đối tượng người nghèo được hưởng lợi hơn rất nhiều. Điển hình như việc kết nối thông tin, chúng ta đều biết ở thời đại này không có thông tin thì không thể hòa nhập xã hội và không phát triển được. Tôi đã vận dụng vai trò kết nối của một người nhân viên xã hội, là cầu nối đem đến cho họ những nguồn thông tin về y tế như chăm sóc sức khỏe bản thân, sức khỏe sinh sản, rồi các thông tin về chính sách pháp luật, hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ học nghề, kết nối việc làm… và khi cánh cửa thông tin được mở ra họ đã có cơ hội để tiếp cận với những nguồn lực về tài chính, hỗ trợ họ học nghề, tìm việc có thu nhập ổn định… ngoài ra nhờ có được những thông tin bổ ích về chăm sóc sức khỏe mà họ cũng cải thiện môi trường sống thêm sạch sẽ để tránh lưu giữ mầm bệnh trọng nhà"*

Qua những phân tích và chia sẻ của cán bộ chính sách trên có thể khẳng định vai trò kết nối thông tin là có được thực hiện, nhưng hiệu quả của

nó đến đâu thì sẽ được đánh giá thông qua chất lượng của hoạt động truyền thông với các biểu đồ sau:

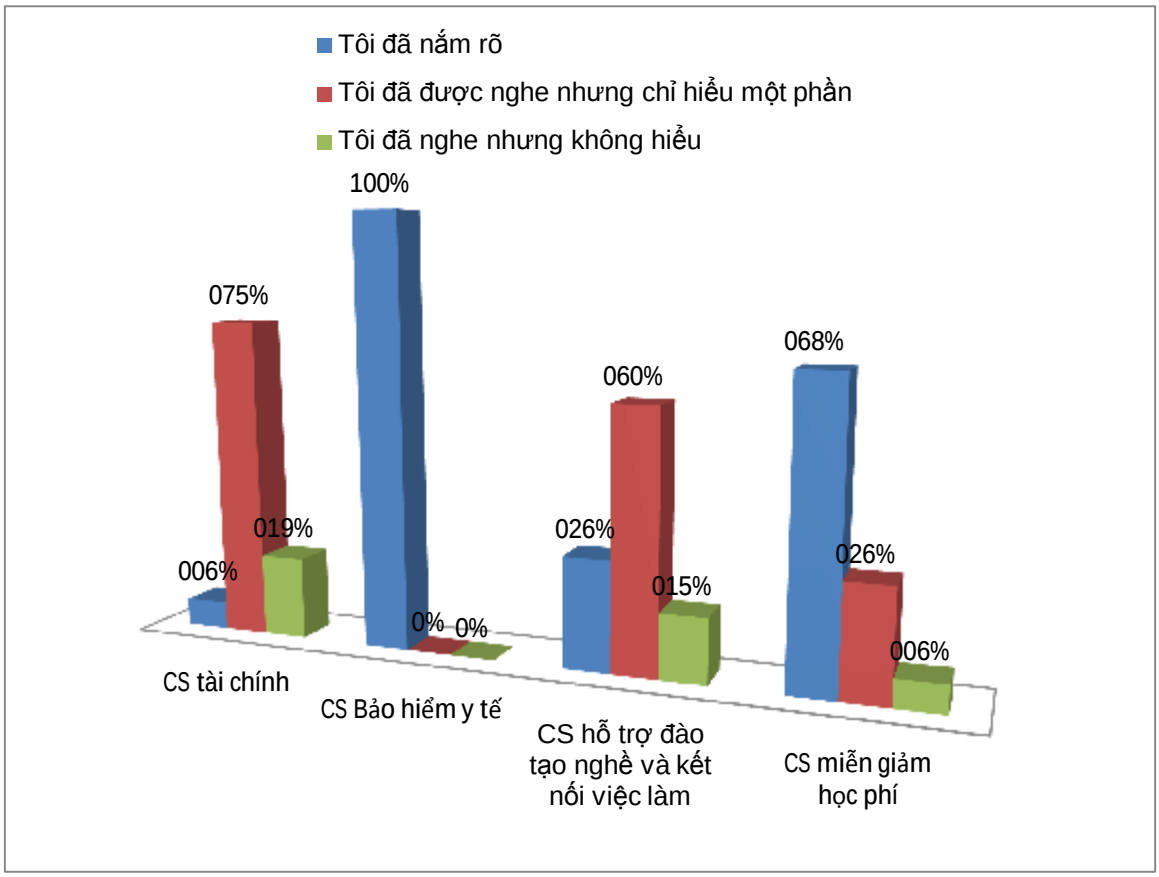

Biểu đồ 2.2: Đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo

Biểu đồ trên cho thấy hiệu quả của hoạt động truyền thông còn phụ thuộc vào loại chính sách mà họ được cung cấp thông tin, cụ thể trong chính sách tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn và tặng sổ tiết kiệm) 74,5% người nghèo nhận định rằng họ có được nghe thông tin về chính sách tài chính, nhưng lại chỉ hiểu một phần, những đánh giá còn lại chiếm tỷ lệ rất ít: “Tôi đã nắm rõ” chiếm 6,4%, “Tôi đã được nghe nhưng không hiểu chiếm 19,1%; Chính sách bảo hiểm ý tế nhận được đánh giá 100% người nghèo được tiếp nhận thông tin và đều nắm rõ về chính sách, bởi chế độ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo được cấp miễn phí hàng năm, cũng không có gì là quá khó để nắm bắt; Tương tự chính sách tài chính, chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối

việc làm có mức độ đánh giá cao nhất là “Tôi đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần” – 59,6%, cũng có nhiều người đã nắm rõ được chính sách với 25,5% và 14,9% người nghèo đánh giá rằng họ đã được nghe về thông tin nhưng không hiểu; Chính sách miễn giảm học phí được đánh giá là dễ dàng nắm rõ với 68,1% bởi các loại giấy tờ xác nhận để được miễn giảm học phí khá đơn giản người nghèo có thể dễ dàng thực hiện, tuy nhiên vẫn có 25,5% người đánh giá chỉ hiểu được một phần thông tin và 6,4% người không hiểu nội dung thông tin được truyền đạt. Các mức độ đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông là khác nhau tùy theo lĩnh vực truyền thông, nhưng tựu chung những khó khăn, vướng mắc trong việc nắm bắt, tiếp nhận thông tin là người nghèo “Không có đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau” chiếm 57,5% (tương đương 27/47 người), “Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng khó hiểu” chiếm 23,4% (tương đương 11/47 người), “Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích khi cần” chiếm 19,1% (tương đương 9/47 người). Vậy việc không có đầy đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin là khó khăn được lựa chọn cao nhất, khó khăn này không quá lạ bởi đây cũng là đặc điểm chung của người nghèo khi thiếu hụt về cơ sở vật chất trong sinh hoạt hàng ngày, đây cũng là nhân tố làm hạn chế hiệu quả của vai trò kết nối thông tin tới đối tượng. Tuy nhiên qua đánh giá trên thì vẫn còn có những cán bộ truyền đạt thông tin dài dòng, khó hiểu, không ngắn gọn, cô đọng để người nghèo dễ hiểu và còn không nhiệt tình giải thích chi tiết để đối tượng thực sự hiểu về những thông tin mà họ đang được nghe, kết quả này cho thấy cán bộ chính sách cần nỗ lực hơn trong việc kết nối thông tin đến cho người nghèo, không chỉ đủ về số lượng mà còn phải đảm bảo chất lượng thông tin.

Trong số 60 phiếu hỏi được phát ra, có 13 người (21,7%) trả lời “không” được truyền thông về các chính sách giảm nghèo với các lý do như

không có ti vi, phương tiện truyền thông để tiếp nhận thông tin tin tức, loa phát thanh phường tại khu vực họ ở bị hỏng hoặc quá xa để nghe thấy rõ, hay cũng có những người rất thẳng thắn chia sẻ rằng họ không quan tâm tới việc được cung cấp các thông tin về chính sách giảm nghèo. Kết quả này cho thấy dù việc kết nối thông tin đến với người nghèo đã đạt được những thành công nhất định nhưng cán bộ chính sách cũng không nên chủ quan, xem nhẹ số ít bởi mục tiêu làm việc là kết nối thông tin đến người nghèo, bao phủ toàn bộ chứ không dừng lại là số đông. Cần tìm hiểu về những nguyên nhân mà họ không thể tiếp cận thông tin hay vì sao họ không có nhu cầu tiếp nhận thông tin, từ đó khắc phục những khó khăn, tìm ra giải pháp để số người nghèo còn lại chưa được truyền thông về các chính sách giảm nghèo sẽ sớm nắm bắt được những thông tin cần thiết một cách đầy đủ và chất lượng nhất.

Trong câu hỏi yêu cầu người nghèo đánh giá trực tiếp về chất lượng vai trò kết nối thông tin mà cán bộ chính sách thực hiện đã cho thấy dù còn tồn tại những thiếu sót nhưng nhìn chung vai trò kết nối thông tin đã được thực hiện rất tốt.

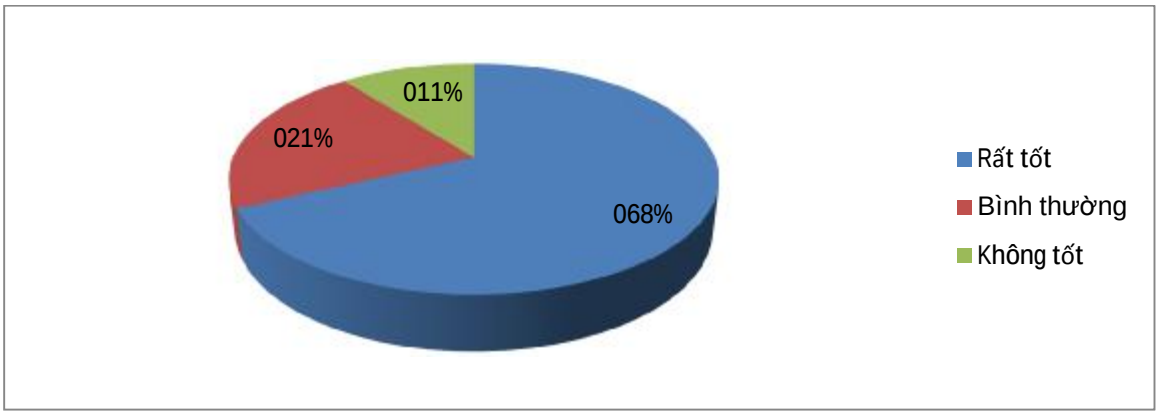

Biểu đồ 2.3: Đánh giá vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông

Với tỷ lệ đánh giá "rất tốt" vượt trội – 68,1%, vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông đã cho thấy các cán bộ chính sách đã làm

khá tốt vai trò kết nối thông tin này. Không chỉ cung cấp đầy đủ thông tin cho đối tượng, cán bộ chính sách còn tận tình giải thích những thắc mắc của họ, giúp đối tượng hiểu rõ về những gì mình đang được truyền thông, hiểu rõ hơn về chính sách giảm nghèo và các đơn vị hỗ trợ sẽ giúp họ có thêm động lực để giải quyết vấn đề, cải thiện cuộc sống. Phần màu đỏ trong biểu đồ chiếm 21,3% thể hiện mức đánh giá "bình thường", mức đánh giá này thể hiện cán bộ chính sách tuy có cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách giảm nghèo cho đối tượng nhưng lại không giải đáp được những thắc mắc của họ, đây là một tình trạng cần phải khắc phục ngay, nếu việc truyền thông chỉ hoành tráng, đầy đủ về mặt hình thức mà lại rỗng về những kiến thức mà đối tượng thu được thì hoạt động đó được xem là đã thất bại. Những người cán bộ chính sách trước tiên cần tìm hiểu kỹ về nội dung thông tin mình truyền thông và cả những vấn đề bao quanh nó nữa để có thể truyền đạt cũng như giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân, như vậy mới có thể xem là một hoạt động truyền thông thành công. Tỷ lệ đánh giá "không tốt" tuy rất ít – 10,6% (tương đương với 5/47 người) nhưng cũng cho thấy việc cán bộ chính sách không cung cấp đầy đủ thông tin với tần suất không thường xuyên và không nhiệt tình giải thích cho đối tượng là vẫn tồn tại, nếu không quán triệt và xử lý triệt để sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng, đối tượng sẽ cảm thấy mình không được chính quyền quan tâm, cảm thấy không có nguồn lực nào để hỗ trợ họ thoát nghèo, dẫn đến mất niềm tin vào chính quyền và cuộc sống. Dù các mức đánh giá về vai trò kết nối thông tin của cán bộ chính sách vẫn có những đánh giá chưa được tốt, nhưng nhìn chung các cán bộ chính sách cũng đã cố gắng hoàn thành vai trò của mình để đem đến cho đối tượng người nghèo những nguồn thông tin hữu ích trong giảm nghèo.

2.2.1.2. Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo

Không chỉ kết nối người nghèo với thông tin về chính sách giảm nghèo, cán bộ chính sách còn kết nối người nghèo với các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, đây là hoạt động giảm nghèo mang tính bền vững bởi nó đem lại cho người nghèo không chỉ các kiến thức, kỹ năng về một nghề nhất định mà còn đem lại cho họ cơ hội được làm việc.

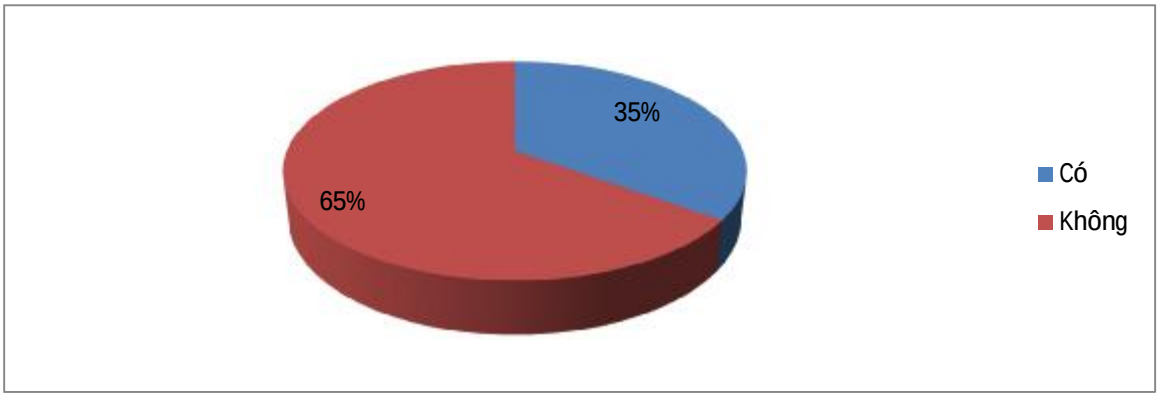

Biểu đồ 2.4: Số lượng người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

Biểu đồ cho thấy số người được hỗ trợ về đào tạo nghề và kết nối việc làm chỉ chiếm 35% (tương đương 21/60 người) còn số người không được hỗ trợ về hoạt động này chiếm 65% (tương đương 39/60 người), vậy số người trả lời "không" gần gấp đôi số người trả lời "có". Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc họ không nhận được hỗ trợ như sức khỏe yếu không đủ đáp được việc học nghề, gia đình không có khả năng để chi trả một phần học phí, không có nhu cầu học nghề, cán bộ phường không giới thiệu và nguyên nhân được đưa ra nhiều nhất là gia đình không có người trong độ tuổi lao động.

Chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường Y chia sẻ: *"Người nghèo thiếu nhất chính là cơ hội được tiếp cận với các nguồn lực có thể hỗ trợ họ.*

Chính vì thế khi cán bộ chính sách giới thiệu về các chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm giúp họ lại gần hơn với các trung tâm dạy nghề, các chính sách miễn giảm học phí, những ưu tiên trong học nghề. Bên cạnh đó chúng tôi còn giúp họ kết nối với các doanh nghiệp, cơ sở cần lao động để họ có được cơ hội việc làm phù hợp, cũng chính là khiến họ gần hơn với cơ hội để thoát nghèo. Tuy nhiên không phải gia đình nào cũng đủ điều kiện để được xét duyệt đi học nghề, bởi đa phần hộ nghèo trên địa bàn phường không có người trong độ tuổi lao động, nếu có thì cũng là những người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (khuyết tật) hoặc sức khỏe rất yếu chỉ có thể làm những việc nhẹ để kiếm sống như bán rau, bán nước hay đi nhặt ve chai."

Qua những số liệu thu thập được từ phiếu hỏi, cũng như qua lời chia sẻ của cán bộ chính sách phường, ta thấy vai trò kết nối có được thực hiện trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn do thành phần hộ gia đình thường không có người trong độ tuổi lao động mà lại đủ điều kiện để tham gia học nghề. Bên cạnh đó cũng phải kể đến nguyên nhân được người nghèo phản ánh trong phiếu hỏi là do cán bộ chính sách không giới thiệu họ với các chương trình đó, vậy vẫn có những cán bộ chính sách chưa thực hiện được vai trò là cầu nối giữa người nghèo và các trung tâm, cơ sở hỗ trợ học nghề, kết nối việc làm.

Trong số 21 người trả lời được hỗ trợ học nghề và kết nối việc làm thì ngành nghề chủ yếu mà họ được hỗ trợ là ngành kỹ thuật, cơ khí (sửa chữa xe máy, ô tô…) đối với nam và các nghề như lao công, dọn nhà theo giờ hay trông trẻ... đối với nữ, những người được học nghề nấu ăn là rất ít. Những ngành nghề mà người nghèo được đào tạo và kết nối việc làm tuy không phải những nghề quá cao siêu hay hấp dẫn, nhưng đó lại là những ngành nghề phù hợp và dễ kiếm tiền nhất đối với khả năng của họ, đó cũng là những việc làm có thể nhận lương theo giờ, theo ngày, không nhất thiết phải chờ đến cuối

tháng lĩnh nên cũng thuận lợi hơn để họ có thể chi trả những sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Điều này cho thấy "kết nối phù hợp" là nhân tố quan trọng tác động tới thành công của việc vận dụng vai trò kết nối.

Để đánh giá về hiệu quả của hoạt động này, tác giả cũng đưa ra ba mức đánh giá: "rất tốt", "bình thường" và "không tốt", kết quả thu được khá tốt với tỷ lệ lần lượt là 61,9% (tương đương 13/21 người), 38,1% (tương đương 8/21 người) và 0%. Nhìn vào kết quả có thể thấy đa số những người được kết nối với chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm đều đánh giá tốt về chương trình, họ đã được học nghề một cách bài bản và được giới thiệu những công việc phù hợp với mức lương ổn định, đây là một thành công lớn trong việc thực hiện vai trò kết nối đào tạo nghề và kết nối việc làm của cán bộ chính sách. Tuy nhiên, vẫn có những ý kiến đánh giá rằng họ có được đào tạo nghề bài bản nhưng lại chưa được kết nối việc làm hoặc việc làm được giới thiệu không phù hợp với họ. Để giúp được một người là đối tượng nghèo đồng ý đến với các chương trình về nghề và việc làm là một điều rất khó khăn, quá trình đó bao gồm sự đánh giá của cán bộ về khả năng của đối tượng, đánh giá năng lực và khơi gợi chúng, giúp đối tượng tự tin bước ra xã hội, tham gia đầy đủ các buổi học nghề và tiếp thu được kiến thức, vì thế mà khi đối tượng đã hoàn thành chương trình học nghề mà người cán bộ chính sách bỏ lửng không kết nối được việc làm cho họ hoặc kết nối việc làm không phù hợp thì thật sự đã bỏ phí công sức tạo dựng được ở những công đoạn khó khăn nhất. Với mức đánh giá 0% tức là không ai lựa chọn mức độ đánh giá "không tốt" đã chứng tỏ chương trình đào tạo nghề mà các cán bộ chính sách kết nối cho đối tượng là rất tốt, đảm bảo về chất lượng về kiến thức cũng như kỹ năng để thực hành nghề.

Khi được hỏi về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia đào tạo nghề và kết nối việc làm, kết quả thu được các tỷ lệ không quá chênh

lệch nhau cho thấy vẫn còn nhiều những khó khăn mà người nghèo phải vượt qua ngay cả khi đã tiếp cận được với chương trình này và ở đó cần sự thể hiện của vai trò vận động nguồn lực, tác giả sẽ phân tích chi tiết hơn trong mục 2.2.2 về thực trạng vai trò vận động nguồn lực trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo.

Để đánh giá chất lượng thực hiện vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm tác giả cũng đã đưa ra ba mức đánh giá và thu được kết quả như sau:

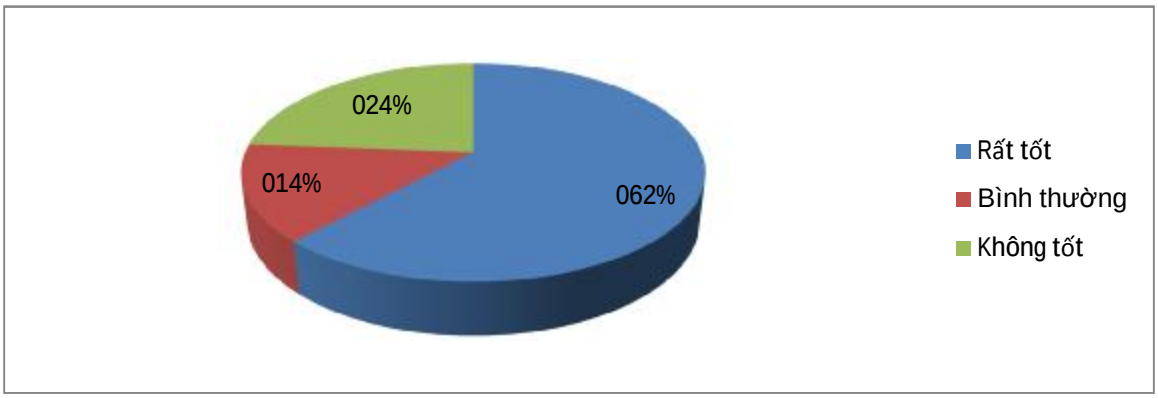

Biểu đồ 2.5: Đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

Có 61,9% (tương đương 13/21 người) đánh giá "rất tốt" vai trò của cán bộ chính sách, mà ở đây vai trò đó là vai trò kết nối, tỷ lệ này cũng tương đương với số người đánh giá "rất tốt" về hiệu quả hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm ở phần trên, cho thấy họ đều nhận thấy rằng vai trò kết nối đã góp phần quan trọng trong quá trình học nghề và làm việc của họ, họ được cán bộ chính sách nhiệt tình giới thiệu với trung tâm đào tạo nghề làm và còn được cán bộ chính sách vận động nguồn tài trợ cho họ được đi học và được làm việc, điều này không chỉ thể hiện vai trò kết nối mà còn có cả vai trò vận động nguồn lực – sẽ được phân tích chi tiết ở phần sau của luận văn.

Với tỷ lệ 14.3% (tương đương 3/21 người) cho thấy vẫn còn những người chỉ được hỗ trợ ở mức giới thiệu học nghề, nhưng đến giai đoạn tìm việc họ lại bị bỏ mặc, phải tự tìm kiếm cơ hội việc làm là điều vô cùng khó khăn đối với người nghèo, đây là thiếu sót lớn trong việc thực hiện vai trò kết nối của một người cán bộ xã hội.

Vẫn còn 23,8% (tương đương 5/21 người) đánh giá cán bộ chính sách thực hiện "không tốt" vai trò trong hoạt động này, mặc dù họ được giới thiệu đầy đủ về chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm nhưng lại không được giúp đỡ để tiếp cận các hoạt động đó, số lượng này tuy ít nhưng phản ánh thực tế vẫn có một số cán bộ chính sách thực hiện chưa tốt vai trò làm cầu nối của mình. Việc cung cấp thông tin về hoạt động dù có đầy đủ nhưng lại không giúp được người nghèo tham gia vào hoạt động khi họ có nhu cầu là một trong những thất bại trong việc thực hiện vai trò kết nối cũng như trong thực hiện chính sách giảm nghèo.

Qua đánh giá trên chúng ta thấy vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm tại quận Đống Đa đã được thực hiện, nhưng chưa thực sự hiệu quả bởi nhiều nguyên nhân, trong đó độ tuổi lao động của thành viên trong hộ nghèo chiếm phần quan trọng, bên cạnh đó thái độ thực hiện vai trò của một số cán bộ chính sách còn hời hợt, thiếu trách nhiệm.

2.2.1.3. Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ tài chính cho người nghèo

Bên cạnh việc kết nối thông tin, kết nối đào tạo nghề và kết nối việc làm, cán bộ chính sách còn kết nối người nghèo với các chính sách hỗ trợ về tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ tài chính vi mô), kết quả khảo sát cho thấy có 24/60 người (40%) được hỗ trợ về tài chính, còn lại 36/60 người (60%) không được hỗ trợ về tài chính với các lý do đưa ra là: không được biết đến chính sách, không có nhu cầu hay cảm thấy không có

khả năng trả khoản vay… vai trò quan trọng trong hoạt động này là vận động nguồn lực sẽ được phân tích trong phần tiếp theo của luận văn.

Tóm lại, vai trò kết nối của công tác xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa đã được thực hiện, ở mỗi một hoạt động nó lại đem lại những kết quả khác nhau. Trong hoạt động truyền thông, vai trò kết nối đã giúp các cán bộ chính sách phường tạo được những thành công lớn, đưa thông tin về các chính sách giảm nghèo đến với đối tượng để họ biết được những nguồn lực có thể giúp họ học tập, làm việc, cải thiện mức sống. Không chỉ truyền tải những thông tin từ chính quyền, xã hội tới người nghèo, cán bộ chính sách còn giúp phản hồi những ý kiến đóng góp, thắc mắc của đối tượng về các chính sách giảm nghèo tới chính quyền để có những thay đổi linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế. Trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, vai trò kết nối cũng được thực hiện nhưng gặp nhiều khó khăn trở ngại hơn, bởi còn tùy thuộc vào điều kiện nhân lực của hộ nghèo có đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo không, khả năng tiếp thu kiến thức, khả năng đáp ứng công việc và còn có cả những khó khăn về nguồn lực hỗ trợ. Cũng tương tự như vậy, trong hoạt động thực hiện các chính sách giảm nghèo liên quan đến tài chính, dù cán bộ chính sách có thể thực hiện được vai trò kết nối nhưng hoạt động đó có hiệu quả hay không còn tùy thuộc vào nguồn tài chính vận động được. Dù hiệu quả thực hiện vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo khác nhau nhưng nhìn chung đã có những thành tựu nhất định, đem lại lợi ích cho người nghèo, bên cạnh đó cán bộ chính sách phường cũng cần phải khắc phục những nhược điểm, hạn chế còn tồn tại để vai trò kết nối được thực hiện toàn diện và chất lượng hơn.

2.2.2. Thực trạng vai trò vận động nguồn lực trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Vận động nguồn lực là vai trò quan trọng trong thực hiện chính sách giảm nghèo, nó bao gồm vận động nguồn nội lực và ngoại lực, trong đó nguồn nội lực bao gồm nguồn lực nội tại tại địa phương và nguồn lực của chính bản thân đối tượng. Người nghèo khó có thể thoát nghèo nếu không có nguồn lực nào trợ giúp, nếu không nhận ra khả năng của chính bản thân mình để phát huy, chính vì vậy cần có những người thực hiện vai trò vận động đó để kết nối người nghèo với những nguồn lực vững chắc sẽ trợ giúp cho họ bộc lộ khả năng của bản thân, vươn lên thoát nghèo.

2.2.2.1. Vai trò vận động nguồn lực trong hoạt động tuyên truyền về chính sách giảm nghèo

Cũng giống như vai trò kết nối, vai trò vận động nguồn lực có mặt ở hầu hết các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo. Trong hoạt động truyền thông cán bộ chính sách bên cạnh việc kết nối người nghèo với thông tin còn thể hiện vai trò vận động nguồn nhân lực của mình, cụ thể là huy động các ông bà tổ trưởng tổ dân phố, các ban ngành đoàn thể tại khu dân cư cùng tạo thành một mạng lưới thông tin để truyền tải nhanh nhất, cụ thể và gần gũi nhất đến với đối tượng. Có được sự giúp sức của nguồn nhân lực này, cán bộ chính sách không còn lẻ loi trong công tác truyền thông đến người nghèo mà có cả một đội ngũ những người gần dân nhất để cùng chia sẻ thông tin tới đối tượng, giúp họ tin tưởng hơn vào chính sách của nhà nước cũng như thu nhận những phán ánh của đối tượng tới chính quyền địa phương, thu hẹp khoảng cách giữa người nghèo, cộng đồng và chính quyền.

Chị C.T.H.Y – cán bộ chính sách phường C chia sẻ: *"Có những người nghèo rất tự ti về bản thân, sống không giao tiếp với mọi người xung quanh*

và cũng không bao giờ hỏi han về các chính sách ưu đãi để hỗ trợ giảm nghèo, vậy thì làm sao họ thoát nghèo được? Vậy nên tôi đã phải nhờ tới sự giúp đỡ của các ông bà tổ trưởng, các ông bà hoạt động trong các ban ngành đoàn thể tại cụm dân cư, các ông bà vừa là người có kinh nghiệm làm việc, vừa gần gũi với đối tượng, được họ tin tưởng, nên sẽ dễ đả thông tư tưởng hơn. Có lúc tôi cùng các ông bà đã phải đến tận nhà đối tượng, trao đổi về những chính sách hỗ trợ giảm nghèo, hay động viên họ tham gia các buổi truyền thông về chăm sóc sức khỏe để họ vừa sống gần gũi hơn với mọi người xung quanh, vừa có thêm kiến thức hữu ích cho cuộc sống của họ"

Qua chia sẻ trên, chúng ta thấy không chỉ chú trọng vào việc cung cấp thông tin hay củng cố mạng lưới truyền thông, cán bộ chính sách đồng thời cũng vận động những người không quan tâm đến các thông tin về chính sách giảm nghèo, hay những người sống mặc cảm, khép mình, cho rằng mình "ít học" mà ngại không muốn nghe những thông tin đó, nghe sẽ không hiểu…, vận động họ bỏ qua mặc cảm, bớt chút thời gian lắng nghe những thông tin hữu ích đó, trước tiên là để họ biết và hiểu về thông tin những chính sách giảm nghèo, tiếp theo là để họ đến gần hơn với cộng đồng và chính quyền thông qua những lợi ích của hoạt động truyền thông.

Vai trò vận động nguồn lực trong truyền thông ít nhiều cũng đã góp phần giúp cho những thông tin về chính sách giảm nghèo đến được với người nghèo bằng cách tạo dựng một đội ngũ truyền thông đáng tin cậy, giúp họ gạt bỏ những mặc cảm, sống cởi mở và đón nhận những thông tin hữu ích cho cuộc sống của họ.

2.2.2.2. Vai trò vận động nguồn lực trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo

Như đã đề cập và phân tích các kết quả khảo sát về hiệu quả hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm ở mục 2.2.1.2, có thể thấy hoạt động này được người nghèo đánh giá rất tốt, dù số người được hỗ trợ còn ít nhưng lại có chất lượng tốt, góp phần lớn cho thành quả đó là vai trò vận động nguồn lực.

Trả lời phỏng vấn chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường Y cho biết: *"Vai trò vận động nguồn lực đem lại hiệu quả rất lớn trong việc thực hiện công tác giảm nghèo, các nguồn lực như một chỗ dựa vững chắc cho người nghèo bởi không chỉ cung cấp nguồn lực về tài chính mà chúng tôi còn cung cấp nguồn lực tạo việc làm lâu dài ổn định cho đối tượng, đó mới chính là nguồn lực bền vững giúp người nghèo có thể thoát nghèo và tránh tái nghèo"*

Quả thực vậy, để kết thúc sự nghèo túng chỉ có một giải pháp bền vững là có một công việc ổn định. Trước tiên để bắt đầu một sự trợ giúp, cán bộ chính sách phải xác định được khả năng của đối tượng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu cùng với đó là lắng nghe nguyện vọng của họ để biết họ đang có nhu cầu gì và phù hợp theo học ngành nghề gì. Khi đã xác định được ngành nghề phù hợp, các cán bộ chính sách động viên đối tượng tin tưởng vào bản thân, thôi thúc ý chí của họ cần phải học nghề, có công việc ổn định mới thoát được cái nghèo. Trong quá trình học nghề sẽ có lúc họ cảm thấy chán nản muốn bỏ cuộc vì nhiều lý do, vậy nên người cán bộ phải luôn sát cánh, vận động mở rộng tư tưởng, biện hộ cho chính khả năng của họ, giúp họ nhận ra rằng mình có khả năng và không nên để phí điều đó.

Song song với việc vận động bản thân người nghèo tham gia vào học nghề, cán bộ chính sách cũng tìm kiếm các trung tâm dạy nghề uy tín, vận

động sự trợ giúp của họ, có thể là xin hỗ trợ một phần học phí hoặc với những trường nội trú thì có thể xin miễn chi phí ăn, ở. Sau khi đối tượng đã hoàn thành xong khóa học thì việc kết nối việc làm là mục tiêu cuối cùng để quá trình hỗ trợ đạt được thành công. Tùy vào khả năng của bản thân đối tượng mà tìm kiếm những công việc phù hợp nhưng vẫn phải bảo đảm thu nhập ổn định, đây là điều không hề dễ trong thời buổi kinh tế thị trường cạnh tranh như hiện nay. Cán bộ chính sách có thể vận động sự giúp sức của các doanh nghiệp trên địa bàn, bằng cách thuyết phục họ nhận người nghèo vào làm việc tại doanh nghiệp hay giới thiệu họ với các cơ sở cần tuyển nhân lực phù hợp mà doanh nghiệp là đối tác làm ăn.

Kết quả khảo sát về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia vào chương trình hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm sẽ cho thấy một phần chất lượng của vai trò vận động nguồn lực mà cán bộ chính sách thực hiện:

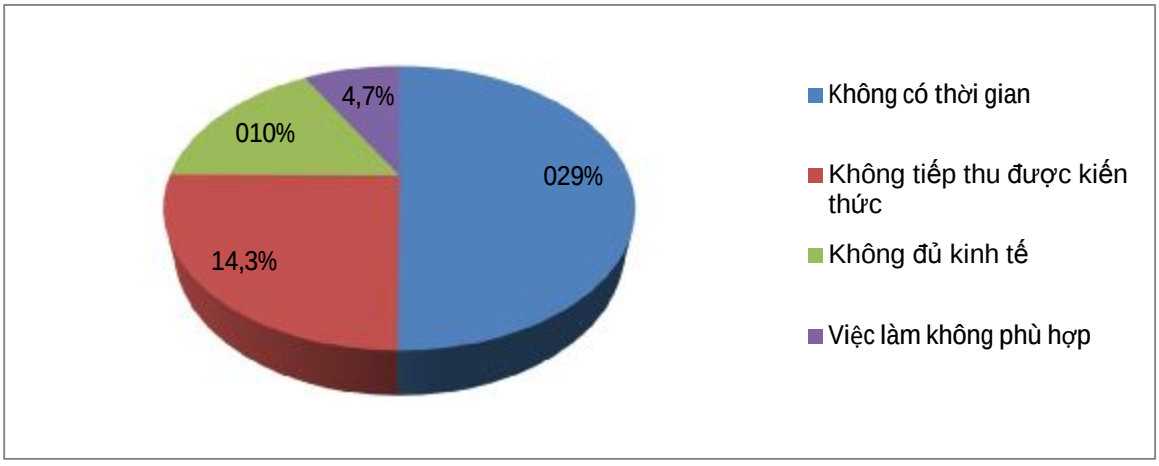

Biểu đồ 2.6: Những khó khăn, vướng mắc của người nghèo trong quá trình học nghề và kết nối việc làm

Nhìn vào biểu đồ ta thấy khó khăn mà người nghèo lựa chọn nhiều nhất là “Không có thời gian” đi học đầy đủ các buổi vì còn phải kiếm tiền mưu sinh. Nếu người đi học đang là lao động chính trong nhà thì đúng là việc học

nghề đang không thuận lợi cho cuộc sống của những người còn lại trong gia đình, họ đi học vậy ai là người kiếm tiền. Vẫn còn người cảm thấy không yên tâm học nghề vì không có ai lo kinh tế trong gia đình cho thấy cán bộ chính sách chưa thực hiện được toàn diện vai trò vận động nguồn lực. Ở đây cán bộ chính sách một mặt vận động đối tượng tiếp tục việc học nghề, một mặt hỗ trợ gia đình ổn định cuộc sống trong thời gian học nghề của lao động chính bằng cách vận động sự trợ giúp của cộng đồng, chính quyền hay các doanh nghiệp về tài chính, có thể là một khoản tiền đủ để gia đình sinh hoạt, giúp người học nghề yên tâm hoàn thành nốt chương trình. Mặc dù điều này là rất khó nhưng nếu thực hiện được thì quá trình học tập của đối tượng mới không bị gián đoạn, việc đảm bảo cuộc sống cho những thành viên còn lại trong quá trình học nghề của lao động chính cũng giúp họ và gia đình thêm tin tưởng vào những chính sách hỗ trợ giảm nghèo của chính quyền hơn.

Khó khăn "không tiếp thu được kiến thức" của chương trình đào tạo là lý do chủ quan của bản thân đối tượng, ngoài sự động viên tinh thần đối tượng, cán bộ chính sách cũng có thể vận động sự giúp của những người trong địa bàn có chuyên môn về nghề để giảng dạy thêm cho đối tượng, đồng thời liên hệ với giáo viên giảng dạy để có những bài giảng cặn kẽ, phù hợp hơn.

"Không đủ kinh tế" để theo học chương trình đào tạo là một trong những khó khăn người nghèo gặp phải khi theo học nghề cho thấy cán bộ chính sách chưa làm tốt được sự vận động nguồn lực tài chính để hỗ trợ cho đối tượng học nghề. Điều này cũng được chị N.H.O – cán bộ chính sách phường P chia sẻ: *"Thuyết phục được trung tâm dạy nghề hỗ trợ cho một phần chi phí đã là rất khó, chứ chưa nói đến việc xin hỗ trợ toàn bộ chi phí học nghề. Tuy nhiên do số lượng người nghèo cần học nghề của phường tôi rất ít nên trong năm nay tôi sẽ xin ý kiến lãnh đạo và phòng Lao động TBXH*

kết nối cho họ được học ở trường nghề của quận, có thể là đối tượng nghèo của quận thì sẽ được miễn học phí”.

Một khó khăn khác được lựa chọn là “việc làm không phù hợp”, để khắc phục tình trạng này cán bộ chính sách cần tìm hiểu xem việc làm đó chưa phù hợp với đối tượng ở điểm nào, nếu có thể khắc phục được cần động viên đối tượng cố gắng hơn, đồng thời trao đổi với người sử dụng lao động tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đối tượng bớt căng thẳng và rút kinh nghiệm dần trong quá trình làm việc. Dù tỷ lệ khó khăn này là rất ít 4,7% (tương đương 1/21 người) nhưng cũng cho thấy cán bộ chính sách cần lưu ý hơn trong vận động nguồn lực việc làm để đối tượng có được công việc phù hợp. Còn lại, có 9/21 người trả lời không gặp khó khăn gì bởi họ đều được kết nối các việc làm không cần qua đào tạo mà thu nhập cũng rất ổn định như: lao công, lau dọn nhà theo giờ, trông trẻ, các công việc này đều do trung tâm giới thiệu việc làm quản lý chứ không phải liên hệ không có nguồn gốc.

Vai trò vận động nguồn lực trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm đã được các cán bộ chính sách thực hiện nhưng chưa được hiểu quả, bởi vẫn còn nhiều người chưa tiếp cận được với hoạt động này hoặc đã tham gia nhưng chưa tìm kiếm được một công việc phù hợp. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những thành công mà nó đem lại, nhờ thực hiện vai trò này mà cán bộ chính sách đã vận động người nghèo học nghề, kết nối được việc làm cho một số lượng nhất định.

2.2.2.3. Vai trò vận động nguồn lực trong hoạt động hỗ trợ tài chính cho người nghèo

Trong hoạt động hỗ trợ về tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ tài chính vi mô) vai trò vận động nguồn lực được thể hiện rất rõ nét . Có 24/60 người (tương đương 40%) nhận được hỗ trợ về tài chính và

số còn lại là 36/60 người (tương đương 60%) không nhận được hỗ trợ với các lý do được người nghèo đưa ra là: không dám vay vốn vì sợ không trả được, muốn được tặng sổ tiết kiệm nhưng chưa đến lượt vì phường đông hộ nghèo quá hay cũng có những người cho rằng tuy họ nghèo nhưng không muốn phụ thuộc vào tiền của người khác mà cứ chăm chỉ làm ăn rồi sẽ có.

Trong số 24 người nhận được hỗ trợ về tài chính, có 18 người được nhận dưới hình thức tặng sổ tiết kiệm (tương đương 75%), 6 người nhận hỗ trợ qua hình thức vay vốn (tương đương 25%) và không có ai nhận qua hình thức hỗ trợ tài chính vi mô. Có thể thấy phần lớn đối tượng đều được hỗ trợ tài chính thông qua việc tặng sổ tiết kiệm, đây là một hình thức nhận hỗ trợ khá bị động, việc xét duyệt được tặng sổ là do phường quyết định, với các tiêu chí xét từ những hộ khó khăn nhất, có người khuyết tật hay ốm đau nằm liệt giường cho đến các hộ có hoàn cảnh theo nấc thang xét duyệt đi lên, thường sổ tiết kiệm sẽ được trao tặng vào dịp Tết và ngày vì người nghèo 17/10 hàng năm. Số hộ vay vốn còn ít cho thấy người dân khá dè dặt trong hỗ trợ này, có thể họ lo sợ làm ăn không sinh lời sẽ không trả được khoản vay, hoặc ngại vay khi thủ tục rườm rà. Hình thức hỗ trợ tài chính vi mô được đánh giá là một chính sách giảm nghèo mới, hiệu quả nhưng lại chưa được áp dụng trong công tác giảm nghèo tại quận Đống Đa, đây là một điều đáng tiếc và cũng thể hiện cán bộ chính sách chưa vận động được chính quyền đưa chính sách này vào thực hiện trong giảm nghèo.

Dưới đây là biểu đồ đánh giá về hiêu quả của các hoạt động hỗ trợ tài chính của người nghèo:

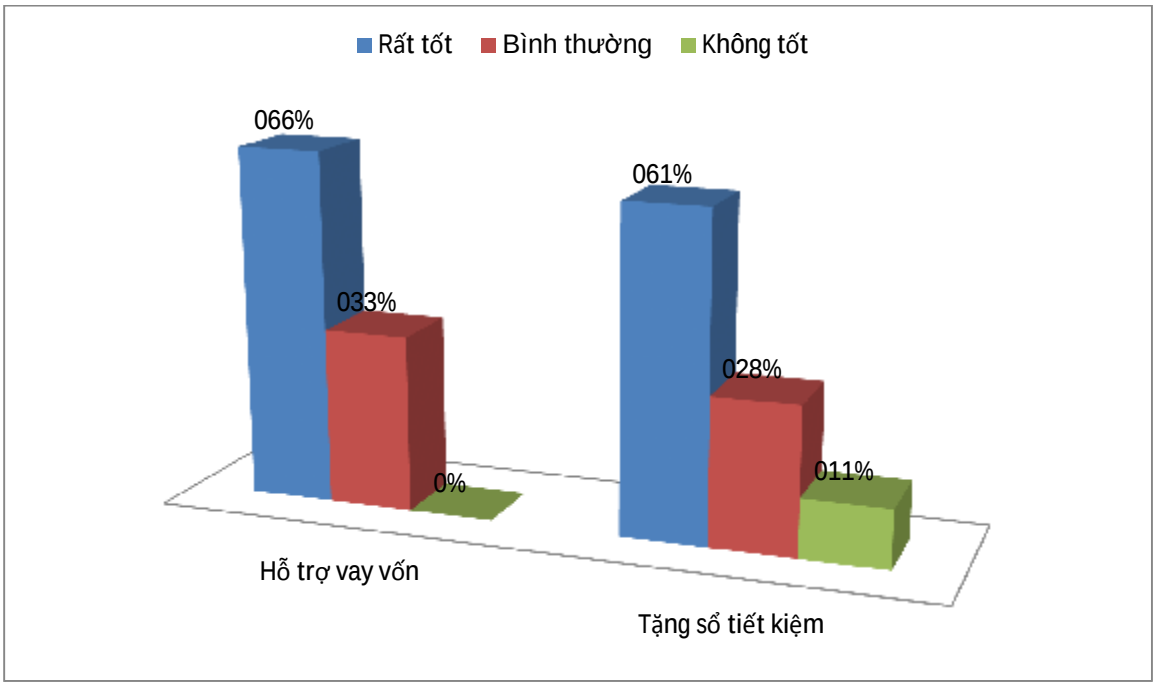

Biểu đồ 2.7: Đánh giá của người nghèo về hiệu quả hoạt động hỗ trợ tài chính

Nhìn chung hoạt động hỗ trợ tài chính được đánh giá rất tốt với các tỷ lệ vượt trội thể hiện rất rõ trong biểu đồ, tiếp theo là mức độ đánh giá bình thường nhưng không quá nhiều, và chỉ có 11,1% người được tặng sổ tiết kiệm đánh giá "không tốt". Để hiểu rõ hơn về hoạt động này, hãy cùng nghe chia sẻ của chị N.T.N – cán bộ chính sách phường B: *"Hàng năm phường thường tặng sổ tiết kiệm cho hộ nghèo vào dịp Tết hoặc nhân ngày vì người nghèo 17/10, do điều kiện của phường không có nhiều nên mỗi sổ tiết kiệm phường tặng 1.000.000đ, mức này có thể cao hơn nếu là những phường có điều kiện về kinh tế. Để có được nguồn hỗ trợ đó, chúng tôi phải lên kế hoạch và thực hiện thu quỹ từ đầu năm, vận động sự ủng hộ của nhân dân, các mạnh thường quân và doanh nghiệp trên địa bàn, số tiền tuy không quá lớn nhưng cũng là thành quả công sức của cán bộ phường và các ông bà tổ trưởng, thể hiện sự đoàn kết của nhân dân trong phường cũng như lòng hảo tâm của các mạnh thường quân và các doanh nghiệp. Riêng về chính sách vay vốn, ở phường tôi chỉ có 3 trường hợp xin vay vốn với số tiền vay là 10.000.000đ/trường hợp.*

Để họ có thể vay vốn, tôi đã phải trao đổi với các ban ngành đoàn thể, vận động nguồn quỹ của hội phụ nữ và hội cựu chiến binh phường, bên cạnh đó cũng đứng ra thuyết phục các ban ngành tin tưởng vào khả năng của đối tượng có thể trả được khoản vay. Người nghèo thường lo sợ không trả được khoản vay nên cũng ngần ngại không dám đặt vấn đề với phường".

Chia sẻ này cho thấy cán bộ chính sách đã vận động được nguồn tài chính từ cộng đồng, mạnh thường quân và doanh nghiệp trên địa bàn, hơn nữa còn thể hiện vai trò biện hộ khi đứng ra tạo sự tin tưởng cho đối tượng được vay vốn.

Đề cập đến những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong việc nhận hỗ trợ tài chính, người nghèo đã lựa chọn các nội dung sau: "Số tiền hỗ trợ còn ít"–50%, "thủ tục nhận hỗ trợ rườm rà" - 16,7%, "lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay" - 20,8%, "không biết sử dụng nguồn vốn hiệu quả để sinh lời" - 12,5%. Ở đây có hai khó khăn liên quan trực tiếp tới vai trò vận động nguồn lực của cán bộ chính sách đó là "Số tiền hỗ trợ còn ít" – 50% và "lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay" - 20,8%. Nếu được hỗ trợ cho vay vốn hay tăng sổ tiết kiệm mà số tiền quá ít, không đủ để thực hiện công việc dự định của đối tượng thì rất có thể họ sẽ bỏ phí số tiền đó hay sử dụng lãng phí, sai mục đích. Khó khăn này lỗi không xuất phát từ cán bộ chính sách, họ đã làm hết sức để vận động được nguồn tài chính đó, việc vận động gây quỹ rất khó khăn, nhưng nếu cán bộ chính sách cùng các ban ngành đoàn thể vận động được nguồn quỹ nhiều hơn thì sẽ hỗ trợ được nhiều hơn cho đối tượng. Cán bộ chính sách phải làm công tác tư tưởng hay nói cách khác là vận động đối tượng tin tưởng vào chính bản thân mình từ khi bắt đầu xác định vay vốn làm ăn, vậy mà vẫn còn nỗi lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay cho thấy việc vận động niềm tin của đối tượng vào chính bản thân họ chưa được thành công.

Khi được hỏi về khó khăn trong việc vận dụng vai trò vận động nguồn lực vào các hoạt động giảm nghèo, chị C.T.H.Y – cán bộ chính sách phường C chia sẻ: *"Số lượng hộ nghèo của phường tôi là đông nhất trong toàn quận, địa bàn dân cư chủ yếu cũng là những người buôn bán ở chợ, lao động vất vả nên quỹ ủng hộ người nghèo cũng không thu được nhiều mà lại phải san sẻ cho quá đông đối tượng, dẫn đến tình trạng có những hộ chờ đến mấy năm cũng chưa đến lượt được tặng sổ tiết kiệm vì điều kiện khá hơn các hộ khác, cũng có trường hợp được tặng sổ tiết kiệm nhưng số tiền quá ít chỉ 500.000đ/sổ tiết kiệm nên họ không làm được việc gì lớn như làm vốn buôn bán mà chỉ có thể chia nhỏ ra chi tiêu dè trong xẻn trong tuần là hết. Đối với những phường có ít hộ nghèo thêm vào đó mức ủng hộ lại cao nên những phường đó sẽ hỗ trợ đối tượng ở mức cao hơn. Tôi cũng đã cố hết sức để huy động được nhiều hơn nguồn tài chính hỗ trợ, nhưng quả thực với số đối tượng quá đông không biết bao nhiêu là đủ".* Không chỉ có đối tượng gặp khó khăn trong việc nhận được hỗ trợ, mà người thực hiện chính sách, vận động đem đến hỗ trợ đó cho đối tượng cũng rất khó khăn, mỗi phường có những đặc điểm dân cư riêng biệt nên các mức hỗ trợ là khác nhau, vì vậy rất cần sự cảm thông của đối tượng là người nghèo và của cộng đồng với các cán bộ chính sách bởi dù số tiền nhận được có ít nhưng đó cũng là sự nỗ lực tận tâm của họ để góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Đánh giá về vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ tài chính này đem về kết quả khá tốt:

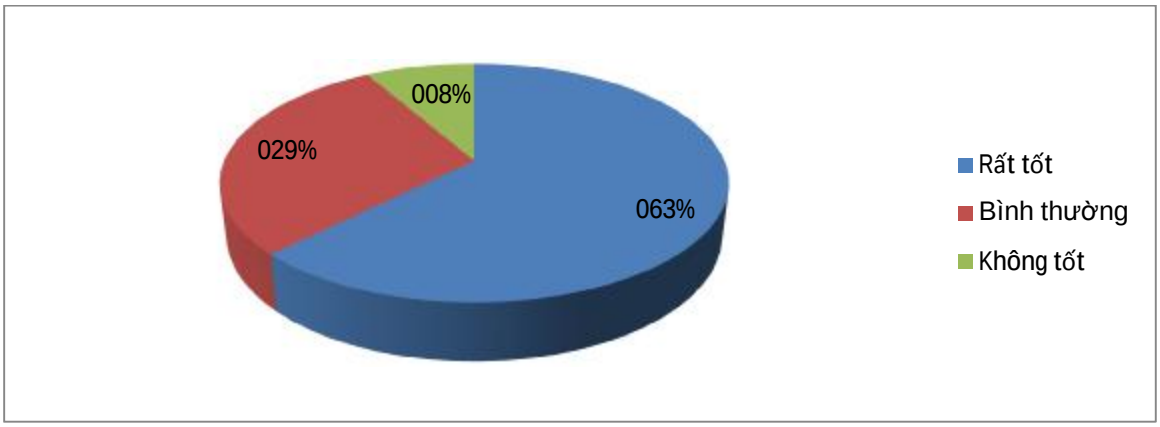

Biểu đồ 2.8: Đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính

Cán bộ chính sách được đánh giá tốt trong hoạt động này với tỷ lệ 62,5% cho mức độ "rất tốt", cán bộ chính sách đã rất nhiệt tình động viên người nghèo, giúp họ tự tin tham gia vay vốn, giúp đối tượng hoàn thành thủ tục vay vốn, bên cạnh đó còn giúp họ có thêm những kiến thức về quản lý tài chính để họ sử dụng nguồn vốn hiệu quả. Mức độ "bình thường" – 29,2% được đánh giá với những trường hợp cán bộ chính sách chỉ cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ, nhưng đối tượng lại gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện thủ tục để xin hỗ trợ mà không được trợ giúp. Mức độ "không tốt" tuy chiếm tỷ lệ ít nhất nhưng lại cần khắc phục ngay, cán bộ chính sách mà tỏ ra hời hợt khi dân thắc mắc về chương trình hỗ trợ, không giải đáp thắc mắc mà hơn nữa lại không tạo điều kiện cho dân hoàn thành thủ tục là biểu hiện quan liêu, không có trách nhiệm trong công việc, xa rời dân chúng. Những đánh giá trên đã cho thấy vai trò vận động nguồn lực được thực hiện tốt nhất trong hoạt động hỗ trợ về tài chính, vừa vận động người nghèo tin tưởng vào khả năng của chính bản thân họ, vừa vận động được cộng đồng, xã hội tin tưởng và đóng góp tài chính ủng hộ cho họ có điều kiện được sống tốt hơn bằng chính tài năng và sức lực của mình.

Tựu chung lại, vai trò vận động nguồn lực được thực hiện trong cả ba hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa, nhưng hiệu

quả là khác nhau. Nổi bật nhất vẫn là vận động nguồn lực về tài chính, với mức độ đánh giá rất tốt của những người nhận được hỗ trợ cả về sự nhiệt tình vận động cho đến sự chu đáo trong việc giúp họ giải đáp thắc mắc và hoàn thành thủ tục để nhận hỗ trợ. Vận động nguồn lực trong hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm tuy có được thực hiện và cũng đóng vai trò quan trọng nhưng lại chưa đem lại thành công lớn do đặc điểm nguồn nhân lực của hộ nghèo không thuận lợi. Vận động nguồn nhân lực trong công tác tuyên truyền tuy không nổi bật như vai trò kết nối nhưng lại tạo nên mạng lưới truyền thông dày đặc và uy tín.

2.2.3. Thực trạng vai trò biện hộ trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Biện hộ là một khái niệm mang tính học thuật, là một khái niệm không phổ biến và khó tiếp cận với nhóm đối tượng nghèo. Vì vậy, để đánh giá thực trạng hiệu quả của vai trò biện hộ trong công tác xã hội với giảm nghèo, tác giả chủ yếu dựa vào kết quả phỏng vấn sâu từ cán bộ chính sách - những người đã được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ liên quan và đang thực hiện các nhiệm vụ với vai trò biện hộ.

Qua khảo sát 13 cán bộ chính sách cấp phường, 100% các cán bộ có biết được biết đến khái niệm biện hộ - vai trò của biện hộ trong công tác giảm nghèo thông qua quá trình đào tạo tại trường đại học hay các tập huấn nâng cao nghiệp vụ của Thành phố tổ chức. Trong đó có 5 cán bộ chính sách đã vận dụng thành công vai trò này và đem lại hiệu quả tích cực. Dưới đây là chia sẻ của chị N.H.O – cán bộ chính sách phường P, chị đã vận dụng thành công vai trò biện hộ của công tác xã hội vào việc kết nối việc làm cho đối tượng: *“Phải công nhận một điều rằng vận dụng được vai trò biện hộ vào công tác giảm nghèo đem lại lợi ích rất lớn cho đối tượng, vừa ổn định được*

cuộc sống của riêng họ, lại vừa giúp cộng đồng xích lại gần nhau hơn. Ví dụ như trong kết nối việc làm, phường tôi có đối tượng người nghèo đã 54 tuổi, bị tâm thần nhẹ nhưng đổi lại sức khỏe rất tốt, kinh tế trong nhà hoàn toàn phụ thuộc vào người vợ đi làm lao công. Do đứa con gái duy nhất đang trong độ tuổi đi học tốn kém nên một mình vợ anh ta không cam nổi các chi phí sinh hoạt cộng thêm tiền chữa bệnh của chồng. Tôi đã liên hệ với một doanh nghiệp trên địa bàn đang cần tuyển lao động có sức khỏe để làm việc trong nhà kho, sau khi tìm hiểu, thấy tính chất công việc không gây căng thẳng đầu óc (không gây nguy hiểm đến chứng bệnh tâm thần nhẹ) và chỉ cần người có sức khỏe, tôi đã đặt vấn đề với chủ doanh nghiệp để anh ta được vào làm việc. Tôi đưa ra ưu điểm của đối tượng là người rất khỏe mạnh có thể phân tích được hàng hóa, lại rất chịu khó làm việc nên sẽ đảm bảo tiến độ công việc. Khi doanh nghiệp còn e dè về chứng bệnh tâm thần nhẹ của đối tượng, tôi đã đưa ra hồ sơ điều trị của đối tượng để chứng tỏ bệnh tình đã thuyên giảm và tín hiệu khỏi bệnh là rất tích cực, công việc cũng không có áp lực về trí óc nên sẽ không ảnh hưởng đến bệnh. Thuyết phục mất một tuần thì doanh nghiệp đồng ý nhận đối tượng vào làm, họ nhận ra rằng nên tạo cơ hội cho những người có hoàn cảnh khó khăn làm việc, không những tạo ra thu nhập cho họ mà cũng đem về lợi ích cho doanh nghiệp và cũng là góp sức cùng chính quyền thực trong công tác giảm nghèo. Đến nay đã được 7 tháng kể từ khi đối tượng đi làm, kết quả rất tốt, đối tượng có được mức lương ổn định hàng tháng để đỡ dần cho vợ, gánh nặng kinh tế giảm xuống, giúp anh ta không còn căng thẳng về đầu óc, bệnh tình cũng nhờ đó mà dần thuyên giảm"

Vai trò biện hộ đã được chị N.H.O vận dụng thành công, song "biện hộ" vẫn là một khái niệm "mới", "lạ" như công tác xã hội vậy, thực tế cán bộ chính sách phường mới chỉ áp dụng được một phần nhỏ trong vai trò là người biện hộ, thuyết phục kêu gọi hưởng lợi cho thân chủ với một số đơn vị doanh

nghiệp: *"Nhưng gọi tên biện hộ nghe hơi cao siêu, tôi chỉ nghĩ đơn giản là mình thuyết phục cá nhân, tổ chức cung cấp nguồn lực tin tưởng vào khả năng của đối tượng, để họ được trợ giúp" – Trích phỏng vấn sâu chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường Y.*

Tuy nhiên, "biện hộ" là một kĩ năng cấp cao, cán bộ chính sách vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện:

Phỏng vấn chị C.T.H.Y – cán bộ chính sách phường C cho hay: *"Phường tôi có một trường hợp một anh đã từng có tiền án, bị đi cải tạo vì sử dụng ma túy. Nhưng giờ anh đã cai nghiện, có sức khỏe, muốn tham gia lao động nhưng các nơi khi biết được tiểu sử lý lịch của anh đều muốn tránh né. Tôi đã nhiều lần đến gặp một số đơn vị, lấy danh nghĩa cá nhân để bảo lãnh, nhưng có thể do kĩ năng biện hộ chưa tốt nên vẫn chưa thành công"*

Đặc biệt, ở các cấp cao hơn như biện hộ chính sách, các cán bộ còn gặp trở ngại lớn hơn: "Khi tôi đề xuất với cấp trên về việc thay đổi các tiêu chí xét duyệt hỗ trợ vay vốn trong chính sách hỗ trợ vay vốn của phường, với mong muốn các tiêu chí xét duyệt được linh hoạt hơn, giúp có thêm nhiều hộ nghèo được nhận hỗ trợ. Tuy nhiên cấp trên đã không đồng ý với đề xuất đó và cho rằng nên làm theo đúng quy chuẩn của chính sách đã đề ra"

Có thể thấy với những suy nghĩ cứng nhắc, dập khuôn trong thực thi chính sách của lãnh đạo đã khiến việc thực hiện chính sách giảm nghèo chưa được linh hoạt, gây thiệt thòi cho đối tượng,

Một hiện thực nữa trong công tác biện hộ, đặc biệt là liên quan tới biện hộ hoạch định chính sách, một phần là do sự cứng nhắc trong việc triển khai chính sách, lý do thứ hai là sự "nhạy cảm" trong việc đề xuất thay đổi chính sách, khiến các cán bộ thực hiện cảm thấy e dè, dẫn đến việc thực hiện vai trò biện hộ không được hiệu quả.

Chị N.T.N – cán bộ chính sách phường B chia sẻ về khó khăn này như sau: *"Tôi thấy mức hỗ trợ của nhà nước cho đối tượng nghèo thực sự vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu của họ, cần có thêm các trợ cấp khác. Song khi đề xuất cấp trên khá cứng nhắc, cho rằng một hộ không nên được nhận quá nhiều trợ cấp không sẽ khiến họ bị ỉ lại, và giới hạn suất chỉ có vậy thôi. Tôi đã cố gắng thuyết phục để cấp trên chấp thuận nhưng đã bị hiểu nhầm rằng đang làm điều không minh bạch, nghĩ rằng hộ nghèo đó có "nhờ vả" gì để tôi phải cố gắng xin trợ cấp thêm như vậy. Quả thực khi mình đang cố gắng đem đến lợi ích cho đối tượng mà nhận lại lại là sự nghi hoặc của lãnh đạo, tôi rất e ngại"*

Như vậy, ta có thể thấy các cán bộ chính sách đã bước đầu thực hiên được vai trò biện hộ trong việc hỗ trợ giảm nghèo thông qua việc lên tiếng bảo vệ quyền lợi, hỗ trợ kết nối việc làm cho người nghèo. Song trong quá trình thực hành biện hộ vẫn gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ quan theo các cán bộ trực tiếp thực hiện cho biết là bởi kĩ năng biện hộ còn hạn chế, nguyên nhân khách quan là cơ chế chính sách còn cứng nhắc. Vai trò biện hộ của nhân viên xã hội chưa được thừa nhận và nhận biết rộng rãi nên việc thực hiện vẫn còn khá "nhạy cảm".

2.2.4. Thực trạng vai trò giáo dục trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Giáo dục là một trong những dịch vụ mà người nghèo còn hạn chế tiếp cận. Trong vai trò nhân viên xã hội, các cán bộ triển khai chính sách giảm nghèo tại phường trong thực tế còn đóng vai trò giáo dục, vai trò đó được thể hiện cụ thể như sau:

Tuyên truyền, giáo dục bình đẳng giới: Bình đẳng giới không còn là vấn đề mới lạ nữa, nhưng quan niệm "có con trai nối dõi tông đường" vẫn còn

ăn sâu bén rễ trong tâm thức của rất nhiều người, đặc biệt là một nhóm người nghèo hạn chế tiếp cận với truyền thông giáo dục. Vậy cần có đội ngũ cán bộ đầy đủ về kiến thức, có kinh nghiệm trong truyền đạt để cung cấp những kiến thức, hiểu biết về bình đẳng giới, giúp họ suy nghĩ tân tiến hơn và chấm dứt tình trạng trọng nam khinh nữ.

Câu chuyện mà chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường Y chia sẻ sẽ minh chứng cho việc thực hiện vai trò giáo dục: *"Phường tôi có gia đình chị N.T.P, nhà đã có 5 con, nhưng đều là con gái. Đứa lớn 20 tuổi, đứa nhỏ thì có 6 tuổi. Nhưng anh chị vẫn mong muốn và cố gắng sinh thêm cậu con trai. Cuối cùng thì cũng sinh được người con thứ 6 là con trai. người mẹ sinh nở nhiều lần nên hay đau bệnh, không thể lao động nặng, gia đình càng thêm khó khăn. Vì quá chăm chút cho cậu con trai, cũng một phần do hạn chế kinh tế gia đình từ trước, nên các con gái lớn đã nghỉ học để đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình. Giờ các cháu đi làm đã lâu, tuy chưa hoàn thành cấp 3 nhưng đã ngại đi học, tôi không thể tiếp tục vận động các cháu trở lại trường được. Song tôi đã kết hợp với tổ dân phố, cán bộ phụ trách bình đẳng giới có những buổi nói chuyện, chia sẻ với anh chị về việc cố gắng tiếp tục cho các con gái nhỏ được tiếp tục đi học. Ban đầu anh còn tỏ ý phản đối, bởi anh cho rằng khi đói thì cần kiếm được tiền đã, bằng chứng như các cháu lớn chẳng phải đang rất tốt sao. Đi làm, kiếm tiền rồi lấy chồng, như vậy là nhanh thoát khổ nhất. Tôi và cán bộ bình đẳng giới mất hơn gần một năm trời kiên trì cùng nói chuyện, xem phim, chia sẻ tài liệu về việc tạo cơ hội cho bé gái được đi học, cũng như giới thiệu những chương trình hỗ trợ học phí, học nghề. Cuối cùng, anh chị cũng đồng ý với chúng tôi không để các cháu nghỉ học sớm nữa. Giờ mới một năm trôi qua, các cháu vẫn đang đi học, Tôi thực sự mong điều này sẽ được duy trì cho đến khi các cháu hoàn thành giáo dục bậc cao hoặc đào tạo nghề"*

Qua chia sẻ trên ta thấy vai trò giáo dục trong công tác giảm nghèo phải thực hiện một cách khéo léo để đối tượng không cảm thấy đang bị "dạy dỗ" mà chỉ là cung cấp cho họ những kiến thức hữu ích có thể giúp cho họ thay đổi cách nghĩ, cách tư duy, khi tư tưởng không còn bị bó hẹp thì cuộc sống của họ mới tươi sáng hơn. Bên cạnh đó, vai trò giáo dục cũng đòi hỏi sự kiên trì của người thực hiện, không phải là hoạt động chớp nhoáng mà đó là cả một quá trình chúng ta mở dần cánh cửa nhận thức đã bị đóng chặt bao lâu của đối tượng.

Một câu chuyện nữa sẽ cho chúng ta thấy rõ được vai trò giáo dục còn được thể hiện trong việc truyền đạt những kiến thức cơ bản tới người nghèo, như là kiến thức làm cha mẹ: *"Hiện nay, thường chỉ có các bậc phụ huynh có thu nhập trung bình khá trở lên mới có điều kiện quan tâm tìm hiểu hơn về cách giáo dục con cái. Còn đa số các phụ huynh có thu nhập thấp do phải lao động tăng thu nhập nên thời gian dành cho con không nhiều, các kiến thức liên quan đến giáo dục con trong thời đại mới rất hạn chế. Vì vậy, 1 năm 2 - 3 lần, bắt đầu từ năm 2012, kết hợp với cán bộ trẻ em/hội phụ nữ, chúng tôi tổ chức các buổi kĩ năng làm cha mẹ cho các bậc phụ huynh, và đặc biệt quan tâm mời các hộ nghèo. Các kĩ năng được chia sẻ trong đó là các kiến thức đến dinh dưỡng cho trẻ, cách chơi với trẻ mà không cần công nghệ, định hướng cho con về sức khỏe sinh sản ra sao… Việc tập hợp các hộ nghèo có con nhỏ đến tham gia đầy đủ là rất khó. Thế nên chúng tôi phải linh động hơn, là đến gõ cửa từng nhà để chia sẻ. Ban đầu với các buổi sinh hoạt nhóm lớn, chúng tôi mời người có chuyên môn về chia sẻ, tôi chỉ trong vai trò người tổ chức. Nhưng về sau, phải đi gõ cửa từng nhà hộ nghèo, từ người tổ chức, tôi đành kiêm nhiệm luôn thêm vai trò "tập huấn" chia sẻ lại với họ những kiến thức mà tập huấn viên đã chia sẻ trong các buổi sinh hoạt nhóm lớn được tổ chức tại phường. Ban đầu cũng gặp nhiều khó khăn lắm, sợ mình*

chia sẻ không hay, không tốt như tập huấn viên, hoặc sợ họ không quan tâm lắng nghe, nhưng cứ chia sẻ nhiều rồi thành quen. Ban đầu còn cần nhìn tài liệu, về sau không có tài liệu vẫn tự tin chia sẻ được. Có lẽ con cái bao giờ cũng là chủ đề mà cha mẹ quan tâm, nên dù rất mệt sau ngày lao động dài, tôi vẫn nhận được sự chăm chú quan tâm từ các bậc phụ huynh. Đôi khi vì quan điểm của họ khác, nên những gì tôi chia sẻ khiến họ khó chấp nhận được ngay. Nhưng dần dà, có người làm hiệu quả sẽ có người theo, đã nhiều phụ huynh hơn ủng hộ và làm theo những gì chúng tôi chia sẻ. Thực hiện thành công với những gia đình bình thường đã là kết quả đáng mừng, nhưng tôi thật sự hạnh phúc khi có những gia đình là hộ nghèo đã tiếp nhận và thực hành những kiến thức mà tôi cung cấp cho họ, trẻ em trong gia đình nghèo cũng vì thế mà được cha mẹ quan tâm chăm sóc hơn" – Chia sẻ của chị N.H.O – cán bộ chính sách phường P.

Hai câu chuyện trên cho thấy các cán bộ chính sách trong vai trò nhà giáo dục thực sự đã đóng góp không nhỏ bằng những hoạt động cụ thể vào công tác giáo dục bình đẳng giới hay giáo dục, cung cấp kiến thức cho các phụ huynh thuộc diện nghèo. Song việc nhân rộng mô hình này và triển khai rộng rãi hơn tới các phường vẫn chưa được nhiều hưởng ứng.

Chị C.T.H.Y – cán bộ chính sách phường C cho hay: *"Bản chất giáo dục là phải dạy. Với đối tượng người trưởng thành, lại là người nghèo, việc tiếp cận và truyền dạy kiến thức cho họ không phải là việc đơn giản. Cái họ quan tâm là dạy nghề thì đã có trường nghề lo. Những cái mình cho rằng họ cần như quản lý tài chính ra sao, xử lý xung đột như thế nào thì dường như họ không quan tâm, và cũng không cho rằng cán bộ trẻ như vậy, còn chưa lập gia đình thì làm sao mà hiểu được. Chỉ nói chuyện còn khó khăn, chứ chưa nói đến việc phải "dạy" họ ra sao. Tôi cũng thừa nhận bản thân không có khả năng chuyên môn để làm công tác giáo dục, nếu cần tôi sẽ mời người có*

chuyên môn về truyền đạt sẽ bài bản và hiệu quả hơn. Công việc của tôi cũng rất bận nên thực sự những hoạt động này tôi không chú trọng, miễn sao cung cấp đủ những hỗ trợ của nhà nước cho họ là được"

Như vậy, vai trò giáo dục của công tác xã hội tại các phường trong quận Đống Đa đã được thực hiện bước đầu và góp phần tăng hiệu quả giảm nghèo thông qua việc phối kết hợp với các hoạt động giáo dục trong công tác bình đẳng giới, giáo dục con cái. Song các hoạt động này vẫn còn hạn chế bởi nội dung và các chủ đề còn mới lạ đối với họ. Việc triển khai đồng bộ vai trò giáo dục này còn tùy thuộc vào cán bộ chính sách. Cán bộ chính sách không thực hiện được vai trò này nguyên nhân do hạn chế về chuyên môn, chưa đủ khả năng nâng cao nhận thức để nhóm người nghèo nhìn nhận đánh giá được sự cần thiết của giáo dục "học tập suốt đời", và do cán bộ chính sách đã quá tải với các công tác hiện tại nên việc thực hiện vai trò giáo dục vẫn nhạt nhòa, chưa được ưu tiên và cũng chưa có kết quả tích cực.

2.3. Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2.3.1. Thực trạng yếu tố chính sách và pháp luật ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Dù đã nhận định được tầm quan trọng của việc đưa công tác xã hội vào việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách giảm nghèo nói riêng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có một quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể nào được đưa ra để tạo hành lang pháp lý cho những nhân viên xã hội được làm việc tại cấp cơ sở một cách chính thức. Khi chức năng, vai trò của công tác xã hội chưa được công nhận bằng văn bản pháp lý cụ thể

thì rất khó để chính quyền, cán bộ chính sách thực hiện được vai trò của một người nhân viên công tác xã hội.

Chị N.T.N cán bộ chính sách phường B chia sẻ: *"Không chỉ tôi mà cán bộ chính sách của các phường khác cũng rất khó khăn nếu muốn lồng ghép công tác xã hội vào công tác giảm nghèo, bởi văn bản quy định về nghề mới chỉ dừng lại ở cấp Trung ương, được thực hiện thông qua các kế hoạch tập huấn của Thành phố, ở cấp phường hoàn toàn chưa có văn bản chính thức nào quy định về nghề công tác xã hội. Vậy người dân làm sao biết tới công tác xã hội, làm sao họ hiểu công tác xã hội là gì, cán bộ chính sách rất khó thực hiện vai trò của công tác xã hội nếu không có hành lang pháp lý bảo đảm cho họ hành nghề".*

Người dân nói chung và đặc biệt là người nghèo sẽ chỉ hiểu được cán bộ chính sách đang giúp đỡ, hỗ trợ mình với vai trò là chính quyền địa phương. Các vai trò của công tác xã hội đem lại lợi ích rất lớn cho người nghèo, đó không chỉ là sự hỗ trợ trước mắt về tài chính, y tế mà còn giúp người nghèo có được những nguồn lực giúp họ thoát nghèo bền vững, tiếp cận được với những dịch vụ xã hội cần thiết cho sự phát triển của gia đình họ.

Việc lồng ghép công tác xã hội vào thực hiện chính sách giảm nghèo chỉ thông qua các buổi tập huấn với tần suất thưa thớt không đem lại hiệu quả cao. Những kiến thức mà cán bộ chính sách thu nạp được sau những buổi tập huấn chỉ là những kiến thức cơ bản, sơ sài chứ chưa chuyên sâu, để áp dụng vào nghề là khá khó khăn. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận nỗ lực của các sở ban ngành khi luôn cố gắng liên kết, tổ chức các lớp tập huấn với mong muốn đem được công tác xã hội tới cộng đồng.

Vì vậy, để công tác xã hội được đưa về địa phương và thực hiện một cách chuyên nghiệp, trước tiên cần phải có những quy định về mặt pháp lý,

những chính sách cụ thể của địa phương về hoạt đồng nghề chuyên nghiệp công khai, phổ biến rộng rãi để người dân nói chung và người nghèo nói riêng biết đến công tác xã hội, vai trò của nhân viên xã hội trong cộng đồng, nhận ra những giá trị mà công tác xã hội đem lại. Từ đó đưa nghề công tác xã hội vào trong từng khía cạnh của đời sống người dân, giúp cho nền an sinh xã hội ngày càng bền vững và phát triển.

2.3.2. Thực trạng năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Yếu tố chuyên môn, năng lực của cán bộ chính sách địa phương tác động trực tiếp và mạnh nhất tới hiệu quả của việc đưa công tác xã hội vào thực hiện chính sách giảm nghèo. Với đa số cán bộ chính sách được đào tạo trái ngành công tác xã hội, thiếu kiến thức căn bản về công tác xã hội, cộng thêm khối lượng công việc lớn sẽ rất khó để họ kiêm nghiệm thêm vai trò của một người nhân viên xã hội. Nhận định này được tác giả rút ra từ kết quả phỏng vấn sâu cán bộ chính sách phường, trong đó đánh giá của chị N.T.H.T cho thấy rõ điều đó: *"Đa số cán bộ chính sách phường ở Quận Đống Đa đều học trái ngành, chủ yếu là ngành quản trị nhân lực và ngành luật. Vì vậy chúng tôi khi bước vào làm cán bộ chính sách đã là sự trái ngược, phải học lại từ đầu, cho đến bây giờ khi đã quen việc nhưng do khối lượng việc quá lớn, chúng tôi không có thời gian ngồi lại suy nghĩ nghiêm túc về việc lồng ghép công tác xã hội vào giảm nghèo nữa, cứ có chỉ thị là thực hiện, có lớp tập huấn thì đi học"*

Cán bộ chính sách địa phương không có kiến thức cơ bản về nghề sẽ khó nhận ra được giá trị thực sự của nghề, trong những hoạt động mà mong muốn của các cấp là lồng ghép được công tác xã hội vào thì đôi khi người

thực hiện là cán bộ chính sách lại chỉ thực hiện nó như một hoạt động triển khai chính sách đơn thuần, thực hiện sai cách và sai mục đích mà công tác xã hội nhắm tới.

Bên cạnh đó, nhận thức của cán bộ chính sách về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xã hội cũng là điều đáng nói. Chị N.T.H.T cán bộ chính sách phường Y chia sẻ: *"Một bộ phận cán bộ chính sách hay các đối tượng khác được tập huấn như tổ trưởng tổ dân phố, đoàn thanh niên…vẫn còn chưa nghiêm túc tham gia buổi tập huấn, họ đến buổi tập huấn với suy nghĩ đi cho có, đi để điểm danh mà chưa hiểu được ý nghĩa thực sự của công tác xã hội và chưa biết được tầm quan trọng của nó, vì thế mà các buổi tập huấn được tổ chức rất lãng phí và không hiệu quả. Theo tôi nếu bản thân người cán bộ được đi tập huấn mà không tự ý thức về tầm quan trọng của buổi tập huấn, không nghiêm túc lắng nghe, thu nạp kiến thức thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả của việc thực hiện lồng ghép công tác xã hội vào giảm nghèo"*.

Đúng vậy, không phải 100% cán bộ chính sách đi tập huấn về công tác xã hội với tinh thần học hỏi và chăm chú lắng nghe, rất ít người thực sự lắng nghe, tiếp thu kiến thức được truyền đạt. Phần đông họ tham gia các buổi tập huấn với suy nghĩ rằng "buổi tập huấn này không quan trọng, không liên quan tới công việc chuyên môn của mình", hay "đi tập huấn những kiến thức không đâu, mất hết cả thời gian làm việc". Cần phải nghiêm khắc chấn chỉnh những suy nghĩ sai hướng và thiếu trách nhiệm đó để các buổi tập huấn đạt được hiệu quả như mong đợi, tránh gây lãng phí mà không thu được kết quả gì.

2.3.3. Thực trạng nhận thức của người nghèo ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Những đối tượng là người nghèo được khảo sát trong luận văn này đều chưa được biết đến công tác xã hội chuyên nghiệp, họ chỉ nghĩ những sự trợ giúp họ nhận được từ cán bộ chính sách là hỗ trợ của chính quyền địa phương dưới hình thức cho – nhận đơn thuần.

Chị N.H.O cán bộ chính sách phường P chia sẻ: *"Công tác xã hội còn là một khái niệm quá mới với người nghèo, cộng đồng và mới với ngay cả bản thân cán bộ chúng tôi. Qua tập huấn mới biết, thực ra những điều mình làm hàng ngày trong công việc đã nhen nhóm những kỹ năng, nghiệp vụ của công tác xã hội, chỉ là tôi không nghĩ những điều gần gũi đó lại là một nghề chuyên nghiệp. Vì thế để người nghèo biết đến và hiểu được công tác xã hội còn là điều xa xôi, cần có quãng thời gian dài truyền thông, đưa dần dần những hiểu biết về công tác xã hội tới người nghèo, để chúng ta có thể thực hiện công tác xã hội một cách chuyên nghiệp và để người nghèo nhận thức được họ đang được trợ giúp một cách chuyên nghiệp, cần sự nỗ lực từ cả hai phía chính quyền và bản thân họ, chứ không đơn thuần là cơ chế xin – cho nữa".*

Nhận thức của người nghèo vẫn bị bó hẹp trong hai chữ xin – cho mà không biết được rằng họ được quyền tìm hiểu, được hỗ trợ kết nối với những nguồn lực về tài chính, y tế, nghề nghiệp, tâm lý v.v… Điều này dẫn đến cuộc sống của họ đã thiếu thốn so với mặt bằng chung của cộng đồng lại càng thiệt thòi khi có nguồn lực hỗ trợ mà không được biết đến để kết nối. Thêm vào đó, tâm lý của họ luôn nghĩ mình thấp kém, không dám đòi hỏi quyền lợi dẫn đến việc họ không biết hết được những lợi ích mà nếu được tiếp cận họ sẽ có thể

thoát nghèo bền vững cũng là một khó khăn để đưa công tác xã hội vào phổ biến trong đời sống của người nghèo.

Với những chương tình được kết nối, đôi khi họ không tận dụng được hết lợi ích mà nó đem lại. Họ chưa quan tâm thực sự đến quyền lợi mà mình nhận được, còn rụt rè, tự ti về bản thân khi nhận được những nguồn lực hỗ trợ thoát nghèo bền vững. Nếu nhận thức của người nghèo vẫn còn bị bó hẹp trong cái khung cũ, không dám phá bỏ thì việc đưa công tác xã hội vào công tác giảm nghèo là rất khó. Cần giúp họ thay đổi những suy nghĩ cố hữu về khả năng của bản thân để họ mở lòng đón nhận những nguồn lực hỗ trợ họ thoát nghèo.

Để làm được điều đó, cần rất nhiều sự nỗ lực của phía chính quyền địa phương, các công tác viên tại khu dân cư tuyên truyền mạnh mẽ, động viên nâng cao sự tự tin vào bản thân để người nghèo hiểu thêm về công tác xã hội và những lợi ích mà nó đem lại.

2.3.4. Thực trạng nhận thức của cộng đồng ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Qua chia sẻ của các cán bộ chính sách nói chung và cụ thể là chị N.H.O – cán bộ chính sách phường P nói trên, cộng đồng người dân vẫn chưa hiểu được vai trò của công tác xã hội, những cuộc vận động nguồn lực tài chính cho người nghèo, cộng đồng chỉ nghĩ rằng đó là "tiền ủng hộ, quyên góp cho người nghèo".

Chị T.T.Q – cán bộ chính sách Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận Đống Đa chia sẻ: *"Là cán bộ Quận, tôi cũng được tham gia các buổi tập huấn về công tác xã hội do Sở tổ chức, qua tìm hiểu thực tế, tôi đánh giá cộng đồng dân cư trên địa bàn quận vẫn chưa được biết đến công tác xã hội*

nói chung, chứ chưa nói đến công tác xã hội đối với người nghèo. Đây là một khái niệm quá mới mẻ với cộng đồng. Muốn lồng ghép thành công công tác xã hội vào giảm nghèo, thì trước hết phải đẩy mạnh truyền thông để cộng đồng biết đến khái niệm đó đã, hiểu được ý nghĩa, tính nhân văn của nó".

Công tác xã hội hướng đến một ý nghĩ nhân văn hơn, mong muốn cộng đồng hiểu rằng đó không phải là sự quyên góp thông thường, mà còn là trách nhiệm của mỗi người trong xã hội với những số phận thiệt thòi hơn, rằng chúng ta không chỉ quyên góp tiền cho họ, mà đó là sự hỗ trợ không chỉ là nguồn lực tài chính, mà còn là nguồn lực tinh thần hay nguồn lực về nghề nghiệp đối với các doanh nghiệp trên địa bàn.

Ngoài những đóng góp về tài chính qua các chương trình của chính quyền địa phương phát động, cộng đồng dân cư vẫn chưa có cái nhìn toàn diện và trách nhiệm hơn về vai trò của mình với người nghèo. Còn có những người có suy nghĩ sai lệch, nghĩ rằng người nghèo là gánh nặng của xã hội, cần tuyên truyền, giáo dục người lớn cũng như trẻ nhỏ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, để họ hiểu rằng đây là trách nhiệm mà mỗi công dân Việt Nam nên phải thực hiện một cách có tâm và văn minh.

Ngoài ra, không thể không kể đến những người dân đã có sự nhận thức tiên tiến, văn minh khi rất có trách nhiệm trong việc trợ giúp người nghèo như tạo những việc làm nhỏ, thu nhập ổn định cho người nghèo, những doanh nghiệp đón nhận người nghèo vào làm việc với sự tin tưởng vào khả năng của họ v.v.. Những nhân tố đó dù còn ít, nhưng là nền móng cho một xã hội phát triển văn minh, tình người.

Vậy từ thực tiễn, tác giả đã đưa ra bốn yếu tố tác động tới việc thực hiện vai trò công tác xã hội trong công tác giảm nghèo tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đó là: yếu tố chính sách và pháp luật; năng lực, nhận thức

của cán bộ chính sách tại địa phương; nhận thức của người nghèo; nhận thức của cộng đồng. Theo đánh giá của tác giả, yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương, bởi trong bốn yếu tố tác động tới thực trạng thực hiện vai trò công tác xã hội trong giảm nghèo tại quận Đống Đa thì yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách địa phương là yếu có tác động đa chiều tới các yếu tố còn lại. Có thể thấy, cán bộ chính sách là người trực tiếp thực hiện chính sách giảm nghèo; là người tiếp nhận những phản hồi của người nghèo để đóng góp vào việc hoạch định chính sách cho phù hợp với thực tiễn; thêm vào đó họ là những người có kỹ năng, nhiệm vụ kêu gọi, kết nối cộng đồng trong việc hỗ trợ người nghèo. Vì tất cả những lý do đó mà cán bộ chính sách địa phương trở thành yếu tố có tác động lớn nhất và cũng là mắt xích quan trọng nhất trong việc lồng ghép thực hiện vai trò công tác xã hội trong công tác giảm nghèo tại quận Đống Đa. Nếu người cán bộ chính sách địa phương làm tốt được nhiệm vụ của mình thì sẽ huy động được tối đa nguồn nhân, vật lực vào công cuộc giảm nghèo nói chung.

Tiểu kết Chương 2

Thực trạng việc vận dụng các vai trò của công tác xã hội vào trong các hoạt động của chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa cho thấy công tác xã hội đã bắt đầu được thực hiện trong các hoạt động của chính sách giảm nghèo. Nhưng trong các hoạt động khác nhau mỗi vai trò lại đạt được những hiệu quả riêng, cụ thể như vai trò kết nối được vận dụng trong tất cả các hoạt động và đạt được hiệu quả cao trong hoạt động truyền thông về chính sách giảm nghèo và kết nối đào tạo nghề, việc làm. Nhờ thực hiện vai trò kết nối mà người nghèo đã được tiếp cận với các thông tin, chính sách, chương trình và nguồn lực hỗ trợ họ giảm nghèo. Vai trò vận động cũng góp phần trong hoạt động truyền thông, nhưng đạt kết quả tốt và rõ ràng hơn trong hoạt động đào tạo nghề, kết nối việc làm và hỗ trợ tài chính thông qua việc vận động các nguồn lực như cơ sở đào tạo và sử dụng lao động, nguồn vốn cho các hoạt động tài chính và cả nguồn nhân lực hỗ trợ trong công tác giảm nghèo. Vai trò biện hộ và giáo dục bước đầu cũng được thực hiện nhưng chưa rõ nét và độ bao phủ chưa cao, tuy nhiên hai vai trò này cũng đã giúp cán bộ chính sách đem lại những quyền lợi cũng giúp người nghèo hiểu biết thêm những kiến thức hữu ích cho cuộc sống và mục tiêu thoát nghèo của họ.

Nhìn chung, công tác xã hội đã có bước khởi đầu và có dấu hiệu phát triển tích cực trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa. Nhưng do chưa có nhân viên xã hội chính thức, người thực hiện các vai trò của công tác xã hội là các cán bộ chính sách chỉ được tập huấn về công tác xã hội chứ không được đào tạo bài bản nên việc thực hiện còn mơ hồ, chưa chuyên nghiệp. Từ những thực trạng trên, tác giả sẽ đưa ra kết luận và đóng góp những ý kiến của mình qua những giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại quận Đống Đa.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ NHÓM GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO TẠI QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Quan điểm về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

3.1.1. Quan điểm chung về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới là tăng trưởng kinh tế phải tiến hành đồng thời với tiến bộ và công bằng xã hội. Song song với tăng trưởng kinh tế phải tập trung cho giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng yếu thế như người già, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người nghèo và các đối tượng xã hội khác. Thực hiện chủ trương đó, Việt Nam đã có những thay đổi tích cực và quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế - xã hội đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế trong nước và kinh nghiệm đi trước của các nước, ngày 25 tháng 3 năm 2010 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 32/2010/QĐ-Ttg phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 đã chính thức khởi đầu cho công cuộc phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam. Với mục đích nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp

phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến, trong đó có giảm nghèo, đảm bảo công bằng xã hội.

Với mục tiêu đào tạo, đào tạo lại cho 35.000 cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học (bình quân 3.500 người/năm); Tập huấn kỹ năng cho 25.000 cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội (bình quân 2.500 người/năm) Đề án đã và đang được thực hiện với kế hoạch thực hiện các chương trình hoạt động cụ thể với tổng kinh phí dự trù lên tới 2347,4 tỷ đồng.

Đề án đã cụ thể hoá quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến, góp phần giữ vững ổn định chính trị, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ban hành ngày 19 tháng 8 năm 2915 đã quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội. Trong chương III của thông tư liên tịch cũng hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra quy định chính thức về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội.

Sau 7 năm triển khai, Đề án phát triển nghề công tác xã hội đã đi vào cuộc sống và đạt được nhiều kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt là trong công tác giảm nghèo. Dù mới ở những bước đầu đưa công tác xã hội vào trong công tác giảm nghèo nhưng không thể phủ nhận những kết đã đạt được.

Công tác xã hội trong công tác giảm nghèo đã không chỉ đem lại cho người nghèo những cơ hội lao động chân chính bằng sức lực của mình, tạo ra thu nhập, của cải để vươn lên thoát nghèo bền vững mà còn giúp họ được bảo đảm được sống công bằng với cộng đồng, bù đắp cho họ những thiếu hụt về mặt đời sống tinh thần – xã hội.

Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn coi trọng và đề cao vai trò của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo. Điều đó cho thấy Đảng và Nhà nước ta đã có cách nhìn ngày càng toàn diện và đưa ra những chủ trương, biện pháp thiết thực để giảm nghèo, hạn chế phân hoá giàu nghèo gắn liền với phát triển văn hoá - xã hội; chú trọng đẩy mạnh việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường trợ giúp với đối tượng là người nghèo.

3.1.2. Quan điểm của Quận Đống Đa về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

Công tác giảm nghèo luôn được quận Đống Đa chú trọng thực hiện, bên cạnh những chính sách giảm nghèo nhằm đảm bảo sinh kế, cải thiện chất lượng đời sống cho người nghèo, quận cũng rất quan tâm tới việc lồng ghép công tác xã hội vào trong quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo.

Từ khi triển khai thực hiện Đề án 32 (QĐ số 32/2010/TTg), thành phố Hà Nội đã đưa ra các kế hoạch để thực hiện đề án như kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 14/3/2014 hay gần đây nhất là kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 28/4/2016 với mục đích đào tạo và tập huấn kỹ năng về nghề công tác xã hội cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên đang làm công tác xã hội trên địa bàn Thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng và đảm bảo về chất lượng, góp phần thực hiện tốt hệ thống chính sách an sinh xã hội Thành phố.

Dưới sự chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Lao động TBXH kết hợp cùng với Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác xã hội. Quận Đống Đa cũng đã vận động, mời các cán bộ chính sách 21 phường, các ông bà tổ trưởng, hội viên các đoàn thể đến tham dự các lớp tập huấn trên với mong muốn họ sẽ hiểu được công tác xã hội là gì, nó được thực hiện ra sao, vai trò của nó quan trọng thế nào và sẽ đem vận dụng những kiến thức, kỹ năng được tập huấn đó vào trong công việc mà họ đang thực hiện.

Quận Đống Đa nhận thấy rằng việc lồng ghép công tác xã hội vào trong thực hiện chính sách giảm nghèo là rất cần thiết bởi công tác xã hội tiếp cận và trợ giúp đối tượng từ nhiều mặt xung quanh đời sống của họ từ sức khỏe, sinh kế, tài chính, thông tin, tâm lý…đó là điều mà công tác giảm nghèo đơn thuần không làm được. Với cách làm việc chuyên nghiệp, can thiệp toàn diện nhưng vẫn để quyền quyết định là ở đối tượng, công tác xã hội không chỉ trợ giúp người nghèo tự giải quyết vấn đề, vượt qua khó khăn mà còn huy động được tất cả nguồn nhân vật lực cùng chính quyền thực hiện trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo an sinh xã hội.

Thực tế tại quận Đống Đa chưa có nhân viên xã hội chuyên nghiệp chính thức, mà chỉ có các cán bộ chính sách tự vận dụng các kiến thức học hỏi được qua các lớp tập huấn công tác xã hội vào trong công việc. Vì vậy mà việc thực hiện các vai trò của công tác xã hội chưa đồng bộ trong cả quận và chưa chuyên nghiệp như nhân viên xã hội thực sự. Quận cũng mong muốn Sở Lao động TBXH Hà Nội sẽ tổ chức thêm những lớp tập huấn chất lượng để các cán bộ tiếp tục trau dồi kiến thức và kỹ năng thực hành công tác xã hội trong công việc, đặc biệt là công tác giảm nghèo.

3.2. Nhóm Giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Sau đây là nhóm các giải pháp để vai trò của công tác xã hội trong thực hiện chính sách giảm nghèo ngày càng được thực hiện hiệu quả, phát huy hết vai trò ý nghĩa của nó, để làm được điều đó cần có sự đồng lòng của các ban ngành, đoàn thể cũng như toàn thể nhân dân.

3.2.1. Một số giải pháp chung nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Từ kết quả đánh giá thực trạng vai trò công tác xã hội trong giảm nghèo và thực trạng các yếu tố tác động tới thực trạng thực hiện vai trò công tác xã hội trong giảm nghèo, tác giả đưa ra những giải pháp chung nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3.2.1.1. Giải pháp về chính sách

Từ thực tế cho thấy chính sách giảm nghèo còn những hạn chế cần phải khắc phục. Số lượng văn bản quá nhiều và còn bị chồng chéo về nội dung khiến cho cán bộ chính sách gặp khó khăn trong thực hiện. Các cấp chính quyền cần xem xét, sửa đổi, ban hành những chính sách giảm nghèo rõ ràng về nội dung, tránh tình trạng một chính sách đưa ra lại có thêm nhiều văn bản Thông tư hướng dẫn kèm theo. Trong quá trình thực thi chính sách cần tiếp thu những phản hồi của người dân về những điểm cứng nhắc, bất cập của chính sách, xác minh lại và đưa ra những sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế để việc thực hiện chính sách được linh hoạt hơn.

Bên cạnh những chính sách về giảm nghèo, những chính sách cụ thể cũng đã được ban hành để đưa công tác xã hội trở thành một nghề chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đời sống xã hội, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở cấp Trung ương, hiện nay ngoài việc Thành phố triển khai các kế hoạch để thực hiện đề án 32 thì cấp Quận, phường vẫn chưa có văn bản cụ thể quy định về chức năng nhiệm vụ của nhân viên xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo, cán bộ chính sách (đóng vai trò nhân viên xã hội) không thể thực hiện vai trò của mình một cách rõ ràng, chính thức. Đây là yếu tố khó khăn tác động lớn nhất trong việc thực hiện vai trò của công tác xã hội với đối tượng là người nghèo.

Để công tác xã hội được bao phủ rộng rãi hơn, chính quyền tại địa phương cần đưa ra những quy định cụ thể về việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo, phổ biến rộng rãi tới người dân để tạo hành lang pháp lý và môi trường xã hội thuận lợi để người thực hiện vai trò nhân viên xã hội có thể thuận lợi cung cấp các dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng.

3.2.1.2. Giải pháp về nhân viên xã hội

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, người thực hiện vai trò của công tác xã hội tại các phường trong quận Đống Đa hiện nay chỉ có cán bộ chính sách và họ cũng chỉ được học hỏi kiến thức về công tác xã hội qua các buổi tập huấn. Với khối lượng công việc quá nhiều, cộng thêm không có nền tảng về công tác xã hội khiến các cán bộ chính sách không thường xuyên áp dụng được vai trò công tác xã hội vào hoạt động giảm nghèo và chưa chuyên nghiệp hóa.

Mục tiêu đào tạo kiến thức công tác xã hội của các buổi tập huấn không chỉ có cán bộ chính sách mà còn bao gồm những người công tác trong các ban ngành đoàn thể như: tổ trưởng tổ dân phố, hội viên hội chữ thập đỏ, hội viên

hội phụ nữ, đoàn thanh niên…, vì thế cần huy động những nguồn nhân lực này để tạo được mạng lưới các nhân viên xã hội từ trong cụm dân cư - nơi gần dân nhất cho tới nhân viên xã hội trong các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương. Thực hiện được điều đó sẽ giúp cán bộ chính sách bớt đi gánh nặng công việc và quan trọng hơn là nắm bắt được tình trạng của đối tượng, tâm tư, nguyện vọng của họ thông qua các nhánh nhân viên xã hội nhỏ trong từng cụm dân cư để kịp thời trợ giúp một cách toàn diện.

Tổ chức các lớp tập huấn khác nhau phù hợp với trình độ, tầm quan trọng của người được tập huấn trong việc thực hiện vai trò nhân viên xã hội trong cộng đồng. Cụ thể, đối với đối tượng là tổ trưởng tổ dân phố, hội viên hội chữ thập đỏ, hội viên hội phụ nữ, đoàn thanh niên… bước đầu cần đạt được thành công trong việc giúp họ biết được công tác xã hội là gì, vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo nói riêng và trong các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung quan trọng như thế nào, cung cấp cho họ những kiến thức cơ bản để nhận biết đối tượng của công tác xã hội là những ai, cách tiếp cận, xử lý ban đầu như thế nào. Giảng viên đứng giảng những lớp tập huấn này có thể là những giảng viên chuyên ngành công tác xã hội của các trường đại học, lãnh đạo của Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội, hay là lãnh đạo các phòng ban chuyên môn của các sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực tập huấn.

Đối với đối tượng tập huấn là cán bộ chính sách địa phương, cần có những lớp tập huấn đi sâu vào chuyên môn hơn chứ không chỉ là những kiến thức chung. Cần mở các lớp đào tạo chuyên sâu về công tác xã hội cho các cán bộ chính sách địa phương, từ kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề, cho đến các bước tiến trình cụ thể khi thực hiện một ca theo cách chuyên nghiệp. Cán bộ chính sách địa phương cần được đào tạo một cách bài bản, chi tiết như một người làm nghề công tác xã hội chuyên nghiệp, chứ không nên chỉ dừng lại ở

những lý thuyết đơn thuần. Giảng viên tham gia vào giảng dạy, đào tạo những lớp này phải cần đến những người vừa có thâm niên giảng dạy lâu năm về công tác xã hội vừa là những người có bề dày kinh nghiệm về thực hành công tác xã hội trong đời sống thực tế, cũng có thể là những người có thâm niên làm nhân viên công tác xã hội. Những người có chiều rộng kiến thức về công tác xã hội, có bề dày kinh nghiệm trong nghề như họ mới có thể truyền đạt những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giá trị nhất trong thực hành nghề công tác xã hội cho các cán bộ chính sách địa phương.

Bên cạnh việc đa dạng hóa nhân viên xã hội, cung cấp cho đối tượng đi tập huấn, đào tạo kiến thức về công tác xã hội một cách bài bản, cần cho họ thực hành sắm vai trong các tình huống giả định ngay tại lớp đào tạo hay buổi tập huấn để họ hiểu rõ hơn về lý thuyết, có kinh nghiệm để thực hành. Tránh tình trạng tổ chức các buổi tập huấn không chất lượng, mang tính hình thức gây tốn kém.

Sau các lớp tập huấn, đào tạo cần có những bài kiểm tra kiến thức để xác định xem đối tượng đi tập huấn, đào tạo có tiếp thu đầy đủ, chất lượng những kiến thức được truyền đạt hay không. Riêng với đối tượng là các cán bộ chính sách phường cần có những bài kiểm tra định kỳ, đơn vị tổ chức là Sở Lao động thương binh và xã hội, việc này vừa để kiểm tra kiến thức của họ, vừa giúp họ tự giác trau dồi liên tục những kiến thức, kỹ năng về công tác xã hội, có như vậy mới đem lại hiệu quả, thành công trong việc đưa công tác xã hội vào mọi mặt đời sống, mà đối tượng được thụ hưởng là nhân dân.

Cũng phải nói đến thực tế nhiều người đi tập huấn về công tác xã hội còn chưa nghiêm túc, chưa coi trọng nội dung tập huấn. Phải tăng cường truyền thông sâu rộng hơn nữa để thay đổi ý thức của họ, để họ nhận thấy vai

trò của công tác xã hội là thực sự quan trọng trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo và cả các công tác khác như dân số, trẻ em, bình đẳng giới…

3.2.1.3. Giải pháp về về bản thân người nghèo

Để thành công trong giảm nghèo cần có sự hợp tác từ hai phía, phía hỗ trợ (bao gồm cán bộ chính sách, các ban ngành đoàn thể, mạnh thường quân, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư) và phía được hỗ trợ. Bên cạnh những nỗ lực của phía hỗ trợ thì bản thân người nghèo cũng phải tự xác định được những ưu điểm của bản thân để phát huy và nhược điểm để sửa chữa, loại bỏ. Khi được trao sự tin tưởng và được kết nối với các nguồn lực, người nghèo cần phải cố gắng nỗ lực không ngừng để đem lại cho bản thân và gia đình cuộc sống khấm khá hơn.

Thay đổi cách suy nghĩ, cách nhìn nhận vấn đề theo hướng tích cực, thường xuyên tiếp nhận những thông tin hữu ích cho cuộc sống cũng là một cách để người nghèo thoát "nghèo trong tư duy".

3.2.1.4. Giải pháp về về cộng đồng dân cư

Không thể phủ nhận, cộng đồng dân cư là nguồn lực hỗ trợ lớn của hoạt động giảm nghèo, nhưng nguồn lực này vẫn chưa được tận dụng hết khả năng của nó. Trước tiên cần thay đổi suy nghĩ của cộng đồng về việc đóng góp ủng hộ người nghèo, lối mòn trong tư duy khiến họ hiểu lầm rằng đây là hoạt động từ thiện và việc họ làm để hỗ trợ người nghèo chỉ là ủng hộ tiền mặt. Cần cho họ hiểu rằng đây không chỉ đơn thuần là hành động ủng hộ người yếu thế trong xã hội mà là trách nhiệm của mỗi công dân Việt Nam, cùng chung tay với chính quyền trong việc đảm bảo an sinh xã hội.

Truyền thông sâu, rộng về công tác xã hội để người làm công tác xã hội và người dân có cái nhìn đầy đủ, tích cực về ngành công tác xã hội, nhân viên xã hội và những lợi ích mà nó đem lại cho xã hội.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực từ cộng đồng cũng cần được huy động để tạo cho người nghèo một môi trường sống gần gũi, không khoảng cách, không phân biệt đối xử. Mỗi người trong cộng đồng chỉ cần góp những nụ cười, những lời hỏi thăm, lời động viên cũng đã là cùng chung tay với chính quyền và xã hội thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, xóa nhòa mặc cảm của người nghèo, đưa họ lại gần hơn với mọi người xung quanh, gần hơn với những nguồn lực có thể hỗ trợ họ.

3.2.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

3.2.2.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò kết nối trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Kết nối là vai trò quan trọng, nó xuất hiện trong tất cả các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo của quận Đống Đa và cũng là vai trò đang được thực hiện hiệu quả nhất. Tuy nhiên, dù độ bao phủ rộng nhưng vẫn chưa phải là toàn diện, vẫn có ý kiến người dân phản ánh rằng họ không được kết nối với các thông tin về chính sách dành cho người nghèo (21,7% tương đương 13/60 người) hay chưa được kết nối để học nghề, hỗ trợ việc làm (65% tương đương 39/60 người) - *Trích số liệu phân tích mục 2.2.1.1 và 2.2.1.2.*

Để khắc phục tình trạng đó trong hoạt động truyền thông, trước tiên người cán bộ chính sách địa phương cần thường xuyên rà soát xem đối tượng là người nghèo có nắm bắt được thông tin mình truyền thông hay không. Với những lý do khách quan như nhà không có thiết bị để tiếp nhận thông tin, cán bộ chính sách nên đến tận nhà để truyền thông cho đối tượng.

Phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông để kết nối những thông tin bổ ích tới người nghèo. Bên cạnh đó

cần biên soạn nội dung thông tin truyền thông ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu để người nghèo tiếp nhận thông tin nhanh, đầy đủ và chính xác nhất bởi vẫn còn 23,4% (tương đương 11/47 người) đánh giá "Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng khó hiểu"- *Trích số liệu phân tích mục 2.2.1.1.*

Với những ý kiến người nghèo phản ánh cán bộ không cung cấp thông tin đầy đủ, không nhiệt tình giải thích (chiếm 19,1% tương đương 9/47 người - *Trích số liệu phân tích mục 2.2.1.1)*, chính quyền địa phương cần nghiêm khắc chấn chỉnh, tuyệt đối không được để người cán bộ chính sách lơ là, không làm tròn nhiệm vụ của mình. Bản thân người cán bộ chính sách cũng cần phải nghiêm túc nhận thức về vai trò kết nối của công tác xã hội trong hoạt động truyền thông giảm nghèo, không được chủ quan, hời hợt trong thực hiện bởi thông tin là một mắt xích quan trọng trong công tác giảm nghèo, thiếu thông tin dẫn tới việc người nghèo thiếu kiến thức, thiếu những hiểu biết về các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, bị bó hẹp suy nghĩ và xa rời đời sống thực tế cũng như cộng đồng dân cư.

Hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và hỗ trợ về tài chính còn gặp nhiều khó khăn, vậy nên cán bộ chính sách cùng chính quyền địa phương cần kết nối nhiều hơn những đơn vị tổ chức đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, các đơn vị, cá nhân hỗ trợ về tài chính. Tận dụng những tổ chức, doanh nghiệp, Mạnh thường quân đang hoạt động trên địa bàn, hay cả những mối quan hệ riêng của lãnh đạo địa phương, của cán bộ chính sách.

Theo chị C.T.H.Y – cán bộ chính sách phường C để nâng cao hiệu quả của hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cần *"Thực hiện sàng lọc, đánh giá và chọn ra những nghề có thời gian đào tạo không quá dài, sau đào tạo tìm được việc ngay và tạo ra thu nhập luôn để người nghèo dễ dàng chấp thuận việc được kết nối để học nghề và giới thiệu việc làm. Tránh những*

nghề có thời gian đào tạo quá lâu, khó xin việc và lâu thu hồi lại vốn, sẽ rất dễ khiến người nghèo nhanh nản, không tin tưởng vào tính khả thi của việc kết nối".

3.2.2.2. Giải pháp nhằm nâng cao vai trò vận động nguồn lực trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Vai trò vận động nguồn lực của công tác xã hội đã được thực hiện nhưng gặp rất nhiều khó khăn, bởi phần lớn cộng đồng vẫn quan niệm việc ủng hộ người nghèo chỉ thực hiện trong những phong trào được chính quyền địa phương phát động, chứ chưa có nhận thức trong việc hỗ trợ người nghèo với những kế hoạch lâu dài, bền vững.

Để khắc phục tình trạng này, cán bộ chính sách và chính quyền địa phương cần đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về ý nghĩa của vai trò vận động nguồn lực của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo, giải thích chi tiết cho cộng đồng về tác dụng của việc hỗ trợ lâu dài nếu thực hiện thành công. Chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường nêu giải pháp: *"Cần thay đổi nhận thức của cộng đồng từ suy nghĩ chia sẻ với người nghèo chỉ thông qua những hoạt động ủng hộ, gây quỹ hỗ trợ người nghèo sang suy nghĩ hỗ trợ người nghèo lâu dài, bền vững thông qua những kế hoạch hỗ trợ từ việc đào tạo nghề, kết nối việc làm cho tới thực hành nghề và tạo ra thu nhập, giúp họ thoát nghèo bền vững"*.

Có thể đề xuất phương án các tổ chức, cá nhân đầu tư cho người nghèo học nghề và cam kết sau đó họ sẽ phải làm việc cho tổ chức, cá nhân đó trong một thời gian để trả một phần số tiền họ được hỗ trợ để học nghề, vừa để tổ chức, cá nhân có thêm nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh (Tối thiểu là hai năm, hoặc hơn tùy vào nguồn tài chính đầu tư để học nghề).

Theo tác giả, bên cạnh việc vận động những nguồn lực từ bên ngoài, cán bộ chính sách đồng thời phải luôn thôi thúc ý thức, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, để họ có niềm tin và quyết tâm thay đổi cuộc đời, vươn lên thoát nghèo. Tìm hiểu, khơi gợi những khả năng tiềm ẩn của đối tượng, giúp họ phát huy những tố chất đó, góp ích cho kế hoạch thoát nghèo bền vững của họ. Vận động được nguồn lực từ chính bản thân đối tượng là đã vận động được nguồn lực bền bỉ và quý giá nhất.

Hơn thế nữa, không chỉ chú trọng vào vận động được nhiều nguồn lực, người cán bộ chính sách cũng cần vạch ra những kế hoạch để sử dụng một cách hiệu quả nhất những nguồn lực đã vận động được, tránh gây lãng phí nguồn lực, sử dụng không đúng mục đích, không hiệu quả. Khi có nhiều đối tượng đang cần được hỗ trợ, cán bộ chính sách phải cân nhắc, tính toán sao cho đối tượng nhận được hỗ trợ từ nguồn lực phù hợp với họ nhất, có thể lồng ghép sử dụng đan xen nhiều nguồn lực trong các kế hoạch để đối tượng được hỗ trợ toàn diện hơn.

3.2.2.3. Giải pháp nhằm nâng cao vai trò biện hộ trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Như đã trích dẫn phỏng vấn sâu chị N.T.H.T – cán bộ chính sách phường Y ở mục 2.2.3, vai trò biện hộ là một khái niệm mới đối với cán bộ chính sách cũng như đối với cộng đồng: *"Nhưng gọi tên biện hộ nghe hơi cao siêu, tôi chỉ nghĩ đơn giản là mình thuyết phục cá nhân, tổ chức cung cấp nguồn lực tin tưởng vào khả năng của đối tượng, để họ được trợ giúp"*. Vậy nên để thực hiện được vai trò này trước tiên cần phổ biến rộng rãi để cộng đồng hiểu được vai trò này là gì, chức năng, hiệu quả của nó ra sao.

Về mặt chuyên môn, để thực hiện đúng, hiệu quả được vai trò này người cán bộ chính sách cần tự trau dồi kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực

tế. Đây là vai trò đòi hỏi người thực hiện nó phải có một bề dày kiến thức, khả năng thuyết phục đối phương tốt.

Cán bộ chính sách địa phương cần được đào tạo thông qua một lớp học các kỹ năng của một luật sư, để đi thẳng vào vấn đề một cách quyết liệt, đầy đủ những lý lẽ, căn cứ vững chắc khi biện hộ cho người nghèo được hưởng quyền lợi của họ.

Bên cạnh đó, người cán bộ chính sách cần rèn luyện để có thể thuyết trình một cách trơn tru giúp tạo ấn tượng với đối phương, biên soạn nội dung trước khi biện hộ để cung cấp cho đối phương những thông tin cần thiết về đối tượng của mình, những yếu tố mấu chốt để từ đó họ chấp thuận việc hỗ trợ cho đối tượng. Tránh nói dài dòng, đưa ra những thông tin không cần thiết, bất lợi cho đối tượng của mình, phong thái biện hộ tự tin, rõ ràng, quyết liệt để đạt được hiệu quả một cách chuyên nghiệp bởi đây là vai trò biện hộ, không được thực hiện vai trò này dưới cách làm xin – cho.

3.2.2.4. Giải pháp nhằm nâng cao vai trò giáo dục trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Cũng giống như vai trò biện hộ, vai trò giáo dục còn rất lạ lẫm đối với các cán bộ chính sách và cộng đồng, vì thế cũng cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cộng đồng hiểu được bản chất của vai trò giáo dục, tránh gây hiểu nhầm để người nghèo không cảm thấy bị coi thường.

Theo chị N.T.N – cán bộ chính sách phường B để thực hiện được vai trò này: *"Người cán bộ chính sách phải có một lượng kiến thức hiểu biết rộng, phải luôn học hỏi, trau dồi kiến thức ở đa dạng các lĩnh vực, không chỉ biết qua mà còn phải am hiểu tường tận để có thể truyền đạt những kiến thức có ích, cần thiết nhất cho người nghèo"*.

Ngay từ đầu hay trong quá trình thực hiện vai trò giáo dục, người cán bộ chính sách phải rất thận trọng khi sử dụng ngôn ngữ, cách thức biểu đạt và đặc biệt là thái độ truyền đạt để người nghèo cảm thấy thoải mái nhất có thể khi tiếp nhận kiến thức, tuyệt đối không được để họ hiểu lầm rằng cán bộ đang "dạy dỗ" mình.

Để thực hiện vai trò giáo dục một cách chuyên nghiệp, theo tác giả người cán bộ chính sách phải luôn giữ thái độ tôn trọng đối tượng, không được đánh giá, hành xử với họ phụ thuộc vào cảm xúc của bản thân hay qua khả năng tiếp thu kiến thức của họ. Trên hết, người cán bộ chính sách phải thực hiện vai trò này với sự chuyên nghiệp, chuẩn mực khi cung cấp kiến thức và với tấm lòng của một người nhân viên công tác xã hội.

Bên cạnh đó, cán bộ chính sách nên đề xuất với lãnh đạo địa phương để thường xuyên tổ chức các buổi truyền thông ở nhiều lĩnh vực khác nhau bổ sung thêm những kiến thức thực tế, mới nhất cho cộng đồng, đó vừa là cơ hội để người nghèo tiếp nhận thêm kiến thức, vừa là cơ hội để họ giao lưu với cộng đồng xung quanh, thay đổi lối sống thu mình của họ.

Tiểu kết Chương 3

Những đánh giá và giải pháp được đưa ra trong chương chương 3 nhằm nâng cao kiến thức về công tác xã hội cho các cán bộ trong ngành nói riêng và cho cộng đồng xã hội nói chung.

Việc lồng ghép, thực hiện tốt vai trò công tác xã hội trong giảm nghèo không chỉ đem lại lợi ích cho người nghèo mà còn giúp các cán bộ chính sách được vận dụng kiến thức vào làm việc thực tế, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành.

Để việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong công tác giảm nghèo cần có sự nỗ lực không chỉ của chính quyền, cán bộ chính sách, người nghèo mà còn cần tới sự góp sức của cả cộng đồng xã hội.

KẾT LUẬN

Giảm nghèo là một mục tiêu mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước. Việc đưa công tác xã hội vào trong thực hiện chính sách giảm nghèo là một hướng đi mới vừa đáp ứng mục tiêu giảm nghèo bền vững, vừa tạo điều kiện cho ngành công tác xã hội phát triển ở nước ta. Việc lồng ghép công tác xã hội trong công tác giảm nghèo cũng giúp các nhân viên xã hội được vận dụng các kiến thức, kỹ năng được đào tạo vào điều kiện hoàn cảnh thực tế.

Qua quá trình nghiên cứu, thực hiện đề tài: ***"Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội"*** tác giả đưa ra những kết luận sau:

Các vai trò kết nối, vận động nguồn lực, biện hộ, giáo dục của công tác xã hội có được thực hiện trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa. Tuy nhiên, việc thực hiện các vai trò này chưa đồng đều và chưa đem lại hiệu quả cao do các hạn chế về chính sách, đội ngũ nhân viên xã hội, bản thân người nghèo và cộng đồng dân cư.

Cụ thể, chưa có những chính sách, quy định cụ thể để tạo hành lang pháp lý và môi trường xã hội cho nhân viên xã hội thực hiện vai trò của mình một cách chính thức trong công tác giảm nghèo.

Chưa có nhân viên xã hội chuyên nghiệp tại địa phương, người thực hiện vai trò như nhân viên xã hội chỉ có cán bộ chính sách mặc dù trong các buổi tập huấn về công tác xã hội, các thành phần được tập huấn rất đa dạng như tổ trưởng tổ dân phố, hội viên các đoàn thể, đoàn thanh niên, cán bộ trẻ em.v.v… Dù các buổi tập huấn công tác xã hội được tổ chức chu đáo, tốn kém song người đến tham dự chưa nhận thức được giá trị những kiến thức được tập huấn, một số người còn có thái độ hời hợt, không quan tâm.

Người nghèo chưa nhận thức được sự trợ giúp chuyên nghiệp của công tác xã hội mà chỉ hiểu đơn thuần rằng họ được chính quyền và cộng đồng giúp đỡ giảm nghèo. Lối sống thu mình, không muốn tiếp xúc với cán bộ, khiến công tác xã hội khó tiếp cận được với họ.

Cộng đồng còn chưa hiểu, thậm chí là chưa biết về công tác xã hội, chỉ biết ủng hộ người nghèo theo cách truyền thống là quyên góp tiền mặt. Khi những hiểu biết về công tác xã hội còn chưa được rõ ràng và rộng rãi thì rất khó để thực hiện công tác xã hội theo hướng xã hội hóa công tác giảm nghèo – mục tiêu mà Đảng và nhà nước hướng đến.

Tóm lại, công tác xã hội bước đầu đã được thực hiện trong công tác giảm nghèo tại quận Đống Đa, song do chưa có những quy định chính thức của địa phương về việc hành nghề, chủ yếu vẫn là các buổi tập huấn nâng cao kiến thức để cán bộ địa phương vận dụng thực hiện vai trò của công tác xã hội vào công tác giảm nghèo nên chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Nhưng nhìn chung nhờ vận dụng công tác xã hội vào việc thực hiện chính sách giảm nghèo mà một số đối tượng là người nghèo đã được tiếp cận với những nguồn lực giúp họ bộc lộ khả năng bản thân, lao động, có thu nhập để nâng cao mức sống của gia đình và vươn lên thoát nghèo bền vững. Bên cạnh đó cũng giúp cán bộ chính sách địa phương được thực hành, vận dụng các kiến thức về công tác xã hội vào thực tế, công tác xã hội trong công tác giảm nghèo nói riêng và công tác xã hội nói chung đang có những tín hiệu phát triển tích cực.

Tác giả mong muốn qua kết quả nghiên cứu đề tài: ***"Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội"*** sẽ giúp chính quyền địa phương, các cán bộ chính sách, các ban ngành đoàn thể và cộng đồng dân cư sẽ nhận thấy được tầm quan trọng của công tác xã hội, những lợi ích mà nó đem lại không chỉ cho đối tượng thụ

hưởng mà còn cho cả cộng đồng. Mong rằng công tác xã hội sẽ đi sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống để đảm bảo cho sự phát triển đất nước không chỉ giàu, mạnh mà còn văn minh và đoàn kết.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Bá (2001), *Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.

2. Đỗ Thị Bình (1996), Lê Ngọc Hân, *Phụ nữ nghèo nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb Chính trị quốc gia.

3. Đỗ Thị Dung (2011), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam*.

4. Phạm Ngọc Dũng (2015), *Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang*.

5. Nguyễn Thị Hằng (1997), *Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.

6. Trần Thị Hằng (2001), *Vấn đề giảm nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Học viện Chính tị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

7. Nguyễn Hải Hữu (2005), *Cuộc chiến chống nghèo đói thực trạng và giải pháp*.

8. Nguyễn Hải Hữu (2005), *Định hướng tiếp cận giải quyết vấn đề về nghèo đói ở nước ta*.

9. Bùi Thế Giang (1996), *Vấn đề nghèo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

10. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2001), *Xoá đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; phương pháp tiếp cận*.

11. Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*.

12. Bùi Thị Xuân Mai (2012), *Giáo trình nhập môn công tác xã hội, Nxb Lao động Xã hội*, Tr 14-146.

13. Nguyễn Thị Nhung (2012), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam.*

14. National Association of Social Workers (1983), *Standards for Docial Service Manpower, New York: NASW,* Tr 4.

15. Lương Hồng Quang (2001), *Văn hóa của nhóm người nghèo Việt Nam. Thực trạng và giải pháp*.

16. Richard Jones, Trần Thị Hạnh, Nguyễn Anh Phong, Trương Thị Thu Trang (2009), *Rà soát tổng quan các chương trình dự án giảm nghèo ở Việt Nam,* Chương trình phát triển Liên hợp quốc, Tr 14.

17. Mai Tấn Tuân (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.*

18. World Bank (2004), *Đói nghèo và bất bình đẳng ở Việt Nam.*

19. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (VASS) (2011), *Báo cáo giảm nghèo ở Việt Nam- Thành tựu và thách thức.*

20. Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD) -Bộ LĐTB& XH (2015), *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam*.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(*Dành cho đối tượng người nghèo)*

Xin kính chào Quý Ông/Bà!

Để thu thập thông tin phục vụ cho luận văn ngành Công tác xã hội: ***"Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội".*** *Rất mong Ông/Bà giúp đỡ bằng cách trả lời bảng khảo sát dưới đây. Những thông tin mà Ông/Bà cung cấp chỉ để phục vụ cho đề tài và đảm bảo tính khuyết danh. Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Ông/Bà!*

1. Tuổi:…….

2. Giới tính:……..

3. Nơi cư trú: Phường……....., Quận Đống Đa, Hà Nội

4. Ông/Bà có được truyền thông về các chính sách giảm nghèo không?

a) Có **b) Không**

Nếu "Không" Ông/ Bà vui lòng cho biết lý do vì sao?

.....

.....

.....

Nếu "Có" Ông/ Bà vui lòng trả lời tiếp các câu hỏi sau:

4.1 Ông/Bà được cán bộ địa phương giới thiệu, giải thích về việc thực hiện các chính sách nào dưới đây?

a) Chính sách hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm

b) Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí

c) Chính sách đào tạo nghề và kết nối việc làm

d) Chính sách miễn giảm học phí

4.2 Ông/Bà được truyền thông về việc thực hiện chính sách giảm nghèo thông qua hình thức nào sau đây?

a) Loa phát thanh phường

b) Báo đài

c) Tờ rơi

d) Qua các cuộc họp

e) Truyền thông tại nhà

4.3 Ông/Bà đánh giá thế nào về hiệu quả của việc truyền thông này? Ông/Bà có nắm được đầy đủ nội dung về các thông tin đã được truyền thông hay không?

STT	**Nội dung truyền thông**	**Tôi đã nắm rõ**	**Tôi đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần**	**Tôi đã được nghe nhưng không hiểu**
1	Chính sách vay vốn và tặng sổ tiết kiệm			
2	Chính sách bảo hiểm y tế			
3	Chính sách hỗ trợ đào tạo			

	nghề và kết nối việc làm			
4	Chính sách miễn giảm học phí			
5	Nội dung khác (nêu rõ)……			

4.4. Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp nhận thông tin truyền thông?

a) Không có đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau

b) Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng, khó hiểu

c) Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích khi cần

d) Khác (Nếu rõ: .....)

4.5 Ông/Bà vui lòng cho biết nguyên nhân nào dẫn đến việc ông bà chưa nắm rõ nội dung truyền thông?

.....

.....

.....

.....

4.6 Ông/Bà vui lòng đánh giá vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong việc truyền thông về chính sách giảm nghèo

a) Rất tốt. Cán bộ chính sách cung cấp đầy đủ thông tin và nhiệt tình giải thích những thắc mắc của tôi

b) Bình thường. Cán bộ chính sách cung cấp đầy đủ thông tin nhưng không giải đáp được những thắc mắc của tôi

c) Không tốt. Cán bộ chính sách cung cấp thông tin thiếu đầy đủ, không thường xuyên, không nhiệt tình giải đáp thắc mắc của tôi

4.7 Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo?

.....

.....

.....

4.8 Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo?

.....

.....

.....

5. Ông/Bà có được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm không?

a) Có b) Không

Nếu "Không" xin Ông/Bà cho biết lý do tại sao?

.....

.....

.....

Nếu "Có" xin Ông/Bà trả lời các câu hỏi tiếp theo sau:

5.1 Ông/Bà được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm ở lĩnh vực nào sau đây?

a) Lĩnh vực may mặc

b) Lĩnh vực cơ khí - kỹ thuật (sửa chữa xe máy, ô tô, đồ gia dụng điện tử…)

c) Lĩnh vực nấu ăn

d) Lĩnh vực khác

(Nêu rõ:.....)

5.2 Ông/Bà đánh giá thế nào về hiệu quả của hoạt động đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm?

a) Rất tốt. Tôi đã được học nghề một cách bài bản và được giới thiệu một công việc phù hợp, mức lương ổn định

b) Bình thường. Tôi đã được đào tạo nghề một cách bài bản nhưng chưa được giới thiệu một công việc nào (hoặc công việc được giới thiệu không phù hợp với tôi)

c) Không tốt. Chương trình đào tạo nghề không đầy đủ về kiến thức, kỹ năng để hành nghề

5.3 Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc tham gia vào chương trình hỗ trợ về đào tạo nghề và kết nối việc làm (nếu có)

a) Tôi không có thời gian để tham gia đầy đủ các buổi học vì còn phải đi lao động kiếm tiền mưu sinh

b) Tôi không tiếp thu được kiến thức của chương trình đào tạo

c) Tôi không đủ kinh tế để theo học các khóa đào tạo

d) Việc làm được giới thiệu quá khả năng mà tôi có thể đáp ứng

5.4 Ông/Bà vui lòng đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm

a) Rất tốt. Cán bộ chính sách nhiệt tình giới thiệu và vận động được nguồn tài trợ cho tôi đi học nghề. Cán bộ chính sách còn làm cho nhà tuyển dụng tin tưởng, nhận tôi vào làm.

b) Bình thường. Cán bộ chính sách có giới thiệu tôi với trung tâm đào tạo nghề, nhưng tôi phải tự đi liên hệ để tìm nơi làm việc

c) Không tốt. Cán bộ chính sách giới thiệu đầy đủ thông tin về chương tình đào tạo nghề và kết nối việc làm, nhưng không nhiệt tình giúp đỡ tôi tiếp cận với các chương trình đó

5.5 *Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm?*

.....

.....

.....

5.6 Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm?

.....

.....

.....

6. Ông/Bà có được nhận các hỗ trợ về tài chính không?

Nếu "Không" Ông/Bà cho biết lý do vì sao?

.....

.....

.....

Nếu "Có" Ông/Bà vui lòng trả lời những câu hỏi sau:

6.1 Ông/Bà được nhận hỗ trợ tài chính qua các hình thức nào dưới đây:

a) Hỗ trợ vay vốn

b) Tặng sổ tiết kiệm

c) Hỗ trợ tài chính vi mô

6.2 Ông/Bà vui lòng đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ tài chính trên

STT	Hỗ trợ tài chính	Rất tốt	Bình thường	Không tốt
1	Hỗ trợ vay vốn			
2	Tặng sổ tiết kiệm			
3	Hỗ trợ tài chính vi mô			

6.3 Ông/Bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc nhận những hỗ trợ về tài chính

a) Số tiền hỗ trợ còn ít

b) Thủ tục để nhận được nguồn hỗ trợ rất rườm rà

c) Lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vay vốn

d) Không biết cách sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, sinh lời

6.4 Ông/Bà vui lòng đánh giá vai trò của cán bộ chính sách trong việc hỗ trợ tài chính

a) Rất tốt. Cán bộ chính sách rất nhiệt tình hướng dẫn tôi làm các thủ tục để nhận hỗ trợ tài chính, bên cạnh đó còn giúp tôi có thêm kiến thức, kinh nghiệm để sử dụng nguồn hỗ trợ hiệu quả

b) Bình thường. Cán bộ chính sách có cung cấp thông tin cho tôi về chương trình hỗ trợ tài chính nhưng tôi gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoàn thiện thủ tục, phải đi lại nhiều lần

c) Không tốt. Cán bộ chính sách tỏ ra hời hợt khi tôi hỏi thông tin về các chương trình hỗ trợ tài chính, không giải đáp được những thắc mắc của tôi và không hỗ trợ để tôi hoàn thiện thủ tục

6.5 *Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tài chính?*

.....

.....

.....

6.6 Ông/Bà có đề xuất gì để nâng cao vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động hỗ trợ tài chính?

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2

CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho cán bộ chính sách cấp Quận và Phường)

1. Anh (chị) bắt đầu tiếp nhận vị trí cán bộ chính sách (tại quận/phường) từ khi nào? Vị trí làm việc có phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo trước đây không? Nếu không, xin vui lòng chia sẻ những khó khăn khi phải làm việc trái ngành mình đã học?

2. Đề án 32 (QĐ số 32/2010/TTg) và Kế hoạch Chương trình giảm nghèo của Tp. Hà Nội có đề cập đến việc không ngừng nâng cao năng lực, trau dồi nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở trong lĩnh vực giảm nghèo như đào tạo kiến thức kĩ năng về công tác xã hội. Anh (chị) đã tham gia những khóa tập huấn nào, xin vui lòng chia sẻ dưới đây. Theo anh (chị), những tập huấn nâng cao nghiệp vụ như vậy có đáp ứng được nhu cầu của anh chị cũng như đáp ứng được những đòi hỏi của công việc không? Mức độ hài lòng của anh (chị) với những chương trình đó ra sao?

3. Xin anh (chị) vui lòng chia sẻ về quan điểm của Quận trong việc triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về áp dụng công tác xã hội trong việc thực hiện triển khai chính sách giảm nghèo. (Câu hỏi dành cho cán bộ Quận)

4. Xin anh (chị) vui lòng cho biết tại phường anh (chị) làm việc có thực hiện các vai trò của công tác xã hội không? (Câu hỏi dành cho cán bộ phường)

5. Nếu “Có” anh (chị) đã vận dụng các vai trò sau đây như thế nào trong công việc hiện tại tại cơ sở:

- Vai trò kết nối

- Vai trò vận động nguồn lực

- Vai trò biện hộ

- Vai trò giáo dục

6. Anh (chị) đã vận dụng những vai trò đó như thế nào vào công tác giảm nghèo và thực hiện trong những hoạt động nào?

7. Anh chị đánh giá ra sao về hiệu quả của việc vận dụng kiến thức vai trò trong công tác xã hội vào việc thực hiện các chính sách giảm nghèo? (Vay vốn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, tặng sổ tiết kiệm, cấp bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí,…). Những mặt thành công và những mặt đạt được là gì?

8. Anh (chị) gặp những khó khăn, vướng mắc gì trong quá trình thực hiện các vai trò của công tác xã hội vào thực hiện chính sách giảm nghèo?

9. Anh (chị) có đề xuất gì trong việc tăng cường hiệu quả của việc áp dụng công tác xã hội trong việc giảm nghèo tại địa phương?

Mẫu (

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc chỉnh sửa luận văn thạc sĩ sau bảo vệ

Học viên: Nguyễn Diệu Linh; **Mã học viên:** CT01021

Tên đề tài: Công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Chuyên ngành: Công tác xã hội**; Mã số ngành:** 60900101

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Lao động – Xã hội

Căn cứ vào biên bản cuộc họp Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ Công tác xã hội ngày 14/10/2017 tại Trường Đại học Lao động – Xã hội và các nhận xét, góp ý cụ thể của các thành viên hội đồng, tôi đã thực hiện chỉnh sửa các nội dung sau:

1. Về hình thức:

- Điều chỉnh cách trích dẫn tào liệu tham khảo
- Phân tích vai trò công tác xã hội qua khía cạnh truyền thông, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm
- Sửa các lỗi chính tả
- Điều chỉnh lại nội dung phần lý do chọn đề tài ngắn gọn, rõ ý
- Trình bày lại mục khách thể nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

2. Nội dung Chương 1:

- Điều chỉnh lại phần khái niệm: bỏ những khái niệm ít liên quan

- Mục 1.1.2 đã viết lại theo góp ý của phản biện 1: đưa ra quan điểm của tác giả về vai trò của công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

- Thay đổi tên mục 1.2 thành Những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo

3. Nội dung Chương 2:

- Đã bổ sung cơ sở khoa học phần đánh giá các yếu tố tác động tới thực trạng thực hiện vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

- Đã tóm gọn lại, chỉ ra yếu tố có tác động lớn nhất tới thực trạng thực hiện vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

4. Nội dung Chương 3:

- Đã bổ sung căn cứ cho phần giải pháp nhằm nâng cao vai trò công tác xã hội trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Xác nhận của	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*
Người hướng dẫn khoa học	**Học viên**
Nguyễn Trung Hải	**Nguyễn Diệu Linh**

Xác nhận của Chủ tịch Hội đồng chấm luận văn